

Phụ lục A6 KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG CÁC CẦU

6.1 Bảng tính kết cấu áo đường cho giai đoạn thiết kế kỹ thuật

6.1.1 CẦU NGUYỄN TRÃI

Ghi chú: *Số hiệu bảng và hình tuân theo 22TCN211-06.

D-1. Tiêu chuẩn thiết kế: **22TCN 211-06**

D-2. Cấp đường:

Cao tốc (2020 ~ 2035, 15 năm)

- Chỉ số tính toán tải trọng trục tiêu chuẩn được nêu dưới đây

Bảng 6.1-1: Chỉ số tính toán tải trọng trục tiêu chuẩn

Tải trọng trục tiêu chuẩn, P_{tt} (kN)	Áp lực tính toán với nền đường p (Mpa)	Đường kính vết bánh xe, D (cm)
100	0.6	33
120	0.6	36

- Từ bảng trên

$P_{tt} = 120$ kN
 $p = 0.6$ Mpa
 $D = 36$ cm

D-3. Số làn:

6-làn $\rightarrow f_l = 0.35$ (f_l ; hệ số từ 4 làn xuống 1 làn)

D-4. Tính toán tải trọng phương tiện

*Từ Chương 2 (Hướng 3+4, Phương tiện hàng ngày)

Bảng 6.1-2 Lưu lượng giao thông của mỗi loại phương tiện

Đoạn: Tân Vũ-Đình Vũ	Xe máy	Ô tô	Xe tải	Xe
2020	47,484	15,805	4,008	2,634
2025	46,538	28,342	3,954	4,040
2035	36,110	43,802	4,283	5,671

(Tỉ lệ tăng trưởng thường niên 2020-2025) = 10.35 %

(Tỉ lệ tăng trưởng thường niên 2025-2035) = 7.60 %

Chủng loại và số lượng xe tải, xe buýt được dự báo như sau;

	%	Số lượng
Xe bus (Tổng cộng)		5,671
- Xe bus nhỏ	45.5%	2,579
- Xe bus lớn	54.5%	3,092
Xe tải (Tổng cộng)		4,283
- Nhẹ	72.7%	3,115
- trung	12.3%	525
- Nặng	0.0%	0
- Nặng	0.0%	0
- Nặng	15.0%	643

Tính toán chuyển đổi về trục tiêu chuẩn (giai đoạn thiết kế năm cuối cùng)

Bảng 6.1-3 Tính toán tổng số trục, N (2035)

Loại phương tiện		P _i (kN)	C1	C2	n _i	$C_1 * C_2 * n_i * (P_i/P_{tt})^{4.4}$
Bus nhỏ	Trước	26.4	1	6.4	2,57	21
	Sau	45.2	1	1	2,57	35
Bus to	Trước	56.0	1	6.4	3,09	692
	Sau	95.8	1	1	3,09	1,148
Xe tải nhỏ	Trước	18.0	0	6.4	3,11	0
	Sau	56.0	1	1	3,11	109
Xe tải vừa	Trước	25.8	1	6.4	525	4
	Sau	69.6	1	1	525	48
Xe tải nặng	Trước	48.2	1	6.4	0	0
	Sau	100.0	1	1	0	0
Xe tải nặng	Trước	45.4	1	6.4	643	57
	Sau	90.0	2.2	1	643	399
Xe tải nặng	Trước	23.1	0	6.4	525	0
	Sau	73.2	2	1	525	119
Tổng						2,632

*P_{tt} = 120 kN

*Giá trị của P_i, C1, C2 được xác định theo Bảng E-1

$$N_{tt} = \sum f_i * N_i = 0.35 * 2,632 = 921 \text{ vehicles/day (2035)} \quad (3-3)$$

Để tính toán số trục bánh xe tiêu chuẩn cộng dồn trong giai đoạn 15 năm

$$N_e = \frac{[(1+q)^t - 1]}{q(1+q)^{t-1}} * 365 * N_{tt} \text{ (axles)} \quad (A-3)$$

t1= 5 (years), q1= 0.1035 (2020-2025)
 t2= 10 (years), q2= 0.0760 (2025-2030)
 Ntt1= 711 (vehicles/day), (See below calculation) (2020-2025)
 Ntt2= 921 (vehicles/day), (See previous page) (2025-2030)

Bảng 6.1-4 Calculation of Total Number of axles, N (2025)

Loại phương tiện		P _i (kN)	C1	C2	n _i	C ₁ *C ₂ *n _i *(P _i /P _{tt}) ^{4.4}	<-(3-1)
Bus nhỏ	Trước	26.4	1.0	6.4	1,83	15	
	Sau	45.2	1.0	1.0	1,83	25	
Bus to	Trước	56.0	1.0	6.4	2,20	493	
	Sau	95.8	1.0	1.0	2,20	818	
Xe tải nhẹ	Trước	18.0	0.0	6.4	2,87	0	
	Sau	56.0	1.0	1.0	2,87	101	
Xe tải vừa	Trước	25.8	1.0	6.4	485	4	
	Sau	69.6	1.0	1.0	485	44	
Xe tải nặng	Trước	48.2	1.0	6.4	0	0	
	Sau	100.0	1.0	1.0	0	0	
Xe tải nặng	Trước	45.4	1.0	6.4	594	53	
	Sau	90.0	2.2	1.0	594	368	
Xe tải nặng	Trước	23.1	0.0	6.4	485	0	
	Sau	73.2	2.0	1.0	485	110	
Tổng						2,030	

Ntt(2025)= 2,030 * 0.35 = 711 (veh/day) (2025)

Vi thế,

$$N_e = \frac{[(1+q_1)^{t_1} - 1]}{q_1(1+q_1)^{t_1-1}} * 365 * N_{tt1} + \frac{[(1+q_2)^{t_2} - 1]}{q_2(1+q_2)^{t_2-1}} * 365 * N_{tt2}$$

$$= 1,075,225 + 2,471,941 = 3,547,166 \text{ (trục)}$$

D-5. Xác định hệ số cường độ phục vụ đảm bảo thiết kế và giá trị module đàn hồi yêu cầu

$$E_{ch} > K_{cd}^{dv} * E_{yc} = 1.10 * 202 = 222 \text{ (Mpa)} \quad (3-4)$$

K_{cd}^{dv} : Hệ số cường độ biến dạng dựa theo độ ổn định

E_{yc} : Giá trị module đàn hồi yêu cầu

Bảng 6.1-5: Xác định hệ số cường độ biến dạng dựa theo độ ổn định

Độ ổn định	0.98	0.95	0.90	0.85	0.80
Hệ số cường độ K_{cd}^{dv}	1.29	1.17	1.10	1.06	1.02

Bảng 6.1-6 : Lựa chọn thiết kế theo cấp và loại đường

Cấp, loại đường	Design reliability		
	0.90	0.95	0.98
1. Đường cao tốc	0.90	0.95	0.98
2. Đường cao tốc/đường bộ -I, II Class	0.00	0.95	0.98
	0.85	0.90	0.95
	0.80	0.85	0.90
3. Đường đô thị	0.90	0.95	0.98
	0.85	0.90	0.95
4. Đường đặc biệt	0.80	0.85	0.90

$$K_{cd}^{dv} = 1.10$$

Bảng 6.1-7 Giá trị module đàn hồi yêu cầu

Các loại tải trọng trục		Giá trị module đàn hồi yêu cầu E_{yc} (Mpa), Dựa theo số lượng trục tính toán (xe/ngày/làn)									
		10	20	50	100	200	500	1000	2000	5000	7000
10	Cấp cao A1			133	147	160	178	192	207	224	235
	Cấp cao A2		91	110	122	135	153				
	Cấp thấp B1		64	82	94						
12	Cấp cao A1		127	146	161	173	190	204	218	235	253
	Cấp cao A2	90	103	120	133	146	163				
	Cấp thấp B1		79	98	111						

$$E_{yc} = 190 + (204 - 190) * (921 - 500) / (1000 - 500) = 202 \text{ Mpa}$$

D-6. Điều kiện thiết kế

- Điều kiện vật liệu

Bảng 6.1-8 Tính chất vật liệu mỗi lớp

Vật liệu	E(Mpa)			R _{ku} (Mpa)	C (Mpa)	φ (degree)	t (cm)
	Trượt	Biến dạng	Căng và uốn				
Lớp bề mặt	300	420	1800	2.8			5
Lớp dính bám	350	350	1600	2.0			14
Nền xử lý asphalt	350	350	800				12
Nền	300	300	300				60
Nền đắp	50	50	50		0.028	21	-

- Lớp bề mặt : Lớp Bitum loại I (lớp bề mặt) (BTNC20, Đá dăm >50%)
- Lớp dính bám : Lớp Bitum loại I(lớp dính bám) (BTNC25, Đá dăm >50%)
- Nền xử lý Asphalt : Đá dăm đen trộn với asphalt đậm
- Nền : Cấp phối đá dăm loại I
- Nền đắp : Đất sét pha, CBR=8

Ghi chú: *Giá trị của Asphalt và nền được dựa trên Bảng C-1

*E của nền đắp được xác định bởi công

thức B-5, (CBR=8)

$$E=4.68*CBR+12.48=50(\text{Mpa})$$

*Giá trị của nền đắp được xác định dựa theo Bảng B-3 ($W/W_{nh}=0.65$)

*Độ dày tối thiểu lớp Asphalt nên là 12.5cm. ($N_c > 4.0 \cdot 10^6$) (Theo Bảng 2-2)

Do vậy điều kiện thiết kế được nêu dưới đây

- Ntt= 921 (vehicles/lane/day in 2035)
- Ne= 3,547,166 (axle for 15 years)
- P_{tt}= 120 (kN)
- p= 0.60 (Mpa)
- D= 36 (cm)

	E _{yc} = 201.788 (Mpa),	K _{cd} ^{dv} = 1.1	t(cm)
Lớp bề mặt	Lớp Bitum loại I (lớp bề mặt) (BTNC20, Đá dăm >50%)		5
lớp bám dính	Lớp Bitum loại I(lớp dính bám) (BTNC25, Đá dăm >50%)		14
Nền xử lý asphalt	Đá dăm đen trộn với asphalt đậm		12
Lớp nền	Cấp phối đá dăm loại 1		60
Nền đắp	Đất sét pha, CBR=8		

D-7. Kiểm tra biến dạng

Số.	$K_{cd}^{dv} \cdot E_{yc} =$	222	Mpa	
4 : lớp bề mặt	$E_4 =$	420	Mpa	5 cm
3 Lớp dính bám	$E_3 =$	350	Mpa	14 cm
2 Lớp xử lý asphalt	$E_2 =$	350	Mpa	12 cm
1 Nền	$E_1 =$	300	Mpa	60 cm
		$E_0 =$	50	Mpa

$$E_{TB} = E_1 \cdot \left[\frac{(1 + k \cdot t^{1/3})}{(1 + k)} \right]^3 \text{ Mpa} \quad k = \frac{h_1}{h_2} \quad t = \frac{E_2}{E_1} \quad (3-5)$$

Kết quả được thể hiện trong bảng bên dưới:

Bảng 6.1-9 Kết quả tính toán E_{tbi}

Lớp	Lớp vật liệu	E_i (Mpa)	t = E_2/E_1	h_i (cm)	K = h_2/h_1	h_{tbi} (cm)	E_{tbi} (Mpa)
4	Lớp bề mặt	420	1.34	5	0.06	91	320
3	Lớp dính bám	350	1.14	14	0.19	86	315
2	Nền xử lý Asphalt	350	1.17	12	0.20	72	308
1	Nền	300		60		60	300

$$E_{tbs} = 320 \text{ daN/cm}^2$$

$$\beta = 1.245 \text{ (from below)}$$

$$E_{TB}^{tt} = \beta \cdot E_{tb}$$

$$= 1.245 * 320$$

$$= 398 \text{ Mpa}$$

Bảng 6.1-10 Hệ số điều chỉnh β

Tỉ lệ H/D	0.51	0.75	1.00	1.25	1.50	1.75	2.00
Hệ số β	1.033	1.069	1.107	1.136	1.178	1.198	1.210

$$\beta = 1.114 \cdot (H/D)^{0.12} \quad (\text{trong trường hợp } H/D > 2.0) \quad (3-6)$$

Trong đó;

D= 36 cm (Đường kính vệt bánh xe)

H= 91 cm ((Chiều cao của lớp)

Vi thể

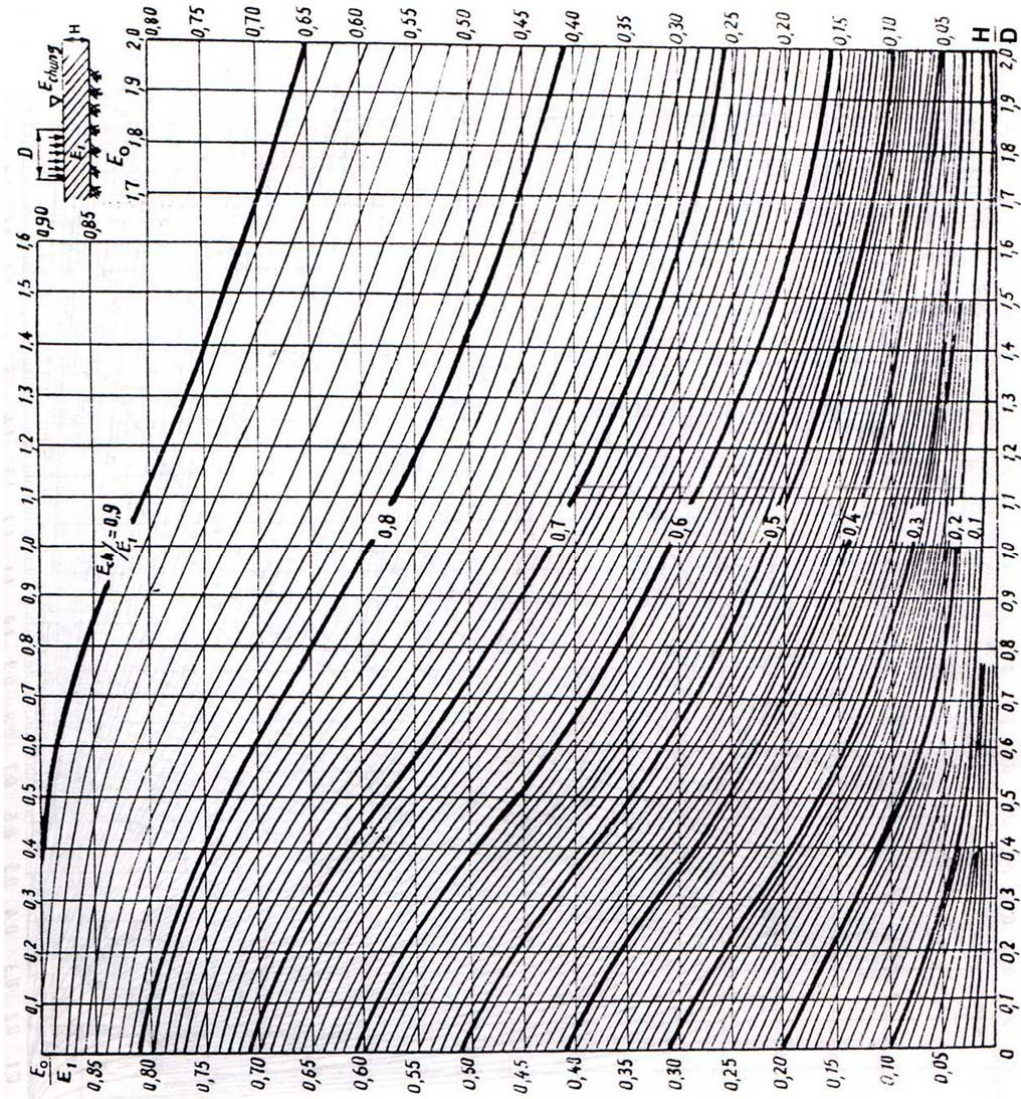
H/D= 2.53

Từ Bảng/Công thức 3-6,

$$\beta = 1.114 \cdot (91/36)^{0.12}$$

$$= 1.245$$

$E_0 = 50 \text{ Mpa}$, $E_{TB}^{tt} = 398 \text{ Mpa}$
 $E_0/E_{TB}^{tt} = 0.126$
 $H/D = 2.53$



Hình 6.1-1. Toán đồ xác định module đàn hồi chung của hệ thống hai lớp E_{ch} ($H/D < 2$)

$$E_{ch} = \frac{1.05 \cdot E_0}{\frac{1 + \frac{E_0}{E_1}}{\sqrt{1 + 4 \cdot \left(\frac{H}{D}\right)^2 \cdot \left(\frac{E_0}{E_1}\right)^{-0.67}}} + \frac{E_0}{E_1}} \quad (F-1) \quad (H/D > 2)$$

Từ Bảng/Công thức trên, $E_{ch} = 222 \text{ Mpa} \geq 222 \text{ Mpa} (= K_{cd}^{dv} \cdot E_{yc})$ **OK**

D-8. Kiểm toán trượt

$$T_{ax} + T_{av} < \frac{C_{tt}}{K_{cd}^{tr}} \quad (3-7)$$

T_{ax} : từ Bảng 3-2 (H/D < 2.0), từ Bảng 3-3 (H/D > 2.0) T_{av} :

Từ Bảng 3-4

C_{tt} : tr : Từ formula (3-8)

K_{cd} : Từ Bảng 3-7

- Tính toán of K_{cd}^{tr}

$$K_{cd}^{tr} = 0.94 \quad (\text{từ Bảng 3-7})$$

Bảng 6.1-11 Lựa chọn hệ số cường độ cắt dựa theo độ ổn định

Độ ổn định	0.98	0.95	0.90	0.85	0.80
Hệ số K_{cd}^{tr}	1.10	1.00	0.94	0.90	0.87

- Tính C_{tt}

$$C_{tt} = C * K_1 * K_2 * K_3 = 0.0202 \text{ (Mpa)}$$

C: 0.028 (Mpa) Cohesive force of fundation soil

K_1 : 0.6 for pavement carriageway

K_2 : 0.8 from Bảng 3-8

Bảng 6.1-12 Xác định hệ số K_2 dựa vào số lượng trục thiết kế

Số lượng trục thiết kế (N_{tt})	Under 100	Under 1000	Under 5000	Over 5000
Hệ số K_2	1.00	0.80	0.65	0.60

* N_{tt} = 921

K_3 : 1.5 Cho các loại đất dính bám (đất sét, sét cát, sét pha etc.)

Số.

4 Lớp bề mặt	$E_4 =$	300	Mpa	6 cm
3 Lớp dính bám	$E_3 =$	350	Mpa	7 cm
2 Lớp xử lý Asphalt	$E_{2=} =$	350	Mpa	10 cm
1 Nền	$E_1 =$	300	Mpa	60 cm

$C/K_{tt}^{tr} = 0.021$

$E_0 =$	50	Mpa
$C =$	0.028	Mpa
$\rho =$	21	degree

- Xác định T_{ax}

Bảng 6.1-13 Calculation results of E_{tbi}

Lớp	Lớp vật liệu	E_i (Mpa)	t $=E_2/E_1$	h_i (cm)	K $=h_2/h_1$	h_{tbi} (cm)	E_{tbi} (Mpa)
4	Lớp bề mặt	300	0.95	5	0.06	91	314
3	Lớp bám dính	350	1.14	14	0.19	86	315
2	Nền xử lý Asphalt	350	1.17	12	0.20	72	308
1	Nền	300		60		60	300

$$E_{tb} = 314 \text{ daN/cm}^2$$

$$\beta = 1.245 \text{ (from below)}$$

$$E_{TB}^{tt} = \beta \cdot E_{tb}$$

$$= 1.245 * 314$$

$$= 391 \text{ Mpa}$$

Bảng 6.1-14 Adjustment coefficient β

H/D Ratio	0.51	0.75	1.00	1.25	1.50	1.75	2.00
β Coefficient	1.033	1.069	1.107	1.136	1.178	1.198	1.210

$$\beta = 1.114 \cdot (H/D)^{0.12} \quad (\text{in case of } H/D > 2.0) \quad (3-6)$$

Trong đó:

$D = 36 \text{ cm}$ (Đường kính vệt bánh xe)

$H = 91 \text{ cm}$ (Chiều cao của Lớp)

Vì thế

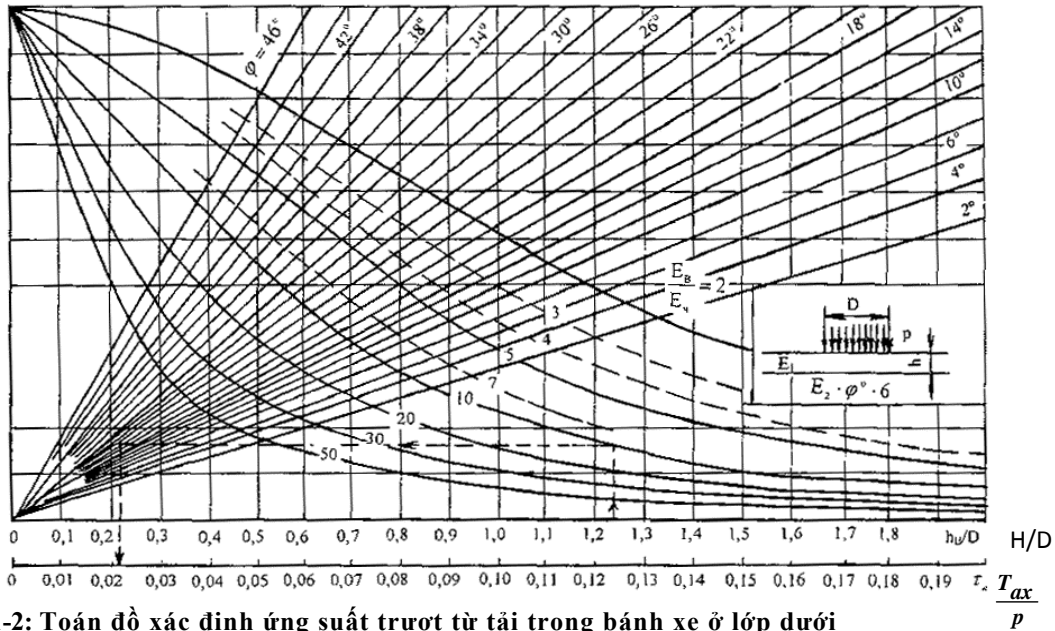
$$H/D = 2.53$$

Từ Bảng/Công thức 3-6,

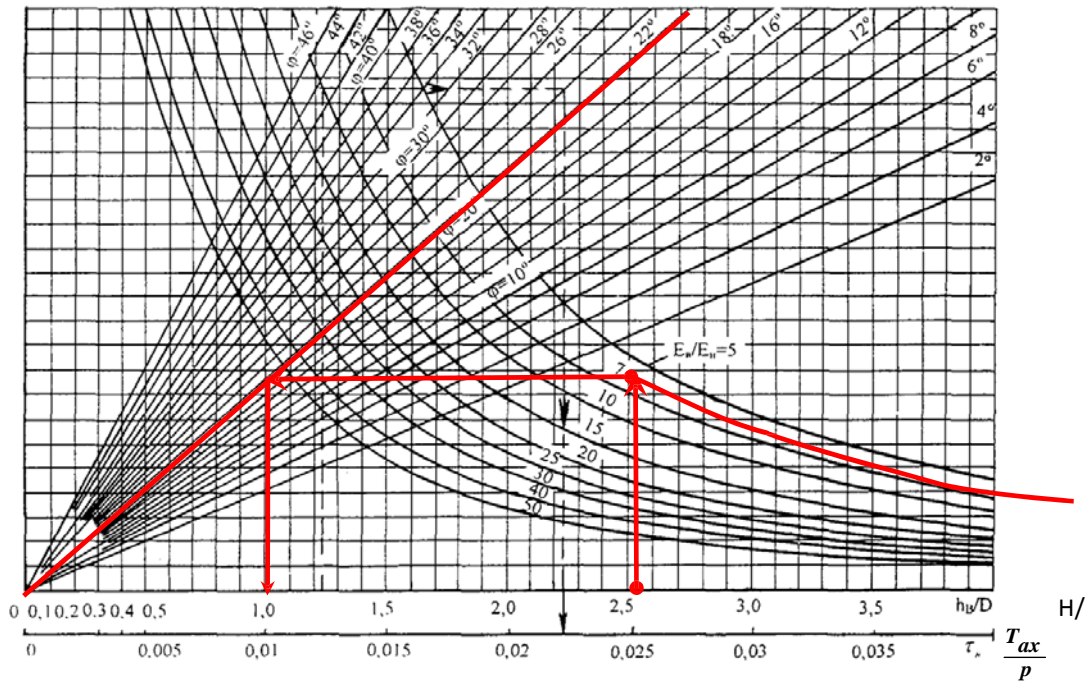
$$\beta = 1.114 \cdot (91/36)^{0.12}$$

$$= 1.245$$

$\frac{E_1}{E_2} = \frac{50}{7.81} \text{ Mpa}$, $E_{TB} = 391 \text{ Mpa}$
 $H/D = 2.53$ $\varphi = 21 \text{ degree}$



Hình 6.1-2: Toán đồ xác định ứng suất trượt từ tải trọng bánh xe ở lớp dưới trong hệ thống hai lớp (H/D = 0 ~ 2)

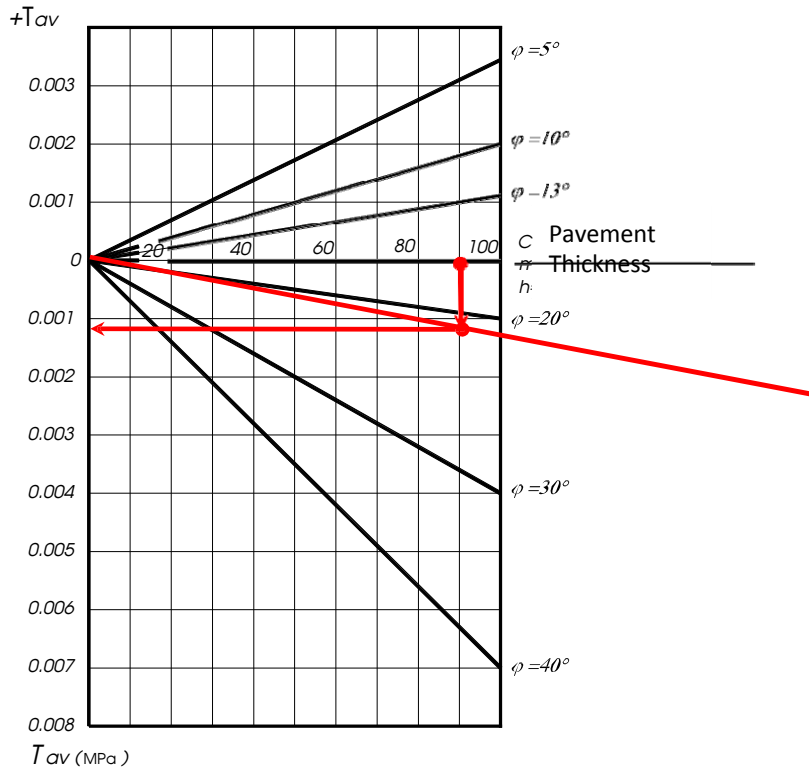


Hình 6.1-3: Toán đồ xác định ứng suất trượt từ tải trọng bánh xe ở lớp dưới trong hệ thống hai lớp (H/D = 0 ~ 4)

Từ ảnh trên, $T_{ax}/p = 0.010$, $p = 0.60 \text{ Mpa}$
 Vì vậy $T_{ax} = 0.006 \text{ Mpa}$

- Xác định T_{av}

H= 91 cm
 φ = 21 degree



Hình 6.1-4. Toán đồ xác định ứng suất cắt chủ động T_{av} theo trọng lượng bản thân áo đường

Từ Hình trên,

T_{ax} = -0.0011 Mpa

- Kiểm toán trượt

$$T_{ax} + T_{av} < \frac{C_{tt}}{K_{cd}^{tr}} \quad (3-7)$$

T_{ax} = 0.006 Mpa
 T_{av} = -0.0011 Mpa
 C_{tt} = 0.0202 Mpa
 K_{cd}^{tr} = 0.94 Mpa

$$T_{ax} + T_{av} = 0.006 + (-0.0011) = 0.0049$$

$$C_{tt}/K_{cd}^{tr} = 0.0202 / 0.94 = 0.0214$$

$T_{ax} + T_{av} < C / K_{cd}^{tr}$ OK

D-9. Checking Flexural Strength

$$\sigma_{ku} \leq \frac{R_{tt}^{ku}}{K_{cd}^{ku}} \quad (3-9)$$

$$\sigma_{ku} = \overline{\sigma}_{Ku} * p * K_b \quad (3-10)$$

$\overline{\sigma}_{ku}$: giá trị được xác định trong Hình 3-5, 3-6, (xem phía sau)

p: = 0.60 Mpa

Kb= 1.00 (cho tải trọng trục đặc biệt nặng nhất)

$$R_{tt}^{ku} = k_1 * k_2 * R_{ku} \quad (3-11)$$

$$k_1 = 11.11 / N_e^{0.22} \quad (\text{cho vật liệu bê tông asphalt}) \quad (3-12)$$

$$= 11.11 / 3,547,166^{0.22} = 0.40$$

$$N_e = 3,547,166 \quad (\text{axle for 15 years})$$

$$k_2 = 1.00 \quad (\text{cho vật liệu đặc với vật liệu vô cơ}) \quad R_{ku} =$$

$$2.80 \quad (\text{cho lớp bề mặt, Xem D-7 điều kiện thiết kế})$$

$$2.00 \quad (\text{cho lớp dính bám, Xem D-7 điều kiện thiết kế})$$

$$K_{cd}^{ku} = 0.94 \quad (\text{Từ Bảng 3-7})$$

- Điều kiện thiết kế

Số.

4 Lớp bề mặt	$E_4=$	1800	Mpa	5 cm
3 Lớp dính bám	$E_3=$	1600	Mpa	14 cm
2 Nền xử lý Asphalt	$E_2=$	800	Mpa	12 cm
1 Nền	$E_1=$	300	Mpa	60 cm
$E_0=$				50 Mpa

Bảng 6.1-15 Calculation results of E_{tbi}

Lớp	Lớp vật liệu	E_i (Mpa)	t $=E_2/E_1$	h_i (cm)	K $=h_2/h_1$	h_{tbi} (cm)	E_{tbi} (Mpa)
4	Lớp bề mặt	1800	3.69	5	0.06	91	533
3	Lớp dính bám	1600	4.42	14	0.19	86	487
2	Nền xử lý Asphalt	800	2.67	12	0.20	72	362
1	Nền	300		60		60	300

A) Kiểm toán lớp bề mặt

$h_1=$ 5 cm, $E_1=$ 1800 Mpa

$E_{tb4}=$ 487 Mpa (from Bảng D9-1)

$\beta =$ 1.237 (from below)

$E_{TB}^{tt} = \beta \cdot E_{tb}$

$=$ 1.237 * 487

$=$ 603 Mpa

Bảng 6.1-16 Adjustment coefficient β

Tỉ lệ H/D	0.51	0.75	1.00	1.25	1.50	1.75	2.00
Hệ số β	1.033	1.069	1.107	1.136	1.178	1.198	1.210

$\beta = 1.114 \cdot (H/D)^{0.12}$ (in case of $H/D > 2.0$) (3-6)

Trong đó;

$D=$ 36 cm (Đường kính vệt bánh xe)

$H=$ 86 cm (Chiều cao lớp)

Therefore

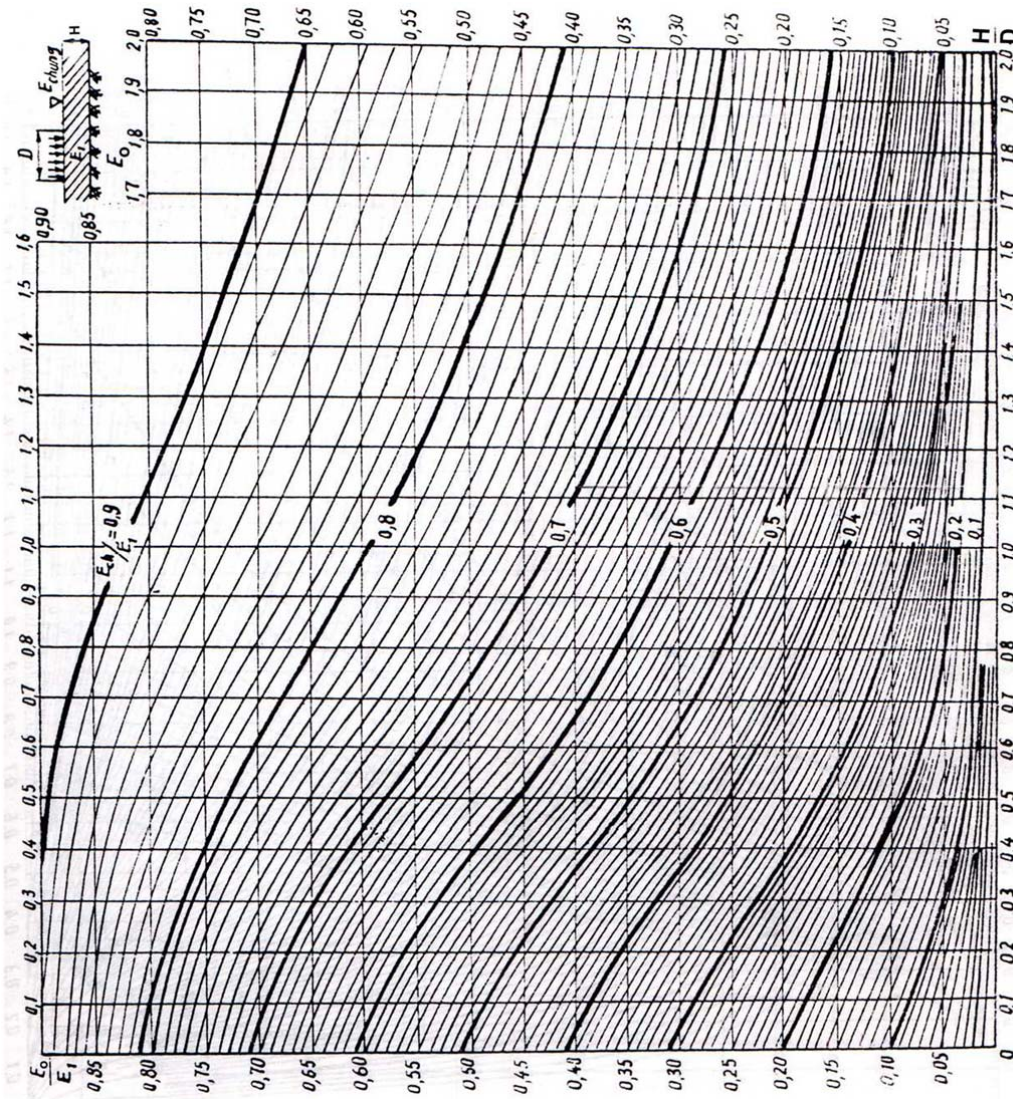
$H/D=$ 2.39

Từ Bảng/Công thức 3-6,

$\beta = 1.114 \cdot (86/36)^{0.12}$

$=$ 1.237

$E_0 = 50 \text{ Mpa}$, $E_{TB}^{tt} = 603 \text{ Mpa}$
 $E_0/E_{TB}^{tt} = 0.083$
 $H/D = 2.39$

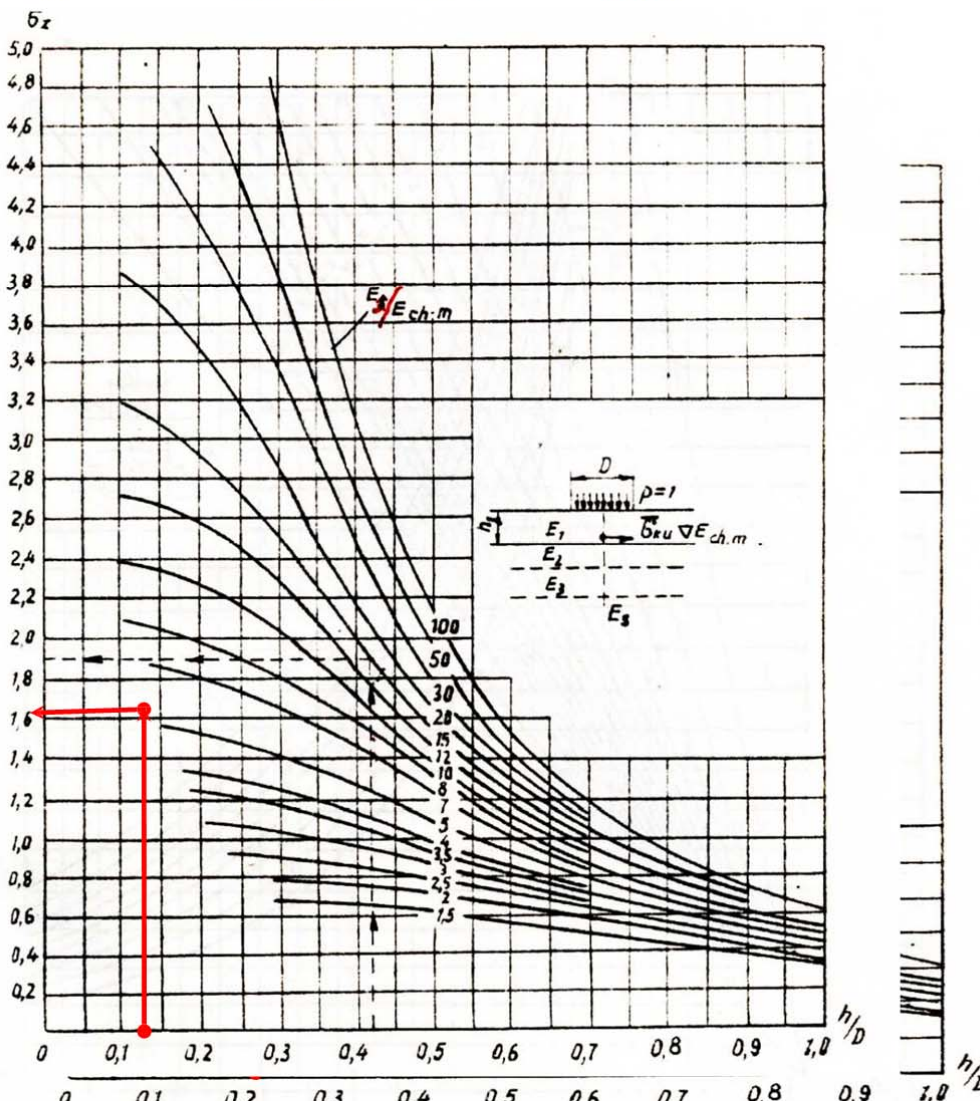


Hình 6.1-5 Toán đồ xác định module đàn hồi chung của hệ thống hai lớp E_{ch} ($H/D < 2$)

$$E_{ch} = \frac{1.05 \cdot E_0}{\sqrt{1 + 4 \cdot \left(\frac{H}{D}\right)^2 \cdot \left(\frac{E_0}{E_1}\right)^{-0.67}}} + \frac{E_0}{E_1} \quad (F-1) \quad (H/D > 2)$$

Từ Bảng/Công thức trên,, $E_{ch} = 290 \text{ Mpa}$

$h_1 = 5 \text{ cm} \Rightarrow H/D = 0.1389$
 $E_1 = 1800 \text{ Mpa} \Rightarrow E_1/E_{ch} = 6.2053$



Hình 6.1-6:

Hình 6.1-13: Toán đồ xác định đơn vị uốn và ứng suất căng σ_{ku} tại các lớp trên bề mặt

Từ hình trên,

$\sigma_{ku} = 1.65$

Vì vậy,

$\sigma_{ku} = \overline{\sigma}_{ku} * p * K_b = 1.65 * 0.60 * 1.00 = 0.99$

và,

$R_{tt}^{ku} = k_1 * k_2 * R_{tt} = 0.40 * 1.00 * 2.80 = 1.13$
 $K_{cd}^{ku} = 0.94$

$\sigma_{ku} \leq \frac{R_{tt}^{ku}}{K_{cd}^{ku}} = \frac{1.13}{0.94} = 1.20 \quad \text{OK}$

A) Kiểm toán lớp bám dính

$$h_1 = 5 + 14 = 19 \text{ cm}$$

$$E_1 = \frac{1800 * 5 + 1600 * 14}{5 + 14} = 1653 \text{ Mpa}$$

$$E_{tb} = 362 \text{ Mpa} \quad (\text{from Bảng D9-1})$$

$$\beta = 1.211 \quad (\text{from below})$$

$$E_{TB}^{tt} = \beta \cdot E_{tb}$$

$$= 1.211 * 362$$

$$= 438 \text{ Mpa}$$

Bảng 6.1-17 Adjustment coefficient β

Tỉ lệ H/D	0.51	0.75	1.00	1.25	1.50	1.75	2.00
Hệ số β	1.033	1.069	1.107	1.136	1.178	1.198	1.210

$$\beta = 1.114 * (H/D)^{0.12} \quad (\text{in case of } H/D > 2.0) \quad (3-6)$$

Trong đó;

$$D = 36 \text{ cm} \quad (\text{Đường kính vệt bánh xe})$$

$$H = 72 \text{ cm} \quad (\text{Chiều cao lớp})$$

Vì thế

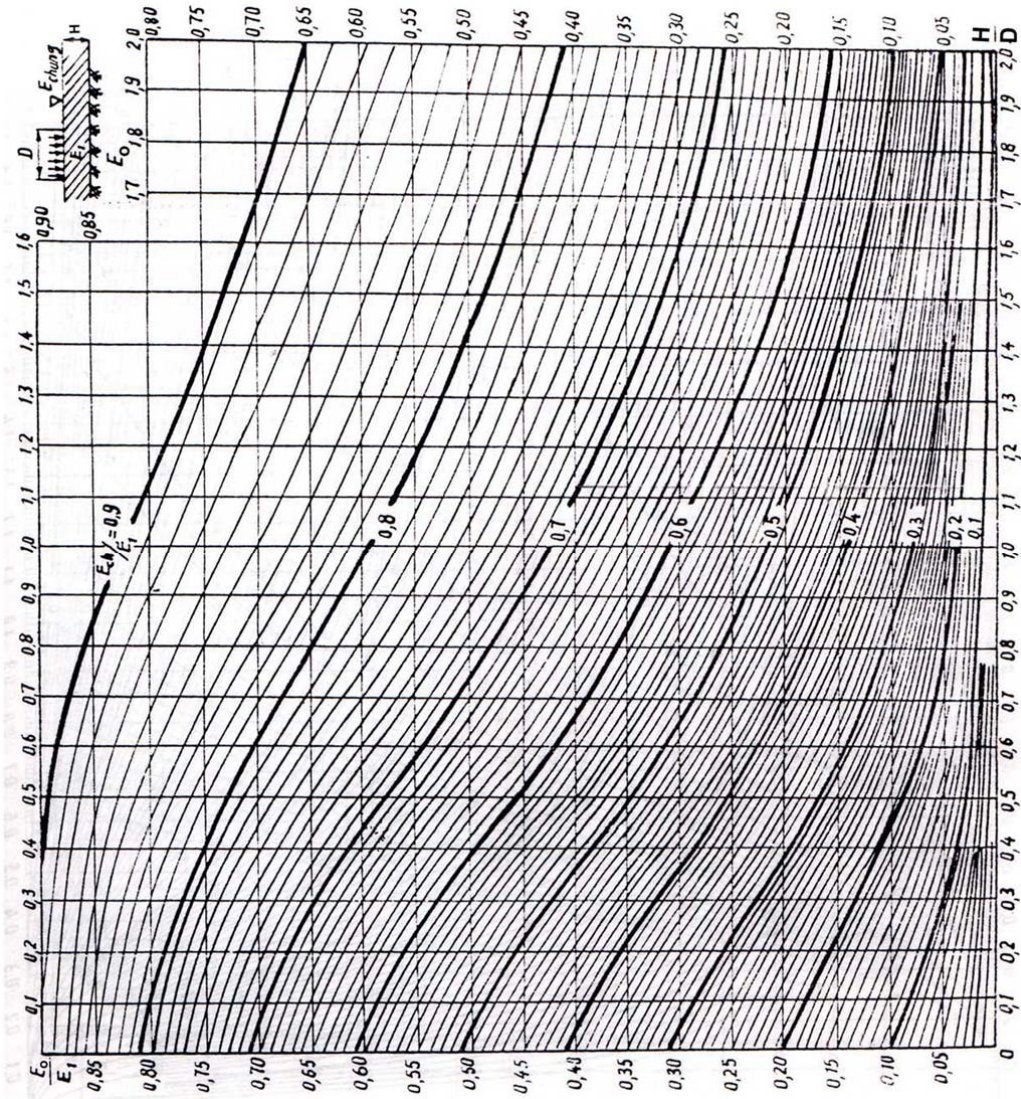
$$H/D = 2.00$$

Từ Bảng/Công thức 3-6,

$$\beta = 1.114 * (72/36)^{0.12}$$

$$= 1.211$$

$E_0 = 50 \text{ Mpa}$, $E_{TB} = 438 \text{ Mpa}$
 $E_0/E_{TB} = 0.114$
 $H/D = 2.00$

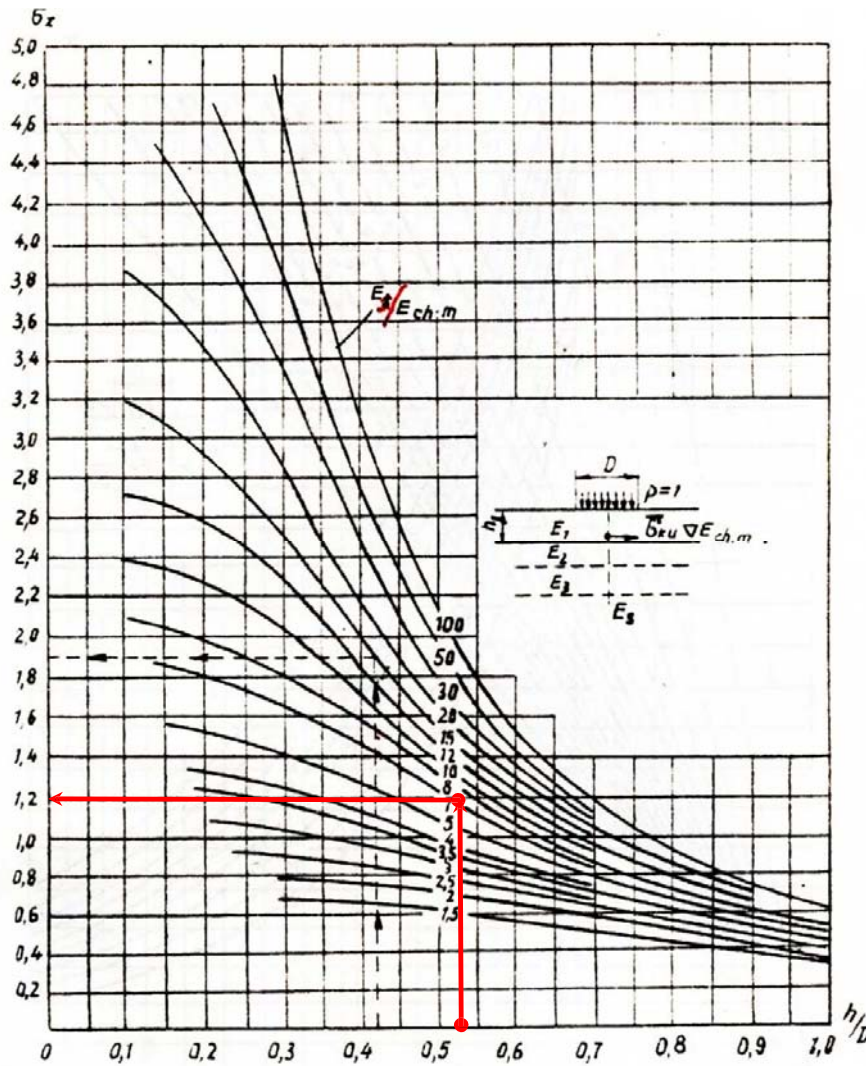


Hình 6.1-7 Toán đồ xác định module đàn hồi chung của hệ thống hai lớp E_{ch} ($H/D < 2$)

$$E_{ch} = \frac{1.05 \cdot E_0}{\frac{1 + \frac{E_0}{E_1}}{\sqrt{1 + 4 \cdot \left(\frac{H}{D}\right)^2 \cdot \left(\frac{E_0}{E_1}\right)^{-0.67}}} + \frac{E_0}{E_1}} \quad (F-1) \quad (H/D > 2)$$

From above Bảng/Formula, $E_{ch} = 212 \text{ Mpa}$

$h_1 = 19 \text{ cm} \Rightarrow H/D = 0.53$
 $E_1 = 1653 \text{ Mpa} \Rightarrow E_1/E_{ch} = 7.80$



Hình 6.1-8: Toán đồ xác định đơn vị uốn và ứng suất căng σ_{ku} trong các lớp trên bề mặt

Từ hình trên,

$\overline{\sigma}_{ku} = 1.22$

Vì thế,

$\sigma_{ku} = \overline{\sigma}_{ku} * p * K_b = 1.22 * 0.60 * 1.00$
 $= 0.73$

và,

$R_{tt}^{ku} = k_1 * k_2 * R_{ku} = 0.40 * 1.00 * 2.80$
 $= 1.13$
 $K_{cd}^{ku} = 0.94$

$\sigma_{ku} \leq \frac{R_{tt}^{ku}}{K_{cd}^{ku}} = \frac{1.13}{0.94} = 1.20 \quad \text{OK}$

6.1.2 RR3

Ghi chú: *Số hiệu bảng và hình tuân theo 22TCN211-06.

D-1. Tiêu chuẩn thiết kế:

22TCN 211-06

D-2. Cấp đường:

Cao tốc (2020 ~ 2035, 15 năm)

- Chỉ số tính toán tải trọng trục tiêu chuẩn được nêu dưới đây

Bảng 6.1-18: Chỉ số tính toán tải trọng trục tiêu chuẩn

Tải trọng trục tiêu chuẩn , $P_{tt}(kN)$	Áp lực tính toán với nền đường $p(Mpa)$	Đường kính vệt bánh xe, $D (cm)$
100	0.6	33
120	0.6	36

- Từ bảng trên

$P_{tt} = 120 \text{ kN}$
 $p = 0.6 \text{ Mpa}$
 $D = 36 \text{ cm}$

D-3. Số làn:

6 làn

->

$f_1 = 0.35$

(f_1 ; hệ số từ 4 làn xuống 1 làn)

D-4. Tính toán tải trọng phương tiện

*Từ Chương 2 (Hướng 3+4, Phương tiện hàng ngày)

Bảng 6.1-19 Lưu lượng giao thông của mỗi loại phương tiện

Đoạn: Tân Vũ-Đình Vũ	Xe máy	Ô tô con	Xe tải	Xe bus
2020	5,980	929	233	129
2025	10,238	5,158	1,587	620
2035	13,308	8,353	3,069	1,704

(Tỉ lệ tăng trưởng thường niên 2020-2025)

=

10.35 %

(Tỉ lệ tăng trưởng thường niên 2025-2035)

=

7.60 %

Chủng loại và số lượng xe tải, xe buýt được dự báo như sau;

	%	Số lượng
Xe bus		
(Tổng cộng)		1,704
- Xe bus nhỏ	34.0%	579
- Xe bus lớn	66.0%	1,125
Xe tải		
(Tổng cộng)		3,069
- Nhẹ	47.6%	1,460
- Trung	13.0%	398
- Nặng	0.0%	0
- Nặng	0.0%	0
- Nặng	39.5%	1,211

- Tính toán chuyển đổi về trục tiêu chuẩn (giai đoạn thiết kế năm cuối cùng)

Bảng 6.1-20 Tính toán tổng số trục, N (2035)

Loại phương tiện		P _i (kN)	C1	C2	n _i	$C_1 * C_2 * n_i * (P_i/P_{tt})^{4.4}$	<-(3-1)
Xe bus nhỏ	Trước	26.4	1	6.4	579	5	
	Sau	45.2	1	1	579	8	
Xe bus lớn	Trước	56.0	1	6.4	1,125	252	
	Sau	95.8	1	1	1,125	418	
Xe tải nhẹ	Trước	18.0	0	6.4	1,460	0	
	Sau	56.0	1	1	1,460	51	
Xe tải trung	Trước	25.8	1	6.4	398	3	
	Sau	69.6	1	1	398	36	
Xe tải nặng	Trước	48.2	1	6.4	0	0	
	Sau	100.0	1	1	0	0	
Xe tải nặng	Trước	45.4	1	6.4	643	57	
	Sau	90.0	2.2	1	643	399	
Xe tải nặng	Trước	23.1	0	6.4	525	0	
	Sau	73.2	2	1	525	119	
Tổng cộng					N=	1,348	

*P_{tt} = 120 kN

*Giá trị của P_i, C1, C2 được xác định theo Bảng E-1

$$N_{tt} = f_l * N = 0.35 * 1,348 = 472 \text{ phương tiện/ngày (2035)} \quad (3-3)$$

- Để tính toán số trục bánh xe tiêu chuẩn cộng dồn trong giai đoạn 15 năm

$$N_e = \frac{[(1+q)^t - 1]}{q(1+q)^{t-1}} * 365 * N_{tt} \text{ (trục)} \quad (A-3)$$

t1=	5 (năm),	q1=	0.1035	(2020-2025)
t2=	10 (năm),	q2=	0.0760	(2025-2030)
Ntt1=	207 (phương tiện/ngày), (Xem tính toán bên dưới)			(2020-2025)
Ntt2=	472 (phương tiện/ngày), (Xem trang trước)			(2025-2030)

Table 6.1-21 Calculation of Total Number of axles, N (2025)

Loại phương tiện		Lo	C1	C2	ni	$C_1 * C_2 * n_i * (P_i/P_{tt})^{4.4}$	<-(3-1)
Xe bus nhỏ	Xe bus	26.4	1.0	6.4	211	2	
		45.2	1.0	1.0	211	3	
Xe bus lớn	Xe bus	56.0	1.0	6.4	409	92	
		95.8	1.0	1.0	409	152	
Xe tải nhẹ	Xe tải nhẹ	18.0	0.0	6.4	755	0	
		56.0	1.0	1.0	755	26	
Xe tải trung	Xe tải trung	25.8	1.0	6.4	206	2	
		69.6	1.0	1.0	206	19	
Xe tải nặng	Xe tải	48.2	1.0	6.4	0	0	
		100.0	1.0	1.0	0	0	
Xe tải nặng	Xe tải	45.4	1.0	6.4	332	30	
		90.0	2.2	1.0	332	206	
Xe tải nặng	Xe tải	23.1	0.0	6.4	271	0	
		73.2	2.0	1.0	271	62	
Tổng cộng					N=	592	
Ntt(2025)=		592 *		0.35	=	207 (xe/ngày)	(2025)

Vì vậy

$$N_e = \frac{[(1+q_1)^{t1} - 1]}{q_1(1+q_1)^{t1-1}} * 365 * N_{tt1} + \frac{[(1+q_2)^{t2} - 1]}{q_2(1+q_2)^{t2-1}} * 365 * N_{tt2}$$

$$= 313,724 + 1,265,691 = 1,579,415 \text{ (trục)}$$

D-5. Xác định hệ số cường độ phục vụ đảm bảo thiết kế và giá trị module đàn hồi yêu cầu

$$E_{ch} \geq K_{cd}^{dv} * E_{yc} = 1.10 * 188 = 207 \text{ (Mpa)} \quad (3-4)$$

K_{cd}^{dv} : Hệ số cường độ biến dạng dựa theo độ ổn định

E_{yc} : Giá trị module đàn hồi yêu cầu

Bảng 6.1-22: Xác định hệ số cường độ biến dạng dựa theo độ ổn định

Độ ổn định	0.98	0.95	0.90	0.85	0.80
Hệ số cường độ K_{cd}^{dv}	1.29	1.17	1.10	1.06	1.02

Bảng 6.1-23 : Lựa chọn thiết kế theo cấp và loại đường

Cấp, loại đường	Độ đảm bảo thiết kế			
	0.90	0.95	0.98	
1. Đường cao tốc	0.90	0.95	0.98	
2. Đường cao tốc/đường bộ	- Cấp I, II	0.00	0.95	0.98
	- Cấp III, IV	0.85	0.90	0.95
	- Cấp V, VI	0.80	0.85	0.90
3. Đường đô thị	-Cao tốc và đường trục đô thị	0.90	0.95	0.98
	-Các đường đô thị khác	0.85	0.90	0.95
4. Đường đặc biệt	0.80	0.85	0.90	

$K_{cd}^{dv} = 1.10$

Bảng 6.1-24 Giá trị module đàn hồi yêu cầu

Các loại tải trọng trục tiêu chuẩn		Giá trị module đàn hồi yêu cầu E_{yc} (Mpa), Dựa theo số lượng trục tính toán (xe/ngày/làn)									
		10	20	50	100	200	500	1000	2000	5000	7000
10	Cấp cao A1			133	147	160	178	192	207	224	235
	Cấp cao A2		91	110	122	135	153				
	Cấp thấp B1		64	82	94						
12	Cấp cao A1		127	146	161	173	190	204	218	235	253
	Cấp cao A2	90	103	120	133	146	163				
	Cấp thấp B1		79	98	111						

$$E_{yc} = 173 + (190 - 173) * (472 - 200) / (500 - 200) = 188 \text{ Mpa}$$

D-6. Điều kiện thiết kế

- Điều kiện vật liệu

Bảng 6.1-25 Tính chất vật liệu mỗi lớp

Vật liệu	E(Mpa)			R _{ku} (Mpa)	C (Mpa)	φ (độ)	t (cm)
	Trượt	Biến dạng	Căng và uốn				
Lớp bề mặt	300	420	1800	2.8			6
Lớp dính bám	350	350	1600	2.0			7
Nền xử lý asphalt	350	350	800				10
Nền	300	300	300				67
Nền đắp	41	41	41		0.028	21	-

- Lớp bề mặt : Lớp Bitum loại I (lớp bề mặt) (BTNC20, Đá dăm >50%)
- Lớp dính bám : Lớp Bitum loại I(lớp dính bám) (BTNC25, Đá dăm >50%)
- Nền xử lý Asphalt : Đá dăm đen trộn với asphalt đầm
- Nền : Cấp phối đá dăm loại I
- Nền đắp : Đất sét pha, CBR=6

Ghi chú: *Giá trị của Asphalt và nền được dựa trên Bảng C-1

*E của nền đắp được xác định bởi công thức B-5,
(CBR=6) $E=4.68*CBR+12.48=41$ (Mpa)

*Giá trị của nền đắp được xác định dựa theo Bảng B-3 ($W/W_{nh}=0.65$)

*Độ dày tối thiểu lớp Asphalt nên là 12.5cm. ($N > 4.0*10^6$) (Theo Bảng 2-2)

Do vậy điều kiện thiết kế được nêu dưới đây

N_{tt}= 472 (xe/làn/ngày vào năm 2035)
 N_e= 1,579,415 (trục cho 15 năm)
 P_{tt}= 120 (kN)
 p= 0.60 (Mpa)
 D= 36 (cm)

	E _{yc} = 188.413333 (Mpa),	K _{cd} ^{dv} = 1.1	t(cm)
Lớp bề mặt	Lớp Bitum loại I (lớp bề mặt) (BTNC20, Đá dăm >50%)		6
Lớp bám dính	Lớp Bitum loại I(lớp dính bám) (BTNC25, Đá dăm >50%)		7
Nền xử lý Asphalt	Đá dăm đen trộn với asphalt đầm		10
Nền	Cấp phối đá dăm loại I		67
Nền đắp	Đất sét pha, CBR=6		

D-7. Kiểm tra biến dạng

Số.	$K_{cd}^{dv} \cdot E_{vc} =$	207	Mpa	
4 Lớp bề mặt	$E_4 =$	420	Mpa	6 cm
3 Lớp dính bám	$E_3 =$	350	Mpa	7 cm
2 Nền xử lý Asphalt	$E_2 =$	350	Mpa	10 cm
1 Nền	$E_1 =$	300	Mpa	67 cm
	$E_0 =$	41	Mpa	

$$E_{TB} = E_1 \cdot \left[\frac{(1 \pm k \cdot t^{1/3})}{(1 \pm k)} \right]^3 \text{ daN Mpa} \quad ; \quad t = \frac{h_1}{h_2} = \frac{E_2}{E_1} \quad (3-5)$$

Kết quả được thể hiện trong bảng bên dưới:

Bảng 6.1-26 Calculation results of E_{tbi}

Lớp	Lớp vật liệu	E_i (Mpa)	t $= E_2/E_1$	h_i (cm)	K $= h_2/h_1$	h_{tbi} (cm)	E_{tbi} (Mpa)
4	Lớp bề mặt	420	1.36	6	0.07	90	316
3	Lớp dính bám	350	1.14	7	0.09	84	310
2	Nền xử lý Asphalt	350	1.17	10	0.15	77	306
1	Nền	300		67		67	300

$$E_{tbs} = 316 \text{ daN/cm}^2$$

$$\beta_{ti} = \beta \cdot E_{tb} = 1.245 \text{ (từ bên dưới)}$$

$$E_{TB} = 1.245 * 316$$

$$= 394 \text{ Mpa}$$

Bảng 6.1-27 Hệ số điều chỉnh β

Tỉ lệ H/D	0.51	0.75	1.00	1.25	1.50	1.75	2.00
Hệ số β	1.033	1.069	1.107	1.136	1.178	1.198	1.210

$$\beta = 1.114 \cdot (H/D)^{0.12} \quad (\text{trong trường hợp } H/D > 2.0) \quad (3-6)$$

Trong đó;

D= 36 cm (Đường kính vệt bánh xe)
 H= 90 cm (Chiều cao của lớp)

Vì vậy

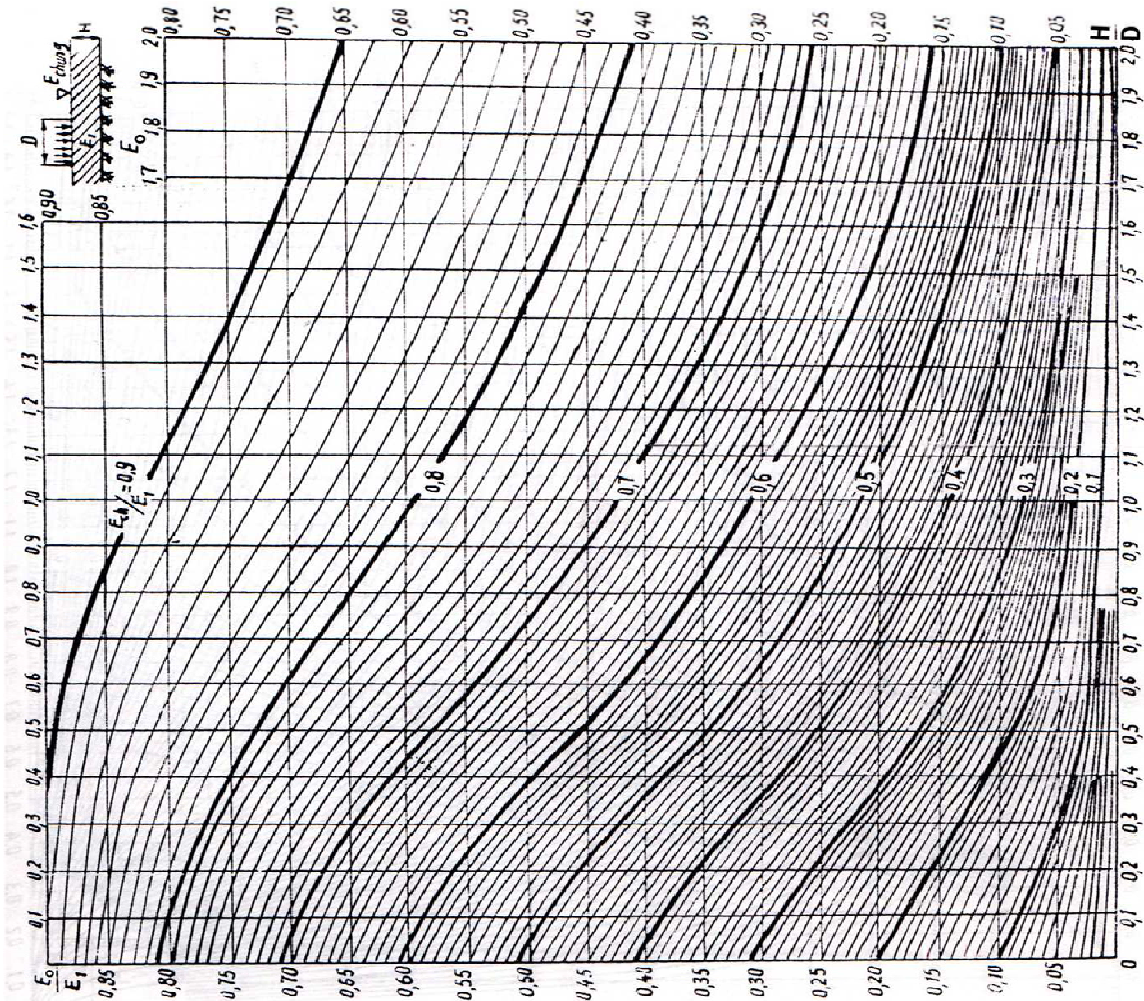
$$H/D = 2.50$$

Từ bảng/công thức 3-6,

$$\beta = 1.114 \cdot (91/36)^{0.12}$$

$$= 1.245$$

$E_0 =$ **41 Mpa** , $E_T =$ **394 Mpa**
 $E_0/E_{TB} =$ **0.104**
 $H/D =$ **2.50**



Hình 6.1-8. Toán đồ xác định module đàn hồi chung của hệ thống hai lớp E_{ch} ($H/D < 2$)

$$E_{ch} = \frac{1.05 \cdot E_0}{1 \pm \frac{E_0}{E_1} \sqrt{1 \pm 4 \cdot \left(\frac{H}{D}\right)^2 \cdot \left(\frac{E_0}{E_1}\right)^{-0.67}}} \pm \frac{E_0}{E_1} \quad (F-1) \quad (H/D > 2)$$

Từ Bảng/Công thức trên, $E_{ch} =$ **208 Mpa** \geq **207 Mpa** ($=K_{cd}^{dv} * E_{yc}$) **OK**

D-8. Kiểm toán trượt

$$T_{ax} + T_{av} < \frac{C_{tt}}{K_{cd}^{tr}} \quad (3-7)$$

- T_{ax} : Từ Bảng 3-2 (H/D<2.0), hoặc từ Bảng 3-3 (H/D >2.0)
- T_{av} : Từ Bảng 3-4
- C_{tt} : Từ công thức (3-8)
- K_{cd}^{tr} : Từ Bảng 3-7

- Xác định K_{cd}^{tr}

$$K_{cd}^{tr} = \underline{0.94} \quad (\text{Từ Bảng 3-7})$$

Bảng 6.1-28 Lựa chọn hệ số cường độ cắt dựa theo độ ổn định

Độ ổn định	0.98	0.95	0.90	0.85	0.80
Hệ số K_{cd}^{tr}	1.10	1.00	0.94	0.90	0.87

- Tính toán C_{tt}

$$C_{tt} = C * K_1 * K_2 * K_3 = \underline{0.0202} \text{ (Mpa)}$$

- C : **0.028** (Mpa) Lực dính bám của đất nền móng
- K_1 : **0.6** Áo đường lăn xe chạy
- K_2 : **0.8** Từ Bảng 3-8

Bảng 6.1-29 Xác định hệ số K_2 dựa vào số lượng trục thiết kế

Số lượng trục thiết kế (N_{tt}) (trục/ngày/lần)	Dưới 100	Dưới 1000	Dưới 5000	Hơn 5000
Hệ số K_2	1.00	0.80	0.65	0.60

* $N_{tt} = 472$

K_3 : **1.5** Cho các loại đất dính bám (đất sét, sét cát, sét pha ..v..v..)

Số.

- 4 Lớp bề mặt
- 3 Lớp dính bám
- 2 Lớp xử lý Asphalt
- 1 Nền

$C_{tt}/K_{cd}^{tr} =$		0.021	
$E_4 =$	300	Mpa	6 cm
$E_3 =$	350	Mpa	7 cm
$E_2 =$	350	Mpa	10 cm
$E_1 =$	300	Mpa	67 cm

$E_0 =$	41	Mpa
$C =$	0.028	Mpa
$\varphi =$	21	Độ

- Xác định T_{ax}

Bảng 6.1-30 Tính toán kết quả E_{tbi}

Lớp	Lớp vật liệu	E_i (Mpa)	t = E_2/E_1	h_i (cm)	K = h_2/h_1	h_{tbi} (cm)	E_{tbi} (Mpa)
4	Lớp bề mặt	300	0.97	6	0.07	90	309
3	Lớp bám dính	350	1.14	7	0.09	84	310
2	Nền xử lý Asphalt	350	1.17	10	0.15	77	306
1	Nền	300		67		67	300

$$E_{tb} = \mathbf{309} \text{ daN/cm}^2$$

$$\beta = \mathbf{1.245} \text{ (từ bên dưới)}$$

$$E_T^{tt} = \beta \cdot E_{tb}$$

$$= \mathbf{1.245} * \mathbf{309}$$

$$= \mathbf{385} \text{ Mpa}$$

Bảng 6.1-31 Hệ số điều chỉnh β

Tỉ lệ H/D	0.51	0.75	1.00	1.25	1.50	1.75	2.00
Hệ số β	1.033	1.069	1.107	1.136	1.178	1.198	1.210

$$\beta = 1.114 \cdot (H/D)^{0.12} \quad (\text{trong trường hợp } H/D > 2.0) \quad (3-6)$$

Trong đó;

$D = \mathbf{36}$ cm (Đường kính vệt bánh xe)

$H = \mathbf{90}$ cm (Chiều cao của Lớp)

Vậy nên

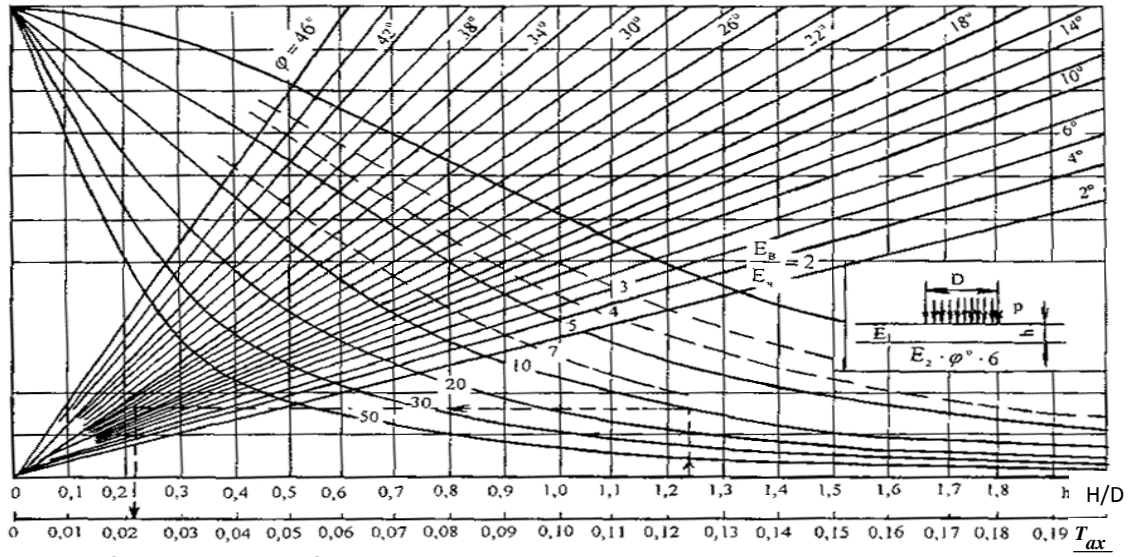
$$H/D = \mathbf{2.50}$$

Từ Bảng/Công thức 3-6,

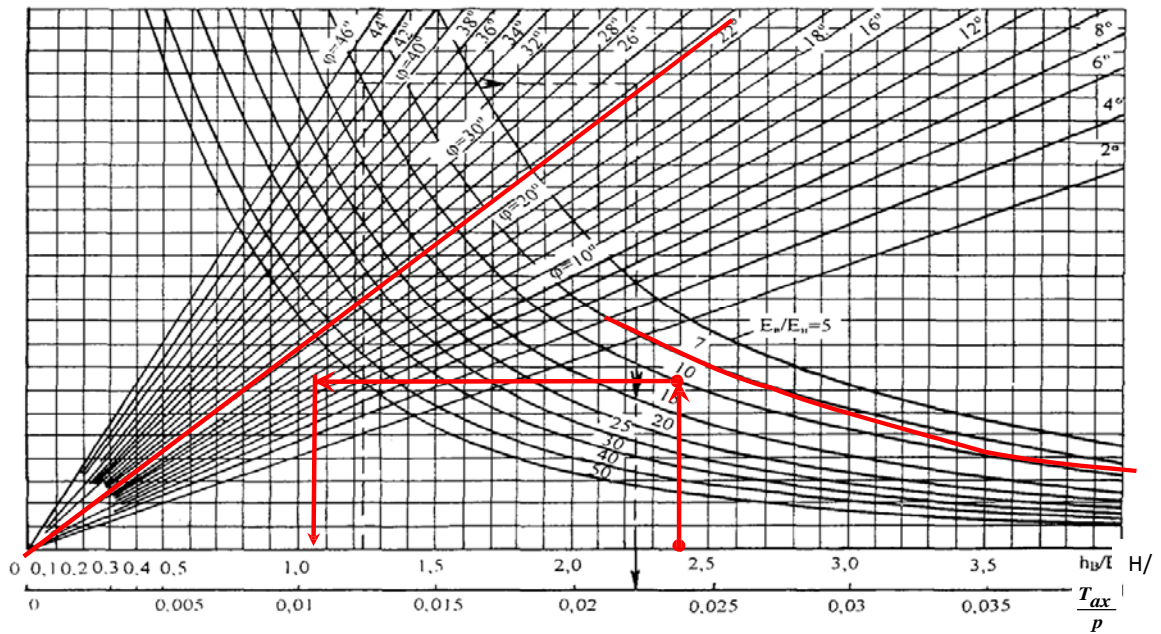
$$\beta = 1.114 \cdot (91/36)^{0.12}$$

$$= \mathbf{1.245}$$

$E_0 = 41 \text{ Mpa}$, $E_T = 385 \text{ Mpa}$
 $E_{TB} / E_0 = 9.39$
 $H/D = 2.50$, $\varphi = 21^\circ$



Hình 6.1-9: Toán đồ xác định ứng suất trượt từ tải trọng bánh xe ở lớp dưới trong hệ thống hai lớp ($H/D = 0 \sim 2$)

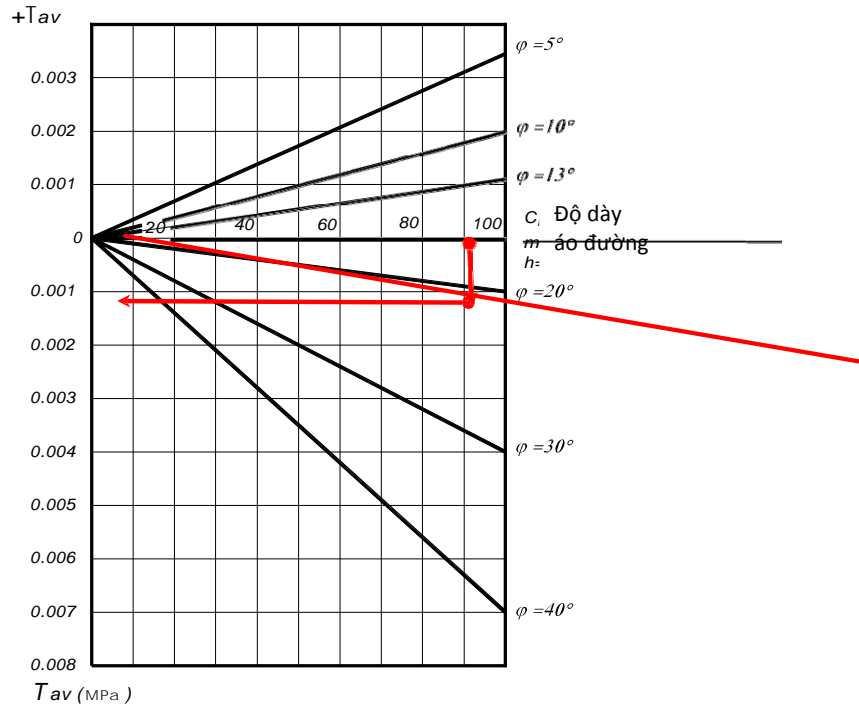


Hình 6.1-10: Toán đồ xác định ứng suất trượt từ tải trọng bánh xe ở lớp dưới trong hệ thống hai lớp ($H/D = 0 \sim 4$)

Từ ảnh trên, $T_{ax}/p = 0.009$, $p = 0.60 \text{ Mpa}$
 Vì vậy $T_{ax} = 0.0054 \text{ Mpa}$

- Xác định T_{av}

H= 90 cm
 $\varphi=$ 21 độ



Hình 6.1-11. Toán đồ xác định ứng suất cắt chủ động T_{av} theo trọng lượng bản thân áo đường

Từ Hình trên,

$T_{ax} = -0.0011$ Mpa

- Kiểm toán trượt

$$T_{ax} + T_{av} < \frac{C_{tt}}{K_{cd}^{tr}} \quad (3-7)$$

$T_{ax} = 0.0054$ Mpa
 $T_{av} = -0.0011$ Mpa
 $C_{tt} = 0.0202$ Mpa
 $K_{cd}^{tr} = 0.94$ Mpa

$$C_{tt}/K_{cd}^{tr} = \frac{0.0202}{0.94} + \frac{-0.0011}{0.94} = \frac{0.0043}{0.94} = 0.0043$$

$T_{ax} + T_{av} < C_{tt}/K_{cd}^{tr}$ —

D-9. Kiểm toán cường độ uốn

$$\sigma_{ku} \leq \frac{R_{tt}^{ku}}{K_{cd}^{ku}} \quad (3-9)$$

$$\sigma_{ku} = \sigma_{K_{ku}} \cdot p \cdot K_b \quad (3-10)$$

σ_{ku} : giá trị được xác định trong Hình 3-5, 3-6, (xem phía sau)

p : = **0.60** Mpa

K_b : = **1.00** (cho tải trọng trục đặc biệt nặng nhất)

$$R_{tt}^{ku} = k_1 \cdot k_2 \cdot R_{ku} \quad (3-11)$$

$$k_1 = 11.11 / N_e^{0.22} \quad (\text{cho vật liệu bê tông asphalt}) \quad (3-12)$$

$$= 11.11 / 1,579,415^{0.22} = \underline{\underline{0.48}}$$

$$N_e = 1,579,415 \quad (\text{trục trong 15 năm})$$

$$k_2 = 1.00 \quad (\text{cho vật liệu đặc với vật liệu vô cơ})$$

$$R_{ku} = 2.80 \quad (\text{cho lớp bề mặt, Xem D-7 điều kiện thiết kế})$$

$$2.00 \quad (\text{cho lớp dính bám, Xem D-7 điều kiện thiết kế})$$

$$K_{cd}^{ku} = 0.94 \quad (\text{từ Bảng 3-7})$$

- Điều kiện thiết kế

Số.

4 Lớp bề mặt	$E_4 =$	1800	Mpa	6	cm
3 Lớp dính bám	$E_3 =$	1600	Mpa	7	cm
2 Nền xử lý Asphalt	$E_2 =$	800	Mpa	10	cm
1 Nền	$E_1 =$	300	Mpa	67	cm
			$E_0 =$	41	Mpa

Table 6.1-32 Calculation results of E_{tbi}

Lớp	Lớp vật liệu	E_i (Mpa)	t $=E_2/E_1$	h_i (cm)	K $=h_2/h_1$	h_{tbi} (cm)	E_{tbi} (Mpa)
4	Lớp bề mặt	1800	4.41	6	0.07	90	463
3	Lớp dính bám	1600	4.60	7	0.09	84	408
2	Nền xử lý Asphalt	800	2.67	10	0.15	77	348
1	Nền	300		67		67	300

A) Kiểm toán lớp bề mặt

$h_1 =$ 6 cm, $E_1 =$ 1800 Mpa
 $E_{tb4} =$ 408 Mpa (từ Bảng D9-1)
 $\beta =$ 1.233 (từ bên dưới)
 $E_{TB}^{tt} = \beta \cdot E_{tb}$
 $=$ 1.233 * 408
 $=$ 504 Mpa

Bảng 6.1-33 Hệ số điều chỉnh β

Tỉ lệ H/D	0.51	0.75	1.00	1.25	1.50	1.75	2.00
Hệ số β	1.033	1.069	1.107	1.136	1.178	1.198	1.210

$\beta = 1.114 \cdot (H/D)^{0.12}$ (trong trường hợp $H/D > 2.0$) (3-6)

Trong đó;

$D =$ 36 cm (Đường kính vệt bánh xe)
 $H =$ 84 cm (Chiều cao lớp)

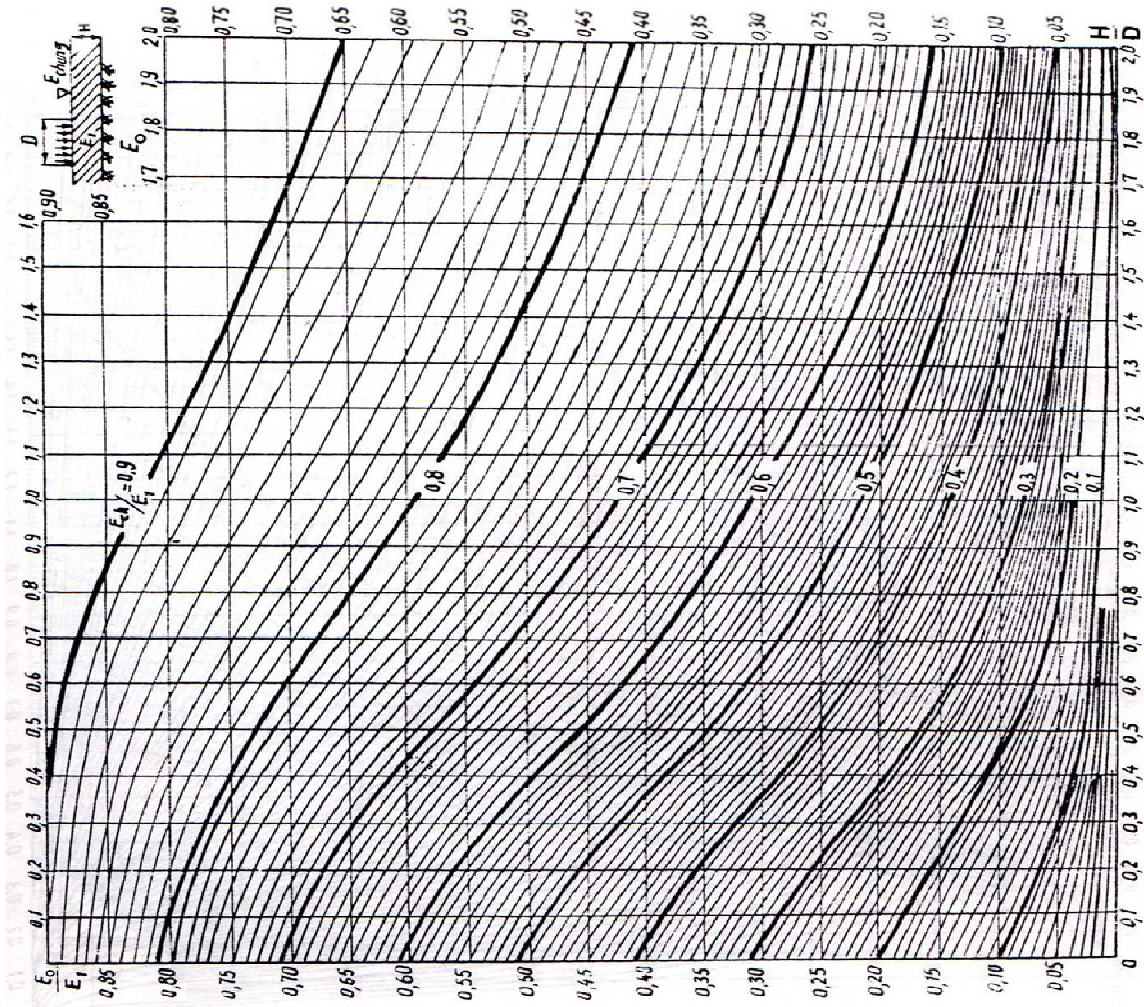
Vì vậy

$H/D =$ 2.33

Từ Bảng/Công thức 3-6,

$\beta = 1.114 \cdot (84/36)^{0.12}$
 $=$ 1.233

$E_0 =$ **41 Mpa** , $E_T =$ **504 Mpa**
 $E_0/E_{TB} =$ **0.081**
 $H/D =$ **2.33**

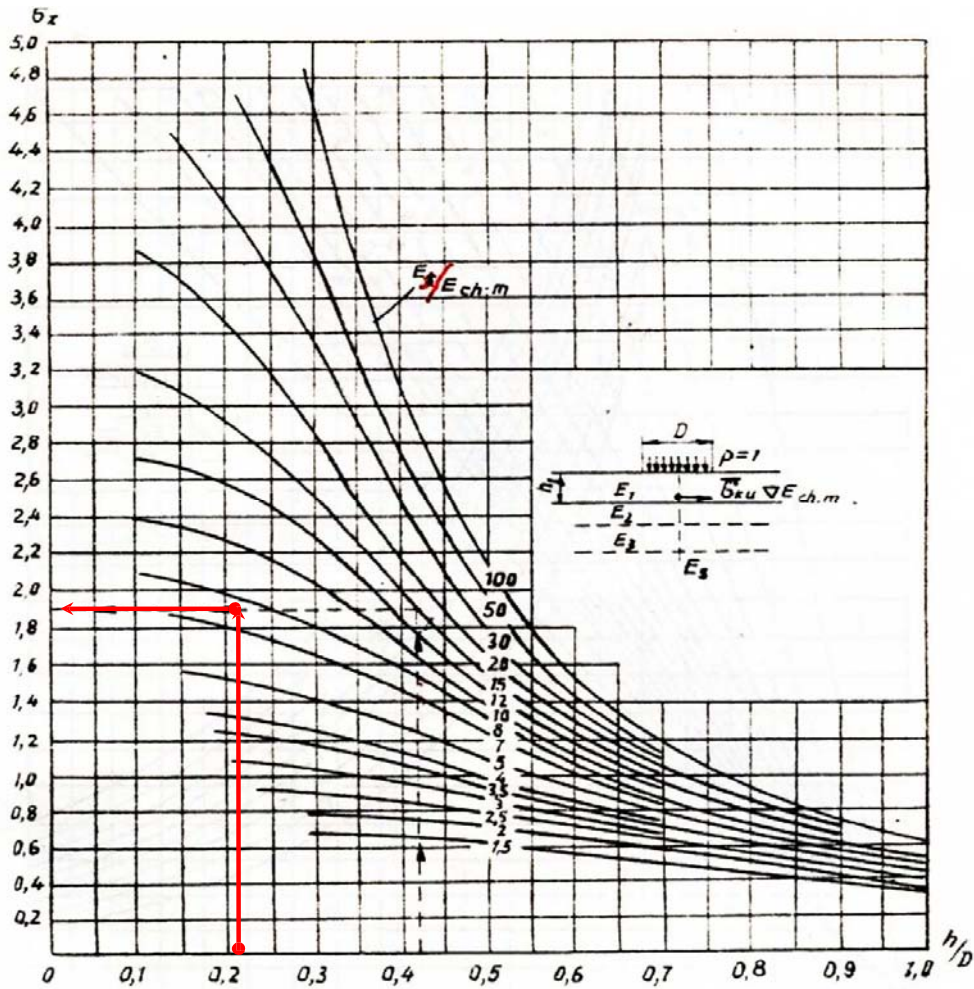


Hình 6.1-12. Toán đồ xác định module đàn hồi chung của hệ thống hai lớp E_{ch} ($H/D < 2$)

$$E_{ch} = \frac{1.05 \cdot E_0}{\sqrt{1 + 4 \cdot \left(\frac{H}{D}\right)^2 \cdot \left(\frac{E_0}{E_1}\right)^{-0.67}}} \cdot \frac{E_0}{E_1} \quad (F-1) \quad (H/D > 2)$$

Từ Bảng/Công thức trên, $E_{ch} =$ **238 Mpa**

$h_1 = 6 \text{ cm} \Rightarrow H/D = 0.1667$
 $E_1 = 1800 \text{ Mpa} \Rightarrow E_1/E_{ch} = 7.5675$



Hình 6.1-13: Toán đồ xác định đơn vị uốn và ứng suất căng σ_{ku} tại các lớp trên bề

Từ hình trên,

$\sigma_{ku} = 1.92$

Vì vậy,

$\sigma_{ku} = \sigma_{Ku} \cdot p \cdot K_b = 1.92 \cdot 0.60 \cdot 1.00 = 1.15$

Và,

$R_{tt}^{ku} = k_1 \cdot k_2 \cdot R_{ku} = 0.48 \cdot 1.00 \cdot 2.80 = 1.35$

$K_{cd}^{ku} = 0.94$

$\sigma_{ku} \leq \frac{R_{tt}^{ku}}{K_{cd}^{ku}} = \frac{1.35}{0.94} = 1.43 \quad \text{OK}$

B) Kiểm toán lớp bám dính

$$h_1 = 6 + 7 = 13 \text{ cm}$$

$$E_1 = \frac{1800 * 6 + 1600 * 7}{6 + 7}$$

$$= 1692 \text{ Mpa}$$

$$E_{tb4} = 348 \text{ Mpa} \quad (\text{từ Bảng D9-1})$$

$$\beta = 1.220 \quad (\text{từ bên dưới})$$

$$E_{TB}^t = \beta \cdot E_{tb}$$

$$= 1.220 * 348$$

$$= 424 \text{ Mpa}$$

Bảng 6.1-34**Hệ số điều chỉnh β**

Tỉ lệ H/D	0.51	0.75	1.00	1.25	1.50	1.75	2.00
Hệ số β	1.033	1.069	1.107	1.136	1.178	1.198	1.210

$$\beta = 1.114 * (H/D)^{0.12}$$

(trong trường hợp $H/D > 2.0$)

(3-6)

Trong đó;

$$D = 36 \text{ cm} \quad (\text{Đường kính vệt bánh xe})$$

$$H = 77 \text{ cm} \quad (\text{Chiều cao lớp})$$

Vì vậy

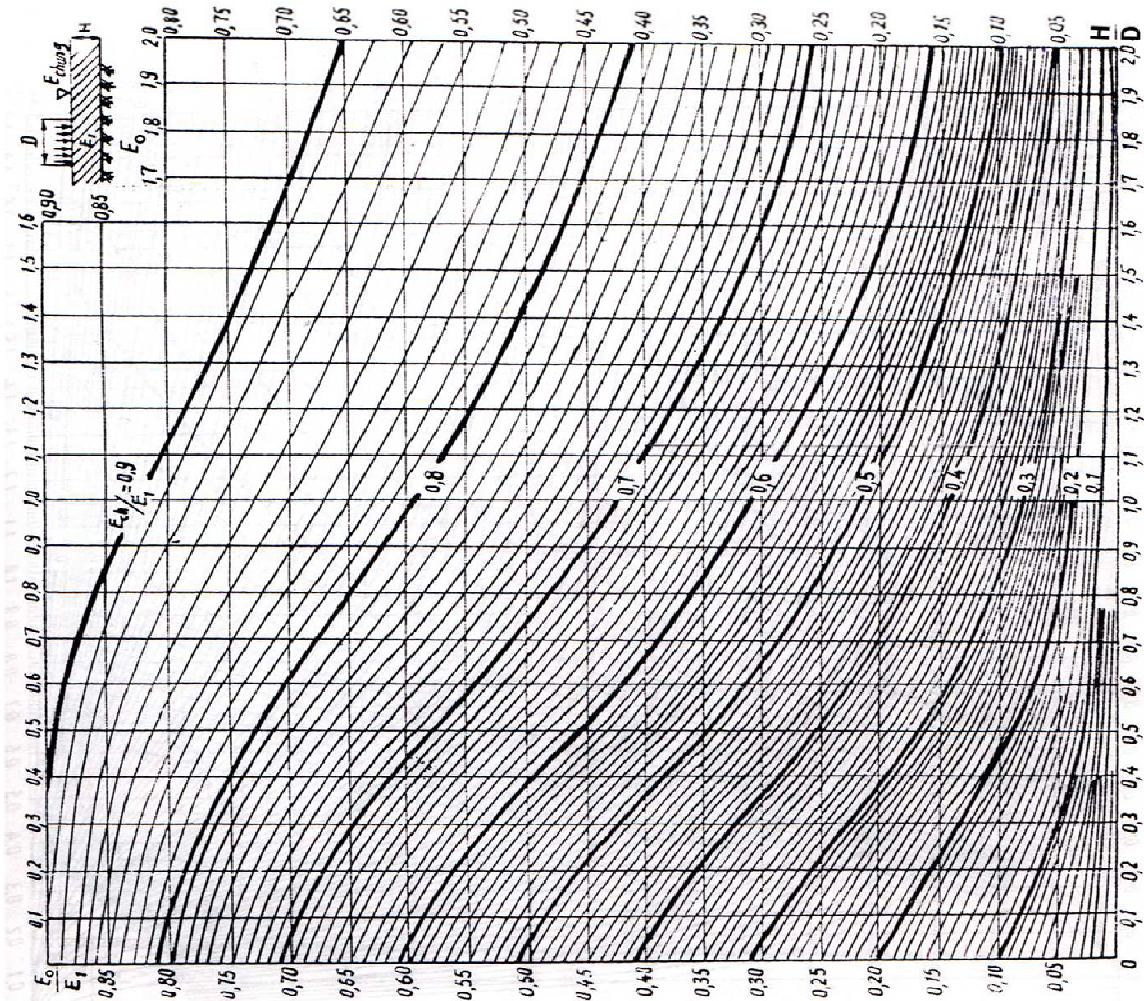
$$H/D = 2.14$$

Từ Bảng/Công thức 3-6,

$$\beta = 1.114 * (77/36)^{0.12}$$

$$= 1.220$$

$E_0 =$ **41 Mpa** , $E_T =$ **424 Mpa**
 $E_0/E_{TB} =$ **0.097**
 $H/D =$ **2.14**

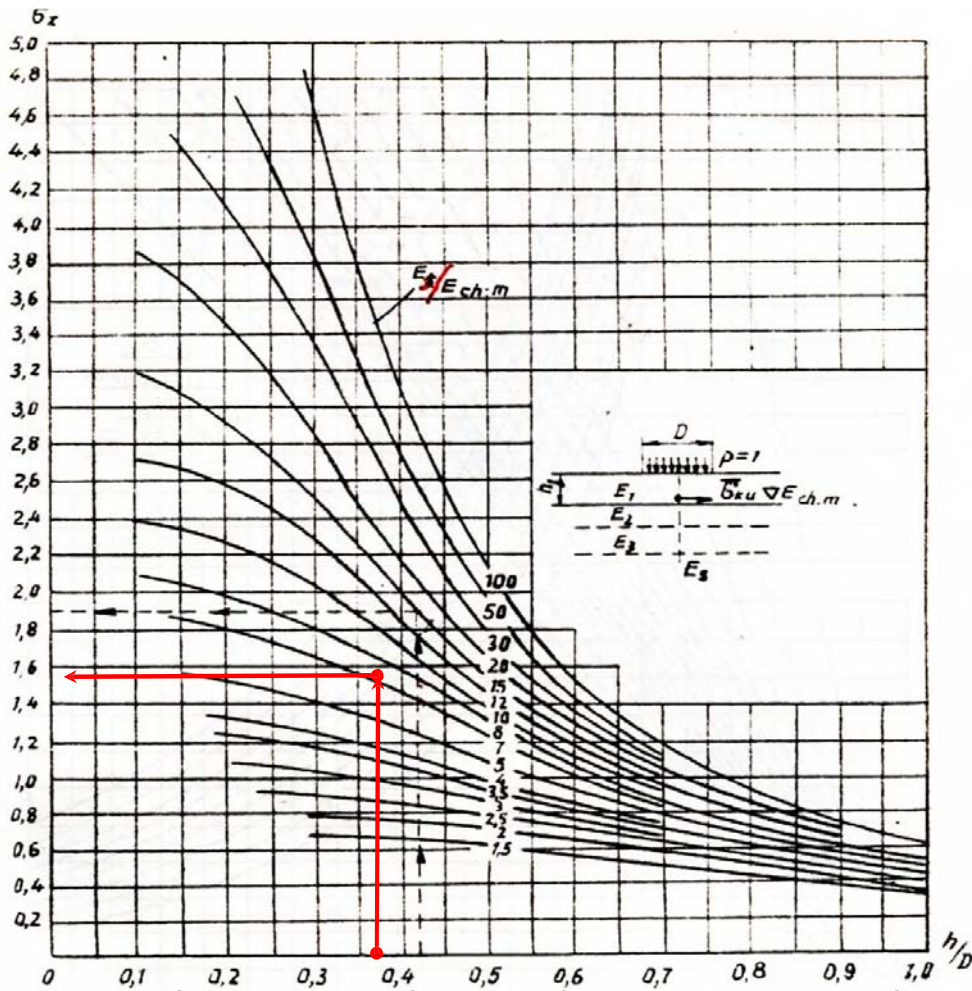


Hình 6.1-14. Toán đồ xác định module đàn hồi chung của hệ thống hai lớp E_{ch} ($H/D < 2$)

$$E_{ch} = \frac{1.05 \cdot E_0}{1 \pm \frac{E_0}{E_1} \sqrt{1 \pm 4 \cdot \left(\frac{H}{D}\right)^2 \cdot \left(\frac{E_0}{E_1}\right)^{-0.67}}} \pm \frac{E_0}{E_1} \quad (F-1) \quad (H/D > 2)$$

Từ Bảng/Công thức trên, $E_{ch} =$ **202 Mpa**

$h_1 = 13 \text{ cm} \Rightarrow H/D = 0.36$
 $E_1 = 1692 \text{ Mpa} \Rightarrow E_1/E_{ch} = 8.38$



Hình 6.1-15: Toán đồ xác định đơn vị uốn và ứng suất căng σ_{ku} trong các lớp trên bề mặt

Từ hình trên,

$\sigma_{ku} = 1.58$

Vì vậy,

$\sigma_{ku} = \sigma_{Ku} \cdot p \cdot K_b = 1.58 \cdot 0.60 \cdot 1.00 = 0.95$

Và,

$R_{tt}^{ku} = k_1 \cdot k_2 \cdot R_{ku} = 0.48 \cdot 1.00 \cdot 2.80 = 1.35$

$K_{cd}^{ku} = 0.94$

$\sigma_{ku} \leq \frac{R_{tt}^{ku}}{K_{cd}^{ku}} = \frac{1.35}{0.94} = 1.43 \quad \text{OK}$

6.2 Xử lý nền yếu, kết quả phân tích

(1) Mặt cắt tiêu biểu để phân tích

Các mặt cắt tiêu biểu để phân tích được lựa chọn dựa trên chiều cao của đất đắp và kết quả điều tra địa chất.

Bảng 6.2-1 Mặt cắt phân tích

Mặt cắt	Vị trí	Chiều cao nền đường đắp (m)	Lỗ khoan	Ghi chú
1	Số 54 + 0.000	7.50	BH RR 04	
2	Số 19 + 0.000	2.00	BH RR 02	Không có mẫu thử nguyên dạng
3	Cầu Vũ Yên Số 135+0.000	4.5	BH VY 06	

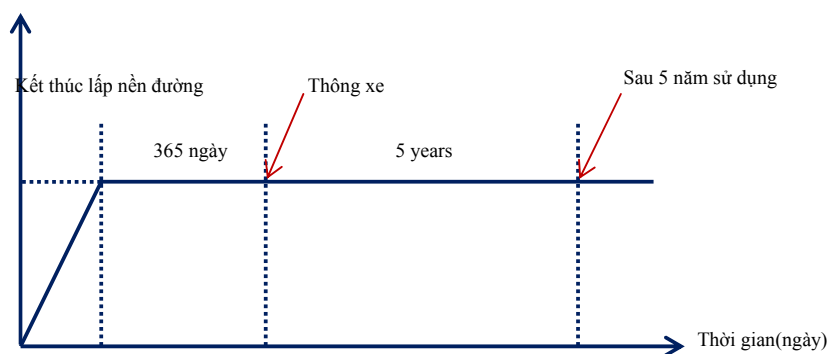
(2) Tiêu chuẩn thiết kế

Việc điều chỉnh các phân tích theo tiêu chuẩn Việt Nam: “22TCN – 262 – Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu”. Giả sử thời gian thông xe dự án là 365 ngày sau khi hoàn thành đào đắp, độ lún cho phép còn lại tại trục tim đường khi thông xe được quy định như sau:

Bảng 6.2-2 Độ lún cho phép còn lại tại trục tim đường

Loại cấp đường	Vị trí gần mở cầu	Vị trí gần hệ thống thoát nước	Nền đắp thông thường
Đường cao tốc ($V > 80$ m/h)	≤ 10 cm	≤ 20 cm	≤ 30 cm
Đường cao tốc ($V > 60$ km/h)	≤ 20 cm	≤ 30 cm	≤ 40 cm

Chiều cao nền đắp



Hình 6.2-1 Độ lún cho phép còn lại tại trục tim đường

(3) Các thông số nền đường

Bảng 6.2-3 Thông số nền đường

Loại đất	Trọng lượng riêng (kN/m ³)	Lực dính (kPa)	Góc ma sát (độ)	Tốc độ thi công (cm/ngày)
Đất kết dính	18	90	0	5

(4) Các thông số của đất

Thông số của đất đối với từng mặt cắt được thể hiện trong bảng sau:

1) Mặt cắt 1

Bảng 0-4 Tính chất vật lý cơ học

Lớp đất	Độ dày (m)	SPT N Trung bình	Trọng lượng riêng γ (kN/m ³)	Độ ẩm W (%)	Lực dính (kPa)	Góc ma sát (degree)
Đất sét quánh	4.5	5	18	-	-	-
Đất bùn	4.8	-	18	40	-	-
Đất sét quánh	7.6	5	18	-	-	-
Tầng đá gốc	3.1	50	19	-	-	-

Tính chất cố kết

Bảng 6.2-5 Đường cong e- log P

Đất sét							
Lực cố kết P (kPa)	12.5	25	50	100	200	400	800
Hệ số rỗng e	0.843	0.833	0.814	0.786	0.746	0.693	0.616
Bùn							
Lực cố kết P (kPa)	12.5	25	50	100	200	400	800
Hệ số rỗng e	1.407	1.377	1.325	1.248	1.151	1.024	0.873

Bảng 6.2-6 Đường cong Log Cv – log P

Đất sét						
Lực cố kết P (kPa)	25	50	100	200	400	800
Hệ số cố kết Cv (cm ² /ngày)	204.81	176.52	234.17	226.73	260.74	291.94
Bùn						
Lực cố kết P (kPa)	25	50	100	200	400	800
Hệ số cố kết Cv (cm ² /ngày)	50.35	49.50	55.87	50.41	47.89	57.76

2) Mặt cắt 2

Bảng 6.2-7 Tính chất vật lý cơ học

Lớp đất	Độ dày (m)	SPT N Trung bình	Trọng lượng riêng γ (kN/m ³)	Độ ẩm W (%)	Lực dính (kPa)	Góc ma sát (degree)
Bùn yếu	9.6	-	18	-	-	-
Bùn cứng	2.4	-	18	-	-	-

Cát chặt	5.0	19	18	-	-	-
----------	-----	----	----	---	---	---

Tính chất cốt kết

Bảng 6.2-8 Đường cong e- log P

Bùn yếu							
Lực cố kết P (kPa)	12.5	25	50	100	200	400	800
Hệ số rỗng e	0.843	0.833	0.814	0.786	0.746	0.693	0.616
Bùn cứng							
Lực cố kết P (kPa)	12.5	25	50	100	200	400	800
Hệ số rỗng e	1.407	1.377	1.325	1.248	1.151	1.024	0.873

Bảng 6.2-9 Đường cong Log Cv – log P

Bùn yếu						
Lực cố kết P (kPa)	25	50	100	200	400	800
Hệ số cố kết Cv (cm ² /ngày)	204.81	176.52	234.17	226.73	260.74	291.94
Bùn cứng						
Lực cố kết P (kPa)	25	50	100	200	400	800
Hệ số cố kết Cv (cm ² /ngày)	50.35	49.50	55.87	50.41	47.89	57.76

3) Mặt cắt 3

Bảng 6.2-10 Tính chất vật lý cơ học

Lớp đất	Độ dày (m)	SPT N Trung bình	Trọng lượng riêng γ (kN/m ³)	Độ ẩm W (%)	Lực dính (kPa)	Góc ma sát (degree)
Đất sét mềm	5.00	0	16.0	48.10	-	-
Bùn yếu	6.30	0	17.0	47.53	-	-
Đất sét cứng	4.30	9	18.0	30.0	-	-

Tính chất cốt kết

Bảng 6.2-11 Đường cong e- log P

Đất sét mềm							
Lực cố kết (kPa)	12.5	25	50	100	200	400	800
Hệ số rỗng e	1.361	1.300	1.206	1.081	0.959	0.827	0.686
Bùn yếu							
Lực cố kết P (kPa)	12.5	25	50	100	200	400	800
Hệ số rỗng e	1.321	1.287	1.218	1.100	0.972	0.838	0.695

Bảng 6.2-12 Đường cong Log Cv – log P

Đất sét mềm						
Lực cố kết P (kPa)	25	50	100	200	400	800
Hệ số cố kết Cv (cm ² /ngày)	84.93	70.33	75.51	84.67	94.52	123.98
Bùn yếu						
Lực cố kết P (kPa)	25	50	100	200	400	800
Hệ số cố kết Cv (cm ² /ngày)	194.23	166.49	178.68	225.33	276.91	269.22

(5) Mục nước ngầm

Bảng 6.2-13 Mục nước ngầm

Vị trí (m) (Dưới mặt đất)	Trọng lượng riêng (kN/m ³)
-1.0	10

(6) Tải trọng chuyên chở

Bảng 6.2-14 Tải trọng chuyên chở

Tải trọng chuyên chở (kPa)	Thời điểm bắt đầu đặt tải
10	Thông xe

(7) Kết quả đầu ra

Kết quả phân tích được trình bày trong Bảng 6.1-22 bao gồm:

- Tính ổn định của taluy (Bishop) FS tối thiểu
- Độ lún dư (Nếu không có PVD)
- Độ lún dư (Nếu có PVD)

Bảng 6.2-15 Kết quả phân tích

Chiều cao nền đắp (m)	Tốc độ thi công (m/day)	Thời gian thi công đắp nền (days)	Số lớp vải địa kỹ thuật	Tính ổn định của Taluy - FS tối thiểu	Thời gian đầu	Tổng độ lún (m)	Độ lún cho phép còn lại (cm)	Không có PVD	Điều chỉnh
					ra (ngày) Thông xe			Độ lún cho phép còn lại khi thông xe (cm)	
Mặt cắt 1									
7.50	0.05	150	0	2.296	515	66.94	20.00	45.985	NG
Mặt cắt 2									
2.00	0.05	40	0	2.083	405	33.54	30.00	24.492	OK
Mặt cắt 3									
4.50	0.05	90	0	1.872	455	103.51	30.00	59.45	NG

Chiều cao nền đắp (m)	Với PVD						Ghi chú
	Chiều dài PVD (m)	Hình dạng	Mặt có (m)	Thời gian thi công (ngày)	Độ lún cho phép còn lại (m)	Độ cố kết %	
Mặt cắt 1							
7.50	9.00	Vuông	1.50	525	8.38	87.50	Tại trục tìm đường
Mặt cắt 2							
2.00	-	-	-	-	-	-	Tại trục tìm đường
Mặt cắt 3							
4.50	5.00	Vuông	1.50	525.00	14.23	86.25	Tại trục tìm đường

(8) Kết luận

Trong trường hợp chiều cao nền đường đắp hơn 5m, bắt buộc gia cố nền đất yếu còn lại ở giữa đường là hơn 10cm. Phương pháp được đề nghị là cồng đúc sẵn (PVD) với 9 m - 10 m chiều dài tùy thuộc vào vị trí và trạng thái của đất yếu (từ yếu đến rất yếu). Các số liệu PVD cho từng phần của một mặt cắt- được thể hiện trong bảng 6.1-16.

Bảng 6.2-16 Số liệu PVD lắp đặt cho mặt cắt

Mặt cắt	Hình dạng	Chiều ngang (m)	Chiều dài (m)
Mặt cắt 1	Vuông	1.5 x 1.5	10.0 (9.0)
Mặt cắt 3 (Cầu Vũ Yên)	Vuông	1.5 x 1.5	5.0

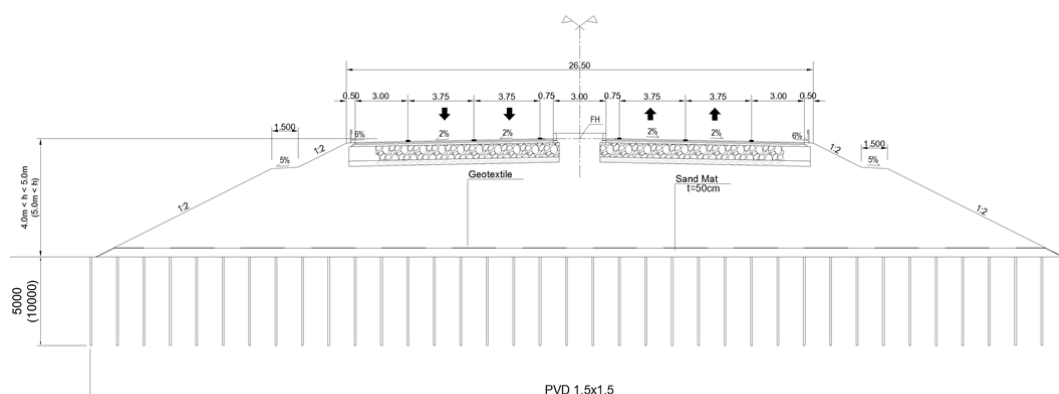
Đối với nền đắp thông thường (chiều cao trung bình 2m), độ lún cho phép còn lại là dưới 30cm, không cần thiết phải xử lý nền đất yếu.

Trong giai đoạn thiết kế chi tiết, phương pháp cải tạo đất yếu nên được đánh giá hiệu quả hơn dựa trên các dữ liệu trong điều tra địa chất.

(9) Kế hoạch xử lý nền đất yếu (PVD)

Bảng 6.2-16 Kế hoạch xử lý nền đất yếu

Main Location	Area		Length	PVD Pitch	PVD Depth	Height
1 Box1	No 80+17.000	No 81+50.000	133.000 m	1.5m x 1.5m	5m	4m < h < 5m
2 Box2	No 111+34.000	No 114+00.000	266.000 m	1.5m x 1.5m	5m	4m < h < 5m
3 RuotLon Br	No 124+75.000	No 125+15.000	40.000 m	1.5m x 1.5m	5m	4m < h < 5m
	No 125+15.000	No 125+80.350	65.350 m	1.5m x 1.5m	10m	5m < h
	No 131+59.650	No 132+06.660	47.010 m	1.5m x 1.5m	10m	5m < h
	No 132+06.660	No 132+55.000	48.340 m	1.5m x 1.5m	5m	4m < h < 5m
4 Vu Yen Island	No 132+55.000	No 143+56.500	1,101.500 m	1.5m x 1.5m	5m	4m < h < 5m



Hình 6.2-2 Mặt cắt gia cố nền đất yếu điển hình

6.3 Cầu Bính

Cầu Bính được bảo trì bởi Ban quản lý các dự án cầu Hải Phòng (sau đây gọi là HPBMD) đã được khảo sát tại hiện trường và kết quả được thể hiện bên dưới. Hiện nay không có bất kỳ công tác bảo trì nào. Mặt đường trên cầu đang trong tình trạng tốt, một phần là do lưu lượng giao thông thấp hơn so với cầu Kiền.

Cầu Bính



Cầu Bính (100m + 260m + 100m)



Cầu Bính có 4 làn xe và một làn dành cho lối đi bộ. Rộng khoảng 4m.



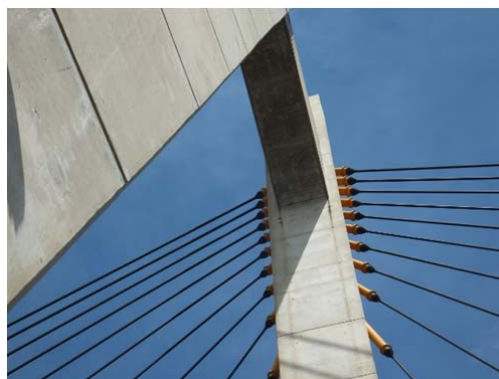
Khe co giãn trên cầu.



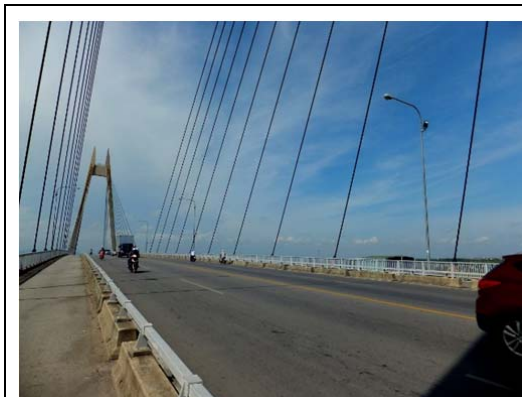
Cầu Bính. Đường rộng và không có quá nhiều xe tải nặng



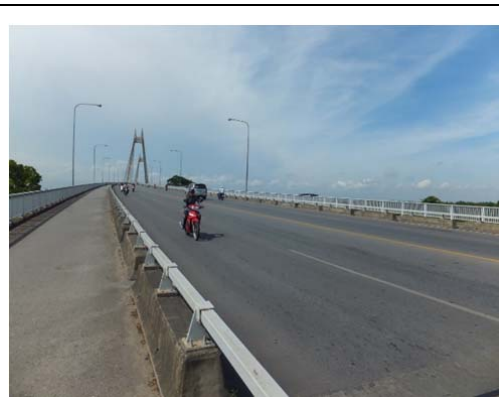
Cầu Bình được khánh thành tháng 5 năm 2005.



Tháp bê tông và dây cáp.



Khoảng 4 giờ chiều, cây cầu không bị ách tắc, tình trạng mặt đường tốt.



Đường dẫn phía Nam cầu Bình. Độ dốc 4% giống bên cầu Kiên.

Cầu Bính nhìn từ sông



Bột vôi đã được xác nhận nhưng thiệt hại nghiêm trọng đã không được nhận thấy trong các tấm sàn.

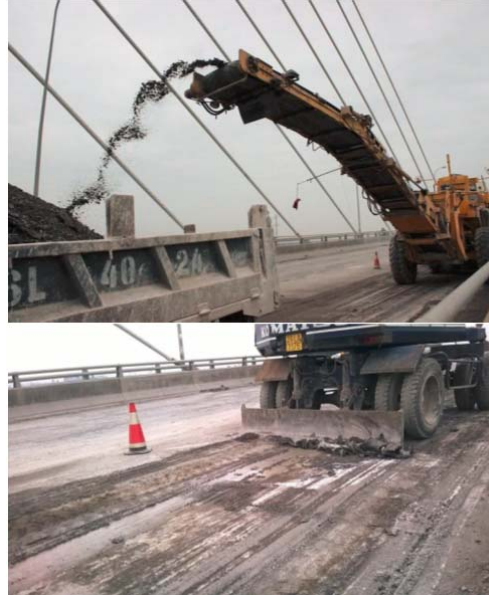
6.4 Cầu Kiên

Tình trạng hiện tại của cầu Kiên đã được khảo sát tại chỗ. Độ dốc đường dẫn của cầu là 4% giống như của cầu Bính. Cầu Kiên chỉ có hai làn xe và một lượng lớn các loại xe hạng nặng qua cầu mỗi ngày. Xe luôn chạy trên cùng một phần của cầu bởi vì nó chỉ có hai làn xe. Kể từ khi các phương tiện giao thông hạng nặng hơn và luôn chạy trên cùng một phần, điều kiện mặt đường khắc nghiệt hơn rất nhiều so với cầu Bính. Đây có lẽ là một trong những lý do cho sự xuống cấp nhanh chóng của mặt đường trên cầu Kiên. Sau khi cầu Kiên được thông xe vào tháng 9 năm 2003, mặt đường đã xuống cấp nhanh chóng. Trong tháng 11 năm 2014, mặt đường của cây cầu đã được làm lại. Khi cầu được kiểm tra trong tháng 6 năm 2015 bởi đoàn nghiên cứu, tình trạng mặt đường vẫn còn tốt. Tuy nhiên, lượng giao thông tập trung vào một làn đường có thể dẫn đến sự xuống cấp sớm của mặt đường. Kết quả kiểm tra được trình bày dưới đây.

Cầu Kiền



Tình trạng mặt đường cầu Kiền vào tháng 9 năm 2014 Nguồn: <http://www.baohaiphong.com.vn/<03/09/2014>>



Mặt đường được làm lại vào tháng 11 năm 2014 Nguồn: <http://www.baohaiphong.com.vn/<03/09/2014>>

Kể từ khi tình trạng mặt đường cầu Kiền xuống cấp như trình bày ở trên, mặt cầu được làm lại vào tháng 11 năm 2014. Mặc dù tình trạng hiện tại của mặt đường không phải là xấu như vậy có thể được nhìn thấy bên phải, bề mặt không bằng phẳng đã xuất hiện (phía nam).



Tình trạng không đồng đều đã xuất hiện sau khi làm lại khoảng 6 tháng trước đó.



Xe tải hạng nặng đi trên cầu.



Xe tải hạng nặng đi trên cầu.



Bề mặt không bằng phẳng đã xuất hiện (phía bắc).



Khi xe tải nặng đi chậm hơn, tắc nghẽn giao thông sẽ phổ biến. Độ dốc của cầu là 4%.



Cây cầu được khánh thành vào tháng Chín năm 2003.



Tất cả các khe co giãn trên Kiên Cầu đã được thay thế. Không rõ lý do.



Các khe co giãn đã được thay thế bằng những cái mới.



Phần khe co giãn trên cầu dẫn phía nam đã có lại tối đa và đã va chạm một chút.



Lối đi bộ bên cạnh khá là hẹp.

Cầu Kiên nhìn từ sông



Cầu Kiên. $85+200+85=370\text{m}$



Xe tải lớn đi trên mặt cầu.



Xe tải đi trên mặt cầu.



Dầm hộp bê tông và tháp phía bắc.



Dầm hộp bê tông cốt thép. Các dầm hộp được cấu tạo từ các phân đoạn.



Nhịp trung tâm. Kết cấu neo cáp có thể nhìn thấy.



Nứt vỡ bê tông nhẹ được tìm thấy trên bụng dầm



Hộp dầm nhịp bên đã được sơn. Không rõ lý do.

Phụ lục A7 ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

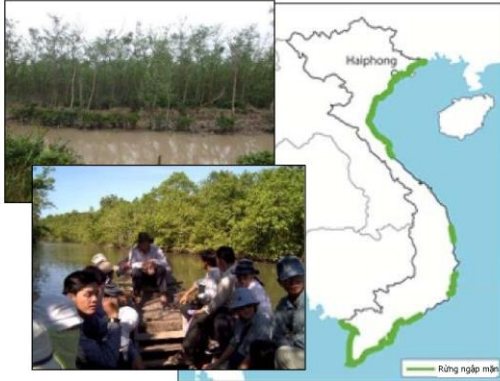
7.1 Sách bảo tồn rừng ngập mặn

SỰ QUAN TRỌNG CỦA VIỆC BẢO TỒN RỪNG NGẬP MẶN

Rừng ngập mặn là gì?:

Rừng ngập mặn là một nhóm các cây và cây bụi sống trong khu vực bãi thềm triều ven biển.

Tại Việt Nam, các khu rừng ngập mặn tập trung ở khu vực ven biển phía Bắc và phía Nam.



Lợi ích của rừng ngập mặn:

Lợi ích bảo vệ

- Bảo vệ bờ sông và bờ biển
- Giảm thiệt hại phi vật chất do thiên tai gây ra (tổn thương, tử vong)
- Giảm gián tiếp thiệt hại do thiên tai gây ra (dài hạn) (giảm năng suất hoặc các tổn thương do xâm nhập mặn)
- Ổn định bờ biển (giảm xói mòn đất)
- Giảm chi phí bảo trì và sửa chữa đê biển
- Giảm thiệt hại vật chất do thiên tai gây ra (Cơ sở vật chất công cộng, các tòa nhà, cây trồng, vật nuôi, nuôi trồng thủy sản)

Lợi ích sinh thái

- Hấp thụ Các bon
- Duy trì dinh dưỡng
- Giữ các loại trầm tích
- Giữ môi trường đa dạng sinh học
- Giảm ảnh hưởng của lụt lội
- Xử lý nước thải
- Cung cấp và bổ sung nước

Tình trạng rừng ngập mặn ở Việt Nam:

Sự thay đổi tổng diện tích rừng ngập mặn

400,000 ha (1943) ➔ 279,000ha (2006)

Giảm khoảng 30% trong 60 năm

<http://www.sggp.org.vn/moitruongdothi/2007/11/133111/>

Lý do chính gây suy giảm diện tích rừng ngập mặn:

- Làm ao nuôi tôm và đất nông nghiệp
- Dự án đầu tư công (Phát triển đường xá, bến cảng,...)
- Xây dựng nhà cửa, khách sạn,...
- Khai thác gỗ làm củi
- Chất độc làm rụng lá sử dụng trong thời kỳ

Bảo tồn rừng ngập mặn:

Ngăn chặn sự suy giảm diện tích đồng thời tái sinh rừng ngập mặn rất quan trọng để bảo vệ và đảm bảo lợi ích sinh thái cho các xã ven biển.



Liên hợp rừng ngập mặn:

Du lịch sinh thái có thể tạo ra sự thúc đẩy về kinh tế và chính sách để quản lý và bảo tồn và có thể mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương và nền kinh tế của khu vực.



Hình 7.1-1 Sách bảo tồn rừng ngập mặn

7.2 Mẫu thăm tra

1. Trả lời cho những góp ý và hướng dẫn của cơ quan chính quyền và cộng đồng

Hạng mục thăm tra	Kết quả thăm tra trong quá trình báo cáo

2. Biện pháp giảm thiểu

- Chất lượng không khí (Không khí xung quanh)

Tần xuất: 3 tháng / lần

Thành phần	Đơn vị	Giá trị đo được (Nhỏ nhất)	Giá trị đo được (Nhỏ nhất)	QCVN 05:2013/BTNMT		Nhận xét (Đo tại 6 địa điểm)
				Trung bình 1h	Trung bình 24h	
SO ₂	µg/m ³			350	125	Trong 16h (1h/lần)
CO	µg/m ³			30,000	-	Trong 16h (1h/lần)
NO ₂	µg/m ³			200	100	Trong 16h (1h/lần)
TSP	µg/m ³			300	200	Trong 16h (1h/lần)
PM ₁₀	µg/m ³			-	150	Trong 16h (1h/lần)
PM _{2.5}	µg/m ³			-	50	Trong 16h (1h/lần)
Vi khí hậu	-		-	-	-	-

- Chất lượng nước (nước bề mặt), nước dùng

Tần xuất: 3 tháng / lần

Thành phần	Đơn vị	Giá trị đã đo được (Nhỏ nhất)	Giá trị đã đo được (Lớn nhất)	QCVN 08:2008/ BTNMT		Nhận xét (Đo tại 9 điểm)
				B1	B2	
Thủy triều thấp						
pH				5, 5-9	5, 5-9	
DO	mg/l			≥4	≥2	
TSS	mg/l			50	100	
COD	mg/l			30	50	
BOD ₅	mg/l			15	25	
NH ₄ ⁺	mg/l			0.5	1	
Cl ⁻	mg/l			600	-	
F ⁻	mg/l			1.5	2	
NO ₂ ⁻	mg/l			0.04	0.05	
NO ₃ ⁻	mg/l			10	15	
PO ₄ ³⁻	mg/l			0.3	0.5	
CN ⁻	mg/l			0.02	0.02	
As	mg/l			0.05	0.1	
Cd	mg/l			0.01	0.01	
Pb	mg/l			0.05	0.05	
Hg	mg/l			0.001	0.002	
Dầu mỡ	mg/l			0.1	0.3	
Phenol (tổng)	mg/l			0.01	0.02	
Khuẩn E-coli	mpn/100ml			100	200	
Trực khuẩn ruột	mpn/100ml			7500	10000	

Thủy triều thấp

pH				5, 5-9	5, 5-9	
DO	mg/l			≥4	≥2	
TSS	mg/l			50	100	
COD	mg/l			30	50	
BOD ₅	mg/l			15	25	
NH ₄ ⁺	mg/l			0.5	1	
Cl ⁻	mg/l			600	-	
F ⁻	mg/l			1.5	2	
NO ₂ ⁻	mg/l			0.04	0.05	
NO ₃ ⁻	mg/l			10	15	
PO ₄ ³⁻	mg/l			0.3	0.5	
CN ⁻	mg/l			0.02	0.02	
As	mg/l			0.05	0.1	
Cd	mg/l			0.01	0.01	
Pb	mg/l			0.05	0.05	
Hg	mg/l			0.001	0.002	
Dầu mỡ	mg/l			0.1	0.3	
Phenol (tổng)	mg/l			0.01	0.02	
Khuẩn E-coli	mpn/100ml			100	200	
Trực khuẩn ruột	mpn/100ml			7500	10000	

- Rác thải xây dựng

Tần xuất: 1 tháng / lần

Hạng mục thẩm tra	Kết quả thẩm tra trong quá trình báo cáo
Khối lượng rác thải	
Kho chứa, thu gom, vận chuyển, xử lý	
Điều kiện của bãi chứa rác	

- Chất thải rắn

Tần xuất: 1 tháng / lần

Hạng mục thẩm tra	Kết quả thẩm tra trong quá trình báo cáo
Khối lượng rác thải	
Kho chứa	
Thu gom, vận chuyển, xử lý	

- Chất thải nguy hại

Tần suất: 1 tháng / lần

Hạng mục thẩm tra	Kết quả thẩm tra trong quá trình báo cáo
Khối lượng rác thải	
Kho chứa	
Thu gom, vận chuyển, xử lý	

- Nước thải

Tần suất: 1 tháng / lần

Hạng mục thẩm tra	Kết quả thẩm tra trong quá trình báo cáo
Nước thải sinh hoạt: Chất lượng nước (BOD ₅ , tổng hợp dạng trực khuẩn ruột, TSS), lượng nước thải ra, thu gom, xử lý	
Nước thải công nghiệp: lượng nước thải ra, thu gom, xử lý	

- Tiếng ồn (Leq)

Tần suất: 3 tháng / lần

Hạng mục	Đơn vị	Giá trị đo được		QCVN 26:2010/BTNMT (Khu vực thông thường)		Nhận xét (Đo tại 6 nơi)
		Ngày	Đêm	Ngày	Đêm	
Tiếng ồn	dBA			70	55	Trong 16h (Liên tục)

- Độ rung (Laeq)

Tần suất: 3 tháng / lần

Hạng mục	Đơn vị	Giá trị đo được		QCVN 27:2010/BTNMT (Khu vực thông thường)		Nhận xét (Đo tại 6 nơi)
		Ngày	Đêm	Ngày	Đêm	
Độ rung	dB			75	Mức độ cơ bản	Trong 16h (Liên tục)

- Cặn đáy- (Lòng sông)

Tần suất: 3 tháng / lần

Thành phần	Đơn vị	Giá trị đo được	QCVN 43/2012/BTNMT	Nhận xét (Đo tại 5 điểm)
As	mg/kg			
Cd	mg/kg			
Pb	mg/kg			
Zn	mg/kg			
Hg	mg/kg			
Cr	mg/kg			
Tổng HC	mg/kg			

3. Môi trường tự nhiên

- Hệ sinh thái

Tần xuất: 3 tháng / lần

Hạng mục thẩm tra	Kết quả thẩm tra trong quá trình báo cáo
Rừng phòng hộ và khu đầm lầy dọc Sông Cấm, Sông Ruột Lợn	

- Điều kiện thủy văn

Tần xuất: 3 tháng / lần

Hạng mục thẩm tra	Kết quả thẩm tra trong quá trình báo cáo
Điều kiện thủy văn của Sông Cấm, Sông Ruột Lợn và các kênh rạch khác huyện Thủy Nguyên	

- Dịch vụ và cơ sở hạ tầng hiện có

Tần xuất: 3 tháng / lần

Hạng mục thẩm tra	Kết quả thẩm tra trong quá trình báo cáo
Di chuyển vị trí của cáp điện, cáp truyền thông, ống cấp nước, mương tưới tiêu, rãnh thoát nước, ...	

- Vốn xã hội, tổ chức địa phương, quyền trẻ em

Tần xuất: 3 tháng / lần

Hạng mục thẩm tra	Kết quả thẩm tra trong quá trình báo cáo
Quy hoạch vạch qua đường cho người đi bộ	

- Cảnh quan

Tần xuất: 3 tháng / lần

Hạng mục thẩm tra	Kết quả thẩm tra trong quá trình báo cáo
Cây xanh dọc đường Nguyễn Trãi và tất cả cây hiện có dọc đường nối cầu và RR3	

- Môi trường làm việc

Tần xuất: 3 tháng / lần

Hạng mục thẩm tra	Kết quả thẩm tra trong quá trình báo cáo
Tất cả các khu xây dựng và lều nghỉ cho công nhân	

- Rủi ro, tác động xuyên biên giới, sự nóng lên toàn cầu

Tần xuất: 3 tháng / lần

Hạng mục thẩm tra	Kết quả thẩm tra trong quá trình báo cáo
Tất cả các khu xây dựng và dọc các tuyến đường thường chuyên chở vật liệu và chất thải	

7.3 Danh sách kiểm định môi trường

1. Câu Nguyện Trãi

Loại	Hạng mục môi trường	Hạng mục kiểm tra chính	Có: Y Không: N	Xác nhận xem xét môi trường (Lý do, biện pháp giảm thiểu)
1 Giấy phép và giải thích	(1) EIA và Giấy phép về môi trường	(a) Báo cáo EIA đã được chuẩn bị theo quy trình của chính quyền chưa? (b) Báo cáo EIA đã được cơ quan nhà nước quốc gia đối tác phê duyệt chưa? (c) Báo cáo EIA đã được duyệt vô điều kiện chưa? Nếu áp đặt điều kiện với phê duyệt báo cáo EIA thì đó là những điều kiện gì? (d) Ngoài phê duyệt trên, có giấy phép được yêu cầu khác về môi trường được cấp từ cơ quan thích hợp của chính quyền quốc gia đối tác không?	(a) N (b) N (c) N (d) N	(a) (b) (c) EIA đang trong quá trình chuẩn bị và chưa được cấp phép cũng như phê duyệt. (d) N/A
	(2) Giải thích với các bên liên quan	(a) Nội dung của dự án và ảnh hưởng tiềm tàng đã được giải thích thỏa đáng với các bên liên quan trên giấy tờ và thông tin đính kèm. Các bên liên quan đã hiểu rõ chưa? (b) Các bên liên quan (Như là người dân địa phương) có bất cứ phản ảnh gì với thiết kế của dự án không?	(a) Y (b) Y	(a) Cuộc họp các bên liên quan đã được tổ chức 2 lần. Lần đầu vào tháng 5/ 2015 giới thiệu tổng quan của dự án. Lần thứ 2 vào 12/ 2015 đưa ra đánh giá tác động môi trường và tình trạng của khu vực, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, ... (b) Nhận xét về dự án quản lý môi trường.
	(3) Thử nghiệm lựa chọn thay thế	(a) Phương án thay thế của dự án đã được thử nghiệm thực tế và xem xét về môi trường chưa?	(a) Y	(a) Phương án thay thế đã được thảo luận dựa theo Lựa chọn - không, việc lựa chọn vị trí, giá cả và môi trường tự nhiên và xã hội.

Loại	Hạng mục môi trường	Hạng mục kiểm tra chính	Có: Y Không: N	Xác nhận xem xét môi trường (Lý do, biện pháp giảm thiểu)
2 Kiểm soát ô nhiễm	(1) Chất lượng không khí	(a) Liệu nguồn chất thải gây ô nhiễm không khí có liên quan đến dự án không? Ví dụ như phương tiện giao thông sẽ ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh. Chất lượng không khí có tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia về chất lượng không khí không? Có phương pháp giảm thiểu nào không? (b) Nếu chất lượng không khí gần tuyến đường vượt quá tiêu chuẩn quốc gia thì liệu dự án có thể là mức độ ô nhiễm không khí trở nên tồi tệ hơn không?	(a) Y (b) Y	(a) Có. Phương tiện giao thông trên cầu Nguyễn Trãi có thể ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh khu vực. Phía Nam cầu Nguyễn Trãi, sự tập trung PM10 có thể sẽ làm vượt mức giới hạn cho phép được quy định trong Tiêu chuẩn Việt Nam (QCVN 05: 2013 và QCVN 06:2009). Nên thực hiện các phương pháp giảm thiểu PM10 như là bảo dưỡng mặt đường và mặt cầu, thường xuyên phun nước rửa đường, ... (b) Chất lượng không khí trong điều kiện của PM10 đã vượt quá tiêu chuẩn Việt Nam tại khu vực phía nam cầu Nguyễn Trãi. Dự án này có thể sẽ giảm tắc nghẽn giao thông trên tuyến đường hiện có và như vậy giảm được ô nhiễm không khí trong thành phố. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng không khí trong thành phố, chúng tôi đề xuất Thành phố Hải Phòng nỗ lực thúc đẩy thực hiện các dự án khác (Ví dụ Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh thành phố Hải Phòng), bao gồm cả việc cải thiện hạ tầng công trình giao thông công cộng: xe buýt, tàu đường sắt ...
	(2) Chất lượng nước	(a) Liệu các tác động đến đất có làm đất bị xói mòn không? Ví dụ như xê và lấp đất làm giảm chất lượng nước ngầm trong khu vực. (b) Liệu dự án có gây ô nhiễm nguồn nước, như là nước giếng?	(a) Y (b) N	(a) Có. Bụi bặm, rác thải, dầu, ... từ mặt cầu chảy xuống sẽ làm giảm chất lượng nước ngầm trong khu vực. Tuy nhiên, có thể giảm thiểu vấn đề này bằng cách quản lý thích hợp cho mặt cầu, ... (b) Không. Dự án này dự đoán sẽ không gây ô nhiễm nguồn nước, như là nước giếng.

Loại	Hạng mục môi trường	Hạng mục kiểm tra chính	Có: Y Không: N	Xác nhận xem xét môi trường (Lý do, biện pháp giảm thiểu)
	(4) Tiếng ồn và độ rung	(a) Tiếng ồn và độ rung từ phương tiện giao thông có tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia không? (b) Âm thanh tần số thấp từ phương tiện giao thông có tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia không?	(a) Y (b) Y	(a) (b) Tại cả 2 phía cầu Nguyễn Trãi, mức độ tiếng ồn đều được dự đoán thấp hơn giới hạn cho phép được quy định tại tiêu chuẩn Việt Nam (QCVN 26:2010, 70dBA ban ngày). Độ rung cũng được dự đoán trong mức độ cho phép theo tiêu chuẩn Việt Nam.
3 Môi trường tự nhiên	(1) Khu vực bảo tồn	a) Dự án có đặt tại khu vực được bảo tồn theo Luật quốc gia hay các Hiệp ước và Công ước quốc tế không? Dự án có ảnh hưởng tới khu vực được bảo tồn không?	(a) N	(a) Không. Dự án không đặt tại khu vực được bảo tồn theo Luật quốc gia hay các Hiệp ước và Công ước quốc tế.
	(2) Hệ sinh thái	(a) Liệu vị trí của dự án có bao gồm các khu rừng nguyên sinh, rừng mưa nhiệt đới, môi trường sống có giá trị sinh thái (ví dụ, các rạn san hô, rừng ngập mặn, hoặc bãi triều)? (b) Liệu vị trí của dự án có bao gồm môi trường sống được bảo vệ của các loài đang bị đe dọa do Luật quốc gia hoặc các Hiệp ước và Công ước quốc tế? (c) Nếu các tác động sinh thái có thể dự đoán trước, có biện pháp bảo vệ thích hợp để giảm các tác động đến hệ sinh thái không? (d) Thực hiện biện pháp bảo vệ thích hợp nào để ngăn chặn các tác động như là làm gián đoạn các tuyến di cư, chia cắt sinh cảnh, và gây tai nạn giao thông cho động vật hoang dã và vật nuôi? (e) Việc xây dựng cầu và thông đường có thể gây ra các tác động như phá rừng, săn bắt trái phép, sa mạc hóa, giảm diện tích đất ngập nước, và sự xáo trộn hệ sinh thái do sự xuất hiện của loài lạ (không có nguồn gốc) gây hại không? Có biện pháp thích hợp nào để ngăn chặn những tác động đó?	(a) N (b) N (c) N (d) N (e) Y	(a) Không. Vị trí của dự án không bao gồm các khu rừng nguyên sinh, rừng mưa nhiệt đới, môi trường sống có giá trị sinh thái, ... (b) Không. Vị trí của dự án không bao gồm môi trường sống được bảo vệ của các loài đang bị đe dọa do Luật quốc gia hoặc các Hiệp ước và Công ước quốc tế. (c) Các tác động sinh thái không thể dự đoán trước, (d) Dự đoán là sẽ không gây ra các tác động như là làm gián đoạn các tuyến di cư, chia cắt sinh cảnh, và gây tai nạn giao thông cho động vật hoang dã và vật nuôi... (e) Diện tích khoảng 1.800m ² của rừng ngập mặn phía dưới cầu ở phía bắc của Nguyễn Trãi Cầu sẽ được sử dụng để xây dựng cầu. Do đó, diện tích khoảng 1.800m ² của rừng ngập mặn được bồi thường như bồi thường cho rừng ngập mặn bị mất. Dự đoán là sẽ không gây xáo trộn đáng kể cho các hệ sinh thái do sự xuất hiện của các loài lạ và sâu bệnh.

Loại	Hạng mục môi trường	Hạng mục kiểm tra chính	Có: Y Không: N	Xác nhận xem xét môi trường (Lý do, biện pháp giảm thiểu)
	(3) Thủy văn	(a) Những thay đổi thủy văn do việc lắp đặt công trình này có thể ảnh hưởng xấu đến dòng chảy nước mặt và nước ngầm không?	(a) Y	(a) Dòng chảy của sông Cẩm có thể bị che khuất một phần bởi móng của cầu Nguyễn Trãi. Tuy nhiên, tác động được đánh giá là không đáng kể vì khi diện tích bị chiếm bởi móng cầu là tương đối nhỏ so với chiều rộng của sông.
	(4) Địa hình và địa chất	(a) Có mặt đất yếu nào trên các tuyến đường có thể gây ra trượt lở hoặc lở đất không? Có biện pháp thích hợp để ngăn chặn dốc hoặc lở đất khi cần thiết không?(b) Các công trình dân dụng, chẳng hạn như cắt và san lấp có khả năng sẽ gây ra sụt lở đất không? Có biện pháp thích hợp để ngăn chặn sụt lở đất không?(c) Liệu việc cắt và san lấp, các bãi đất đá thải, và khu vực tạm thời có thể gây ra xói mòn đất không? Có biện pháp thích hợp để ngăn chặn xói mòn đất không?	(a) N (b) N (c) Y	(a) (b) Cầu Nguyễn Trãi được quy hoạch trên địa hình bằng phẳng, do đó dự đoán là sẽ không gây sụt lở đất. (c) Một phần của đường nối ở phía bắc cầu Nguyễn Trãi sẽ được đắp. Tuy nhiên, với các biện pháp thích hợp ngăn chặn sự xói mòn đất thì dự đoán đất bị xói mòn từ bờ đường là không đáng kể

Loại	Hạng mục môi trường	Hạng mục kiểm tra chính	Có: Y Không: N	Xác nhận xem xét môi trường (Lý do, biện pháp giảm thiểu)
4 Môi trường xã hội	(1) Tái định cư	<p>(a) Dự án có phải thực hiện tái định cư không tự nguyện không? Nếu phải tái định cư không tự nguyện, liệu có những biện pháp để giảm thiểu các tác động do việc tái định cư không?</p> <p>(b) Liệu đã có giải thích phù hợp về việc bồi thường và hỗ trợ tái định cư cho người dân bị ảnh hưởng trước khi tái định cư?</p> <p>(c) Kế hoạch tái định cư, bao gồm bồi thường với chi phí thay thế đầy đủ, phục hồi sinh hoạt và mức sống có được phát triển dựa trên các nghiên cứu kinh tế xã hội về tái định cư?</p> <p>(d) Việc bồi thường có được thực hiện trước khi tái định cư?</p> <p>(e) Có tài liệu về các chính sách bồi thường không?</p> <p>(f) Kế hoạch tái định cư có đặc biệt chú ý đến các nhóm người dễ bị tổn thương, bao gồm phụ nữ, trẻ em, người già, người sống dưới mức nghèo, người dân tộc thiểu số, và những người bản xứ?</p> <p>(g) Có đạt được thoả thuận với những người bị ảnh hưởng trước khi tái định cư không?</p> <p>(h) Có thành lập tổ chức để thực hiện tốt việc tái định cư không? Có năng lực và kinh phí để bảo đảm thực hiện kế hoạch không?</p> <p>(i) Có bất kỳ kế hoạch nào được phát triển để theo dõi các tác động của tái định cư không?</p> <p>(j) Có cơ chế giải quyết khiếu nại không?</p>	<p>(a) Y (b) Y (c) Y (d) Y (e) Y (f) Y (g) Y (h) Y (i) Y (j) Y</p>	<p>(a) Những biện pháp để tránh và giảm thiểu các tác động tái định cư đã được thảo luận trong cuộc khảo sát chuẩn bị và liên tục được xem xét trong các giai đoạn sau của dự án.</p> <p>(b) Cuộc họp của các bên liên quan và các cuộc họp nhóm tập trung đã được tổ chức trong thời gian khảo sát chuẩn bị và liên tục được tổ chức các loại như cơ hội tham gia trong các giai đoạn sau của dự án.</p> <p>(c) Hoàn thành trong cuộc khảo sát chuẩn bị.</p> <p>(d) Bảo đảm dựa trên những qui định pháp lý trong nước và Hướng dẫn về môi trường và xã hội của JICA.</p> <p>(e) Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) đã được lập.</p> <p>(f) RAP nhận được sự quan tâm đặc biệt.</p> <p>(g) Bảo đảm dựa trên những qui định pháp lý trong nước Việt Nam và Hướng dẫn về môi trường và xã hội của JICA.</p> <p>(h) Bảo đảm dựa trên những qui định pháp lý trong nước Việt Nam và Hướng dẫn về môi trường và xã hội của JICA.</p> <p>(i) Giám sát việc thực hiện tái định cư đã được nêu trong RAP.</p> <p>(j) Đã được nêu trong kế hoạch hành động tái định cư (RAP) và sẽ được thiết lập trong giai đoạn thực hiện.</p>

Loại	Hạng mục môi trường	Hạng mục kiểm tra chính	Có: Y Không: N	Xác nhận xem xét môi trường (Lý do, biện pháp giảm thiểu)
	(2) Lối sống và sinh hoạt	<p>(a) Trong trường hợp cầu và đường nối được xây dựng mới, có thể dự án sẽ ảnh hưởng đến ý nghĩa của các phương tiện giao thông và các công nhân liên kết? Dự án có thể sẽ gây ra những tác động đáng kể, chẳng hạn như thay đổi mục đích sử dụng đất hiện có, những thay đổi trong các nguồn sinh kế, hoặc thất nghiệp không? Có biện pháp thích hợp để ngăn chặn những tác động này không?</p> <p>(b) Dự án có thể sẽ ảnh hưởng xấu đến mức sống của những cư dân khác so với dân số mục tiêu? Nếu cần thiết có biện pháp thích đáng làm giảm các tác động không?</p> <p>(c) Dự án có thể gây ra các bệnh, bao gồm cả bệnh truyền nhiễm như HIV do nhập cư của người lao động liên quan đến dự án không? Cần cân nhắc đầy đủ cho sức khỏe cộng đồng?</p> <p>(d) Dự án có thể ảnh hưởng xấu đến tuyến đường giao thông các khu vực xung quanh không? (ví dụ: tăng ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông)</p> <p>(e) Dự án có thể gây cản trở tới sự di chuyển của người dân không?</p> <p>(f) Cây cầu có thể che khuất mặt trời và gây nhiều vô tuyến không?</p>	<p>(a) N (b) N (c) N (d) N (e) Y (f) Y</p>	<p>(a) Dự án sẽ không gây ảnh hưởng tiêu cực quá nhiều đến các phương tiện giao thông, việc sử dụng đất đai và nguồn sinh kế. (b) Dự đoán là không thể. (c) Dự đoán là không thể. (d) Dự đoán là không thể. (e) Điều chỉnh mới cho đường vành đai số 3 có thể gây ra một số mức độ trở ngại cho việc lưu thông đến khu vực đối diện. (f) Đường nối cho cầu sẽ gây tác động tiêu cực đến việc che ánh nắng mặt trời.</p>
	(3) Di sản	(a) Dự án có thể làm hỏng di sản khảo cổ học, lịch sử, văn hóa và tôn giáo địa phương không? Có biện pháp thích hợp để bảo vệ phù hợp với luật pháp gia không?	(a)	(a) Không có bất kỳ di sản khảo cổ học, lịch sử, văn hóa và tôn giáo dọc theo tuyến đường của dự án.
	(4) Danh lam thắng cảnh	(a) Dự án có thể ảnh hưởng xấu đến cảnh quan địa phương không? Có các biện pháp cần thiết không?	(a)	(a) Không có danh lam thắng cảnh nổi bật nào dọc theo tuyến đường của dự án.
	(5) Người dân tộc thiểu số và người dân bản địa	<p>(a) Có cân nhắc đưa ra biện pháp giảm thiểu tác động văn hóa và lối sống của các dân tộc thiểu số, người bản xứ không?</p> <p>(b) Tất cả các quyền của người dân tộc thiểu số và người dân bản địa liên quan đến đất đai và các nguồn lực có được tôn trọng không?</p>	<p>(a) - (b) -</p>	<p>(a) Hầu như tất cả dân số là dân tộc đa số người Kinh (b) Hầu như tất cả dân số là dân tộc đa số người Kinh</p>

Loại	Hạng mục môi trường	Hạng mục kiểm tra chính	Có: Y Không: N	Xác nhận xem xét môi trường (Lý do, biện pháp giảm thiểu)
	(6) Điều kiện làm việc	<p>(a) Người đề xuất dự án không vi phạm bất kỳ luật, pháp lệnh liên quan đến điều kiện làm việc của quốc gia mà người đề xuất dự án cần chấp hành trong dự án?</p> <p>(b) Có đảm bảo an toàn cho các nhân sự tham gia dự án, chẳng hạn như cài đặt các thiết bị an toàn nhằm ngăn chặn tai nạn công nghiệp, và quản lý các chất độc hại không?</p> <p>(c) Có lên kế hoạch và triển khai các biện pháp cho các nhân sự tham gia dự án, chẳng hạn như việc thành lập một chương trình an toàn và sức khỏe, và huấn luyện an toàn (bao gồm cả an toàn giao thông và y tế công cộng) cho người lao động ... không?</p> <p>(d) Có thực hiện biện pháp thích hợp để đảm bảo nhân viên bảo vệ tham gia dự án không vi phạm an toàn của các nhân sự khác có liên quan, hoặc người dân địa phương?</p>	<p>(a) Y</p> <p>(b) Y</p> <p>(c) Y</p> <p>(d) Y</p>	<p>(a) Điều kiện làm việc trong giai đoạn xây dựng phải tuân thủ cả hai khuôn khổ pháp lý trong nước và tiêu chuẩn quốc tế.</p> <p>(b) Điều kiện làm việc trong giai đoạn xây dựng phải tuân thủ cả hai khuôn khổ pháp lý trong nước và tiêu chuẩn quốc tế.</p> <p>(c) Điều kiện làm việc trong giai đoạn xây dựng phải tuân thủ cả hai khuôn khổ pháp lý trong nước và tiêu chuẩn quốc tế.</p> <p>(d) Điều kiện làm việc trong giai đoạn xây dựng được thực hiện theo cả hai khuôn khổ pháp lý trong nước và tiêu chuẩn quốc tế.</p>
5 Khác	(1) Những ảnh hưởng trong quá trình xây dựng	<p>(a) Có biện pháp phù hợp để giảm tác động trong quá trình xây dựng (ví dụ, tiếng ồn, rung động, nước đục, bụi bẩn, khí thải, chất thải)?</p> <p>(b) Nếu hoạt động xây dựng ảnh hưởng xấu đến môi trường tự nhiên (hệ sinh thái), có các biện pháp thích đáng coi để giảm tác động không?</p> <p>(c) Nếu hoạt động xây dựng ảnh hưởng xấu đến môi trường xã hội, có biện pháp thích đáng để giảm tác động không?</p>	<p>(a) Y</p> <p>(b) Y</p> <p>(c) Y</p>	<p>(A) Các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung, nước đục, bụi, chất thải,... trong giai đoạn xây dựng được đề xuất trong kế hoạch quản lý môi trường (EMP).</p> <p>(b) Các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường tự nhiên bao gồm hệ sinh thái trong giai đoạn xây dựng được đề xuất trong kế hoạch quản lý môi trường (EMP).</p> <p>(c) Các biện pháp cần thiết cần được thực hiện dựa trên việc giám sát và các tài liệu khác bao gồm EMP, EIA, RAP, ...</p>

Loại	Hạng mục môi trường	Hạng mục kiểm tra chính	Có: Y Không: N	Xác nhận xem xét môi trường (Lý do, biện pháp giảm thiểu)
	(2) Giám sát	(a) Liệu người đề xuất có phát triển và thực hiện chương trình giám sát cho hạng mục môi trường được coi là gây tác động nhiều nhất? (b) Những hạng mục, phương pháp và tần suất của chương trình giám sát là gì? (c) Người đề xuất có thiết lập một khung giám sát phù hợp (tổ chức, nhân sự, trang thiết bị, và ngân sách phù hợp để duy trì giám sát)? (d) Có yêu cầu quy định nào liên quan đến việc xác định các hệ thống báo cáo giám sát, chẳng hạn như định dạng và tần suất báo cáo của người đề xuất gửi các cơ quan quản lý?	(a) Y (b) - (c) Y (d) N	(a) Có. Một kế hoạch giám sát (EMoP) cho các tác động tiềm năng được phát triển và được mô tả trong báo cáo EIA. (b) Các chi tiết về các hạng mục, phương pháp và tần suất giám sát được mô tả trong báo cáo EIA. (c) Khung giám sát được đề xuất và được mô tả trong báo cáo EIA. Tuy nhiên, cần được xác nhận và theo dõi trong suốt các giai đoạn tiếp theo của dự án. (d) Việt Nam không có yêu cầu quy định cho báo cáo giám sát. Tuy nhiên, nếu dự án được thực hiện với sự hợp tác của JICA, người đề xuất dự án bắt buộc phải nộp các báo cáo giám sát cho JICA và TP Sở TNMT Hải Phòng hàng quý.
Lưu ý	Tham khảo Danh Mục của Hạng Mục Khác	(a) Trong trường hợp cần thiết, các hạng mục thích hợp mô tả danh mục Đường bộ, Đường sắt và Các dự án Lâm nghiệp danh sách cũng cần được kiểm tra (ví dụ, dự án bao gồm cả khu vực rộng lớn của nạn phá rừng). (b) Trường hợp cần thiết, các hạng mục thích hợp mô tả danh mục Truyền tải điện và Phân phối dòng cũng cần được kiểm tra (ví dụ, dự án bao gồm lắp đặt các đường dây tải điện và/ hoặc các cơ sở tải điện).	(a) - (b) -	(a)N/A (b)N/A
	Lưu ý về Sử dụng Danh mục về môi trường	(a) Nếu cần thiết, những tác động đến các vấn đề xuyên biên giới hoặc toàn cầu cần được xác nhận, (ví dụ, dự án bao gồm các yếu tố có thể gây ra vấn đề, chẳng hạn như xử lý chất thải xuyên biên giới, mưa axit, phá hủy tầng ozone, hoặc hiện tượng nóng lên toàn cầu).	(a) -	(a)N/A

- Theo "Tiêu chuẩn Quốc gia" nêu trong bảng trên, trong trường hợp các tiêu chuẩn môi trường trong nước nơi thực hiện dự án bất đồng với các tiêu chuẩn quốc tế, cần cân nhắc đưa ra yêu cầu về môi trường phù hợp. Trong trường hợp ở một số vùng vẫn chưa có các quy định về môi trường địa phương, yêu cầu nên dựa trên so sánh với các tiêu chuẩn của các quốc gia khác nhau (bao gồm cả kinh nghiệm của Nhật Bản).
- Danh mục về môi trường nêu lên các hạng mục về môi trường cần được kiểm tra. Có thể thêm hoặc xóa một số mục liên quan đến đặc điểm của dự án và hoàn cảnh cụ thể của đất nước và địa phương nơi thực hiện dự án.

1. Cầu Vũ Yên

Phân loại	Hạng mục môi trường	Các mục kiểm tra chính	Có: Y Không: N	Xác nhận sự cân nhắc về môi trường (Lý do, biện pháp giảm thiểu)
1 Cấp giấy phép và Giải trình	(1) EIA và Cấp giấy phép về môi trường	(a) Báo cáo EIA có đã và đang được chuẩn bị trong quá trình chính thức? (b) Báo cáo EIA có được phê duyệt bởi cơ quan chức năng của chính phủ của nước chủ nhà? (c) Báo cáo EIA có được chấp thuận vô điều kiện? Nếu điều kiện được áp đặt lên việc phê duyệt báo cáo EIA, đó có là các điều kiện được đáp ứng? (d) Ngoài các phê chuẩn trên, có thu thập được giấy phép khác về môi trường theo yêu cầu từ các cơ quan quản lý thích hợp của chính phủ của nước chủ nhà?	(a) N (b) N (c) N (d) N	(a) (b) (c) (d) EIA đang được soạn thảo, và nó vẫn chưa được đệ trình và phê duyệt.
	(2) Giải trình cho các bên liên quan tại địa phương	(a) Nội dung của dự án và các tác động tiềm tàng có được giải thích đầy đủ cho các bên liên quan tại địa phương dựa trên quy trình thích hợp, bao gồm cả việc tiết lộ thông tin? Sự hiểu biết thu được từ các bên liên quan tại địa phương? (b) Có nhận xét từ các bên liên quan (ví dụ như người dân địa phương) phản ánh đối với thiết kế dự án?	(a) Y (b) Y	(a) Cuộc họp các bên liên quan được tổ chức hai lần. Cuộc họp đầu tiên đã được tổ chức vào tháng 5 năm 2015 và giải thích về cái nhìn tổng quan của dự án. Cuộc họp thứ hai được tổ chức vào tháng 12 năm 2015, đưa ra lời giải thích về việc đánh giá tác động môi trường, tình trạng của các địa điểm, các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, vv... (b) Ý kiến này được đưa vào kế hoạch quản lý môi trường.
	(3) Kiểm tra thay thế	(a) Có các kế hoạch thay thế của các dự án được kiểm tra với sự cân nhắc về môi trường và xã hội?	(a) Y	(a) Các phương án đã được thảo luận liên quan đến lựa chọn không, lựa chọn địa điểm, chi phí, và môi trường tự nhiên và xã hội.
2 Kiểm soát ô nhiễm	(1) Chất lượng không khí	(a) Có một khả năng rằng các chất ô nhiễm không khí phát ra từ các dự án liên quan đến tài nguyên, chẳng hạn như phương tiện giao thông sẽ ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh? Liệu chất lượng không khí xung quanh có tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng không khí của quốc gia? Có bất kỳ biện pháp giảm nhẹ nào được sử dụng? (b) Nếu chất lượng không khí đã vượt quá tiêu chuẩn của quốc gia gần tuyến đường, có khả năng dự án sẽ làm ô nhiễm không khí trở nên tồi tệ hơn?	(a) Y (b) Y	(a) Có. Lưu lượng phương tiện giao thông trên cầu Vũ Yên có thể ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh của khu vực. Tại địa điểm phía nam của kế hoạch cầu Vũ Yên, nồng độ PM10 và TSP (tổng số các hạt bụi lơ lửng) trong không khí xung quanh được dự báo vượt quá giới hạn cho phép theo quy định trong tiêu chuẩn Việt Nam (QCVN 05: 2013 và QCVN 06: 2009). Các biện pháp giảm thiểu thể hệ của PM10 và TSP, chẳng hạn như bảo dưỡng thường xuyên đường bộ và cầu đường, nước phun thường xuyên trên mặt đường, vv... nên được thực hiện. (b) Chất lượng không khí đã

				vượt quá tiêu chuẩn Việt Nam ở vị trí phía nam của kế hoạch cầu Vũ Yên, tại nút giao với đường quốc lộ 356. Dự án có thể giúp làm giảm tắc nghẽn giao thông trên đường tỉnh này, và do đó góp phần giảm ô nhiễm không khí trong thành phố. Tuy nhiên, để bảo tồn chất lượng môi trường không khí của thành phố, được khuyến cáo rằng thành phố Hải Phòng sẽ nỗ lực để thúc đẩy việc thực hiện các kế hoạch toàn diện (như các kế hoạch phát triển tăng trưởng xanh của thành phố Hải Phòng), bao gồm cả cải thiện giao thông công cộng, hạ tầng giao thông công cộng như xe buýt, đường sắt, vv...
	(2) Chất lượng nước	(a) Có khả năng sỏi mòn đất trồng từ đất trồng do hoạt động đào đất, chẳng hạn như đào và lấp đầy sẽ gây ra suy thoái chất lượng nước tại các vùng hạ lưu? (b) Có khả năng dự án sẽ gây ô nhiễm nguồn nước, chẳng hạn như nước giếng?	(a) Y (b) N	(a) Có. Bụi, rác, dầu, vv... từ dòng chảy bề mặt cầu có thể gây ra suy thoái chất lượng nước tại các vùng hạ nguồn. Tuy nhiên, tác động này có thể được giảm nhẹ bằng việc quản lý thích hợp mặt cầu, vv... (b) Không, trong giai đoạn hoạt động, dự án sẽ không gây ô nhiễm nguồn nước, chẳng hạn như nước giếng.
	(4) Tiếng ồn và sự rung	(a) Tiếng ồn và độ rung từ phương tiện giao thông và lưu thông tàu hỏa có tuân thủ theo các tiêu chuẩn của quốc gia? (b) Âm thanh tần số thấp từ phương tiện giao thông và lưu thông tàu hỏa có tuân thủ theo các tiêu chuẩn của quốc gia?	(a) Y (b) N	(a) (b) Tại địa điểm phía nam của cầu Vũ Yên, mức độ tiếng ồn được dự báo vượt quá giới hạn cho phép theo quy định trong tiêu chuẩn Việt Nam (QCVN 26: 2010, 70dBA vào ban ngày). Rung động được dự đoán trong giới hạn cho phép được thiết lập theo tiêu chuẩn Việt Nam.
3 Môi trường tự nhiên	(1) Khu vực bảo vệ	a) Địa điểm dự án nằm trong khu vực bảo vệ có được chỉ định bởi pháp luật của quốc gia hoặc điều ước quốc tế hay không? Có khả năng rằng dự án sẽ ảnh hưởng đến các khu vực được bảo vệ không?	(a) N	(a) Không. Không có bất kỳ khu vực được bảo vệ theo chỉ định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế xung quanh khu vực dự án.

	<p>(2) Hệ sinh thái</p>	<p>(a) Địa điểm dự án có bao gồm các khu rừng nguyên sinh, rừng mưa nhiệt đới, sinh thái môi trường sống có giá trị (ví dụ, các rạn san hô, rừng ngập mặn, hoặc bãi triều)?</p> <p>(b) Địa điểm dự án có bao gồm các môi trường sống được bảo vệ của các loài có nguy cơ tuyệt chủng do pháp luật của quốc gia hoặc điều ước quốc tế?</p> <p>(c) Nếu có tác động đáng kể đến sinh thái được dự đoán trước, có các biện pháp bảo vệ thích hợp để giảm tác động đến hệ sinh thái?</p> <p>(d) Có biện pháp bảo vệ thích hợp được thực hiện để ngăn chặn tác động, chẳng hạn như sự gián đoạn của các tuyến đường di cư, chia cắt sinh cảnh, và tai nạn giao thông của động vật hoang dã và vật nuôi?</p> <p>(e) Có khả năng việc lắp đặt các cầu và đường dẫn sẽ gây ra tác động, chẳng hạn như phá rừng, săn bắt trộm, sa mạc hóa, giảm diện tích đầm lầy, và sự xáo trộn các hệ sinh thái do sự ra đời của các loài lạ (sự xâm lấn không có nguồn gốc) và gây hại không? Có biện pháp thích hợp để ngăn chặn những tác động cần được xem xét đó không?</p>	<p>(a) N (b) N (c) N (d) N (e) N</p>	<p>(a) Không, địa điểm của dự án không bao gồm các khu rừng nguyên sinh, rừng mưa nhiệt đới, môi trường sống có giá trị về mặt sinh thái, vv...</p> <p>(b) Không, địa điểm của dự án không bao gồm các môi trường sống được bảo vệ của các loài có nguy cơ tuyệt chủng do pháp luật của quốc gia hoặc điều ước quốc tế.</p> <p>(c) Các tác động sinh thái quan trọng không thể lường trước được.</p> <p>(d) Tác động như sự phá vỡ của các tuyến đường di cư, chia cắt sinh cảnh, và tai nạn giao thông của động vật hoang dã và vật nuôi, vv... không được dự đoán.</p> <p>(e) Một diện tích khoảng 1.800m² của rừng ngập mặn phía dưới cầu ở phía bắc của cầu Vũ Yên sẽ được mua lại để làm đất xây dựng cầu. Do đó, việc trồng khoảng 1.800m² rừng ngập mặn nên được thực hiện như một sự đền bù cho diện tích rừng ngập mặn bị mất. Xáo trộn đáng kể hệ sinh thái do các loài kỳ lạ và sâu bệnh không được dự đoán.</p>
	<p>(3) Thủy văn</p>	<p>(a) Có khả năng sự thay đổi thủy văn do việc xây dựng công trình này sẽ ảnh hưởng xấu đến nước và nguồn nước ngầm?</p>	<p>(a) Y</p>	<p>(a) Các dòng chảy của sông Cấm có thể được bị cản trở một phần bởi nền móng của cầu Vũ Yên. Tuy nhiên, tác động được coi là không đáng kể vì diện tích bị chiếm bởi nền móng cầu là tương đối nhỏ so với chiều rộng của sông.</p>
	<p>(4) Địa hình và Địa chất</p>	<p>(a) Có bất kỳ bề mặt đất mềm trên các tuyến đường có thể gây ra sự cố sườn dốc hoặc lở đất? Có biện pháp thích hợp được cân nhắc để ngăn chặn sự cố sườn dốc hoặc lở đất, khi cần thiết?</p> <p>(b) Có khả năng rằng công trình dân dụng, chẳng hạn như đào và lấp đầy sẽ gây ra sự cố sườn dốc hoặc lở đất? Có biện pháp thích hợp nào để ngăn chặn sự cố sườn dốc hoặc lở đất?</p> <p>(c) Có khả năng sồi mòn đất là hậu quả của việc đào và lấp đầy các khu vực, các bãi thải đất đá thải, và mượn địa điểm? Có biện pháp thích hợp nào để ngăn chặn sồi mòn đất?</p>	<p>(a) N (b) N (c) Y</p>	<p>(a) (b) Cầu Vũ Yên được quy hoạch trên địa hình bằng phẳng, do đó sự cố sườn dốc hoặc lở đất không được dự đoán.</p> <p>(c) Một phần ngắn của đường dẫn ở phía bắc của cầu Vũ Yên sẽ được đắp kè. Tuy nhiên, sồi mòn đất từ bờ kè đường được dự đoán là không đáng kể so với các biện pháp ngăn chặn hợp lý sự xói mòn đất.</p>

<p>4 Môi trường xã hội</p>	<p>(1) Tái định cư</p>	<p>(a) Có sự không tự nguyện tái định cư do việc thực hiện dự án? Nếu không tự nguyện tái định cư xảy ra, có nỗ lực nào để giảm thiểu các tác động do việc tái định cư? (b) Có sự giải thích đầy đủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho người dân bị ảnh hưởng trước khi tái định cư? (c) Kế hoạch tái định cư, có bao gồm bồi thường với chi phí thay thế đầy đủ, khôi phục cuộc sống và tiêu chuẩn sống được phát triển dựa trên các nghiên cứu kinh tế xã hội về tái định cư? (d) Việc bồi thường sẽ được trả trước khi tái định cư? (e) Có chính sách bồi thường chuẩn bị tài liệu? (f) Có kế hoạch tái định cư đặc biệt chú ý đến các nhóm dễ bị ảnh hưởng hay con người, bao gồm phụ nữ, trẻ em, người già, người sống dưới mức nghèo, người dân tộc thiểu số, và các dân tộc bản địa? (g) Có các thoả thuận với những người bị ảnh hưởng có được trước khi tái định cư? (h) Khuôn khổ tổ chức có được thành lập để thực hiện tốt tái định cư? Có năng lực và kinh phí bảo đảm thực hiện kế hoạch? (i) Có bất kỳ kế hoạch được phát triển để theo dõi các tác động của việc tái định cư? (j) Có cơ chế giải quyết khiếu nại được thành lập?</p>	<p>(a) Y (b) Y (c) Y (d) Y (e) Y (f) Y (g) Y (h) Y (i) Y (j) Y</p>	<p>(a) Những nỗ lực để tránh và giảm thiểu các tác động tái định cư đã được thảo luận trong các cuộc khảo sát chuẩn bị và sẽ được xem xét liên tục trong các giai đoạn dự án sau. (b) Cuộc họp các bên liên quan và các cuộc họp nhóm tập trung đã được tổ chức trong đợt khảo sát chuẩn bị và sẽ được tổ chức liên tục như cơ hội tham gia chính thức trong các giai đoạn dự án sau. (c) Thực hiện trong đợt khảo sát chuẩn bị. (d) Được bảo đảm dựa trên những quy định pháp lý trong nước ở Việt Nam và Hướng dẫn về môi trường và xã hội của JICA. (e) Có sự chuẩn bị trong kế hoạch hành động tái định cư (RAP). (f) Sự quan tâm đặc biệt được chi trả trong RAP. (g) Có sự bảo đảm dựa trên những quy định pháp lý trong nước ở Việt Nam và Hướng dẫn về môi trường và xã hội của JICA. (h) Có sự bảo đảm dựa trên những quy định pháp lý trong nước ở Việt Nam và Hướng dẫn về môi trường và xã hội của JICA. (i) Các chương trình giám sát việc thực hiện tái định cư đã được phát triển trong RAP (j) Có sự chuẩn bị trong kế hoạch hành động tái định cư (RAP) và sẽ được thành lập trong suốt quá trình thực hiện.</p>
----------------------------	------------------------	--	---	--

	(2) Cuộc sống và sinh kế	<p>(a) Trong trường hợp cầu và đường dẫn được lắp đặt mới, có khả năng dự án sẽ ảnh hưởng đến các phương tiện giao thông hiện có và người lao động có liên quan? Có khả năng dự án sẽ gây ra những tác động đáng kể, chẳng hạn như thay đổi sâu rộng về mục đích sử dụng đất hiện có, những thay đổi trong các nguồn sinh kế, hay việc thất nghiệp? Có biện pháp thích hợp nào được xem xét để ngăn chặn những tác động này?</p> <p>(b) Có khả năng dự án sẽ ảnh hưởng xấu đến điều kiện sống của các cư dân hơn là so với dân số đích? Có biện pháp thích đáng được xem xét để giảm các tác động, nếu cần thiết?</p> <p>(c) Có khả năng các bệnh, bao gồm các bệnh truyền nhiễm như HIV sẽ bị gây ra do cư trú của công nhân liên quan đến dự án? Có sự xem xét đầy đủ cho sức khỏe cộng đồng, nếu cần thiết?</p> <p>(d) Có khả năng dự án sẽ ảnh hưởng xấu đến giao thông đường bộ ở các khu vực xung quanh (ví dụ: tăng ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông)?</p> <p>(e) Có khả năng dự án sẽ cản trở sự di chuyển của người dân?</p> <p>(f) Có khả năng cây cầu sẽ gây ra che bóng mặt trời và nhiễu vô tuyến?</p>	<p>(a) N (b) N (c) N (d) N (e) Y (f) Y</p>	<p>(a) Các phương tiện vận chuyên, sử dụng đất đai, nguồn sinh kế có thể không bị ảnh hưởng tiêu cực quá nhiều bởi dự án. (b) Không có khả năng đáng kể được dự đoán. (c) Không có khả năng đáng kể được dự đoán. (d) Không có khả năng đáng kể được dự đoán. (e) Liên kết mới cho đường vành đai 3 có thể gây ra một số mức độ trở ngại đối với việc đường cắt qua các khu vực đối diện. (f) Đường dẫn cho cây cầu sẽ gây ra tác động tiêu cực đến việc che bóng mặt trời.</p>
	(3) Di sản	<p>a) Có khả năng dự án sẽ làm hư hại di sản khảo cổ học, lịch sử, văn hóa và tôn giáo địa phương? Có biện pháp thích đáng nào được cân nhắc để bảo vệ các địa điểm này phù hợp với pháp luật của quốc gia?</p>	<p>(a) N</p>	<p>(a) Không có bất kỳ di sản khảo cổ học, lịch sử, văn hóa và tôn giáo nào quan sát được dọc theo lộ trình của dự án.</p>
	(4) Cảnh quan	<p>(a) Có khả năng dự án sẽ ảnh hưởng xấu đến cảnh quan địa phương? Có các biện pháp cần thiết để thực hiện?</p>	<p>(a) N</p>	<p>(a) Không có cảnh quan danh lam thắng cảnh nổi bật nào quan sát được dọc theo lộ trình của dự án.</p>
	(5) Dân tộc thiểu số và người dân bản địa	<p>(a) Có những xem xét được đưa ra để giảm thiểu tác động về văn hóa và lối sống của các dân tộc thiểu số và người bản xứ? (b) Tất cả các quyền của người dân tộc thiểu số và người dân bản địa liên quan đến đất đai và các nguồn lực có được tôn trọng?</p>	<p>(a) - (b) -</p>	<p>(a) Hầu như tất cả dân số chủ yếu là người Kinh (b) Hầu như tất cả dân số chủ yếu là người Kinh</p>

	(6) Điều kiện làm việc	<p>(a) Người đề xuất dự án có vi phạm bất kỳ luật, pháp lệnh liên quan đến điều kiện làm việc của quốc gia nơi mà người đề xuất nên quan sát trong dự án?</p> <p>(b) Có những xem xét an toàn hữu hình tại chỗ cho các cá nhân tham gia dự án, chẳng hạn như cài đặt các thiết bị an toàn, giúp ngăn chặn tai nạn công nghiệp, và quản lý các chất độc hại?</p> <p>(c) Có các biện pháp vô hình được lên kế hoạch và triển khai cho các cá nhân tham gia dự án, chẳng hạn như việc thành lập một chương trình an toàn và sức khỏe, và huấn luyện an toàn (bao gồm cả an toàn giao thông và y tế công cộng) cho người lao động, vv...?</p> <p>(d) Có các biện pháp thích hợp cần được thực hiện để đảm bảo rằng nhân viên bảo vệ tham gia dự án không vi phạm an toàn của các cá nhân khác có liên quan, hoặc người dân địa phương?</p>	<p>(a) Y (b) Y (c) Y (d) Y</p>	<p>a) Điều kiện làm việc trong giai đoạn xây dựng phải tuân thủ cả hai khuôn khổ pháp lý trong nước và tiêu chuẩn quốc tế.</p> <p>(b) Điều kiện làm việc trong giai đoạn xây dựng phải tuân thủ cả hai khuôn khổ pháp lý trong nước và tiêu chuẩn quốc tế.điều kiện</p> <p>(c) Điều kiện làm việc trong giai đoạn xây dựng phải tuân thủ cả hai khuôn khổ pháp lý trong nước và tiêu chuẩn quốc tế.</p> <p>(d) Điều kiện làm việc trong giai đoạn xây dựng phải tuân thủ cả hai khuôn khổ pháp lý trong nước và tiêu chuẩn quốc tế.</p>
5 lĩnh vực khác	(1) Các tác động trong quá trình xây dựng	<p>(a) Có biện pháp hữu hiệu nào được xem xét để giảm tác động trong quá trình xây dựng (ví dụ, tiếng ồn, rung động, nước đục, bụi, khí thải, chất thải)?</p> <p>(b) Nếu hoạt động xây dựng ảnh hưởng xấu đến môi trường tự nhiên (hệ sinh thái), có biện pháp hữu hiệu nào được cân nhắc để giảm thiểu tác động?</p> <p>(c) Nếu hoạt động xây dựng ảnh hưởng xấu đến môi trường xã hội, có biện pháp hữu hiệu nào được cân nhắc để giảm tác động?</p>	<p>(a) Y (b) Y (c) Y</p>	<p>(a) Các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung, nước đục, bụi, chất thải, vv...trong giai đoạn xây dựng được đề xuất trong kế hoạch quản lý môi trường (EMP).</p> <p>(b) Các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường tự nhiên bao gồm hệ sinh thái trong giai đoạn xây dựng được đề xuất trong kế hoạch quản lý môi trường (EMP).</p> <p>(c) Các biện pháp cần thiết nên được thực hiện dựa trên việc theo dõi và bất kỳ tài liệu nào khác bao gồm EMP, EIA, RAP, vv...</p>
	(2) Theo dõi	<p>(a) Có người đề xuất phát triển và thực hiện chương trình giám sát cho mục môi trường được coi là có tác động tiềm năng?</p> <p>(b) Có những mục, phương pháp và tần suất của chương trình giám sát nào?</p> <p>(c) Có người đề xuất thiết lập một khuôn khổ giám sát phù hợp (tổ chức, nhân sự, trang thiết bị, và đủ ngân sách để duy trì khuôn khổ giám sát)?</p> <p>(d) Có bất kỳ yêu cầu quy định liên quan đến các hệ thống báo cáo giám sát xác định, chẳng hạn như định dạng và tần suất của các báo cáo từ người đề xuất đối với các cơ quan quản lý?</p>	<p>(a) Y (b) Y (c) Y (d) N</p>	<p>(a) Có. Một kế hoạch giám sát (EMoP) cho các tác động tiềm năng được phát triển và được mô tả trong báo cáo EIA.</p> <p>(b) Chi tiết về các mặt hàng, phương pháp và tần suất của các kế hoạch giám sát được mô tả trong báo cáo EIA.</p> <p>(c) Khung giám sát được đề xuất và được mô tả trong báo cáo EIA. Tuy nhiên, cần được xác nhận và theo dõi trong suốt các giai đoạn tiếp theo của dự án.</p> <p>(d) Ở Việt Nam, không có yêu cầu quy định cho báo cáo giám sát thường xuyên. Tuy nhiên, nếu dự án được thực hiện với sự hợp tác của JICA, người đề xuất</p>

				dự án sẽ bắt buộc phải nộp các báo cáo giám sát của JICA và Sở Tài nguyên Môi trường TP Hải Phòng hàng quý.
Ghi chú	Tham khảo Danh mục các lĩnh vực khác	(a) Trường hợp cần thiết, các mục thích hợp được mô tả trong danh sách dự án đường bộ, đường sắt và các dự án lâm nghiệp cần được kiểm tra (ví dụ, dự án bao gồm các khu vực rộng lớn của việc phá rừng). (b) Trường hợp cần thiết, các mục thích hợp được mô tả trong truyền tải điện và danh sách đường dây phân phối nên được kiểm tra (ví dụ: dự án bao gồm lắp đặt các đường dây tải điện và / hoặc các cơ sở phân phối điện).	(a) - (b) -	(a)N/A (b)N/A
	Lưu ý về Sử dụng Danh sách kiểm tra môi trường	(a) Nếu cần thiết, tác động tới các vấn đề liên quốc gia và toàn cầu cần được xác nhận, nếu cần thiết (ví dụ, dự án bao gồm các yếu tố có thể gây ra vấn đề, chẳng hạn như xử lý chất thải liên quốc gia, mưa a xít, phá hủy tầng ozone, hoặc hiện tượng nóng lên toàn cầu).	(a) -	(a)N/A

1) Liên quan đến thuật ngữ "Tiêu chuẩn Quốc gia" được đề cập trong bảng trên, trong trường hợp các tiêu chuẩn về môi trường trong nước mà dự án tọa lạc xảy ra bất đồng đáng kể với các tiêu chuẩn quốc tế, những xem xét về môi trường yêu cầu phải được thực hiện. Trong trường hợp các quy định về môi trường địa phương vẫn chưa được thành lập ở một số vùng, xem xét cần được thực hiện dựa trên sự tương quan với các tiêu chuẩn thích hợp của các nước khác (bao gồm cả kinh nghiệm của Nhật Bản).

2) Danh sách kiểm tra môi trường cung cấp các mục chung về môi trường cần được kiểm tra. Cần thiết để thêm hoặc xóa một mục có tính đến đặc điểm của dự án và hoàn cảnh cụ thể của quốc gia và địa phương nơi dự án tọa lạc.

3. Đường vành đai 3

Phân loại	Hạng mục môi trường	Các mục kiểm tra chính	Có: Y Không: N	Xác nhận sự cân nhắc về môi trường (Lý do, biện pháp giảm thiểu)
1 Cấp giấy phép và Giải trình	(1) EIA và Cấp giấy phép về môi trường	(a) Báo cáo EIA có đã và đang được chuẩn bị trong quá trình chính thức? (b) Báo cáo EIA có được phê duyệt bởi cơ quan chức năng của chính phủ của nước chủ nhà? (c) Báo cáo EIA có được chấp thuận vô điều kiện? Nếu điều kiện được áp đặt lên việc phê duyệt báo cáo EIA, có là các điều kiện được đáp ứng?	(a) N (b) N (c) N (d) N	(a) (b) (c) (d) EIA đang được soạn thảo, và nó vẫn chưa được đệ trình và phê duyệt.

		(d) Ngoài các phê chuẩn trên, có thu thập giấy phép khác về môi trường theo yêu cầu từ các cơ quan quản lý thích hợp của chính phủ của nước chủ nhà?		
	(2) Giải trình cho các bên liên quan tại địa phương	(a) Nội dung của dự án và các tác động tiềm tàng có được giải thích đầy đủ cho các bên liên quan tại địa phương dựa trên quy trình thích hợp, bao gồm cả việc tiết lộ thông tin? Sự hiểu biết thu được từ các bên liên quan tại địa phương? (b) Có nhận xét từ các bên liên quan (ví dụ như người dân địa phương) phản ánh đối với thiết kế dự án?	(a) Y (b) Y	(a) Cuộc họp các bên liên quan được tổ chức hai lần. Cuộc họp đầu tiên đã được tổ chức vào tháng 5 năm 2015 và giải thích về cái nhìn tổng quan của dự án. Cuộc họp thứ hai được tổ chức vào tháng 12 năm 2015, đưa ra lời giải thích về việc đánh giá tác động môi trường, tình trạng của các địa điểm, các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường, vv... (b) Ý kiến này được đưa vào kế hoạch quản lý môi trường.
	(3) Kiểm tra thay thế	(a) Có kế hoạch thay thế của các dự án được kiểm tra với sự cân nhắc về môi trường và xã hội?	(a) Y	(a) Các phương án đã được thảo luận liên quan đến lựa chọn không, lựa chọn địa điểm, chi phí, môi trường tự nhiên và xã hội.
2 Kiểm soát ô nhiễm	(1) Chất lượng không khí	(a) Có khả năng các chất ô nhiễm không khí phát ra từ các dự án liên quan nguồn tài nguyên, chẳng hạn như phương tiện giao thông sẽ ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh? Liệu chất lượng không khí xung quanh có thực hiện theo các tiêu chuẩn chất lượng không khí của quốc gia? Có bất kỳ biện pháp giảm nhẹ nào? (b) Trường hợp khu công nghiệp đã tồn tại gần các tuyến đường, có khả năng dự án sẽ làm ô nhiễm không khí trở nên tồi tệ hơn?	(a) Y (b) Y	(a) Có. Lưu lượng phương tiện giao thông trên đường vành đai 3 có thể ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh của khu vực. Tại các nút giao giữa đường dự kiến với Quốc lộ 10, đường liên tỉnh 359, và đường nông thôn (9km + 500), - nồng độ TSP (tổng số các hạt bụi lơ lửng) trong không khí xung quanh được dự báo vượt quá giới hạn cho phép theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam (QCVN 05: 2013). Các biện pháp để giảm thiểu thể hệ TSP, chẳng hạn như bảo dưỡng thường xuyên đường bộ và cầu đường, nước phun thường xuyên trên mặt đường, vv... nên được thực hiện. (b) Chất lượng không khí trong hạn định nồng độ PM10 và TSP đã vượt quá tiêu chuẩn Việt Nam tại giao lộ giữa quy hoạch đường vành đai 3 với đường liên tỉnh 359. Dự án có thể giúp làm giảm tắc nghẽn giao thông trên đường tỉnh này, và do đó góp phần để giảm ô nhiễm không khí trong thành phố. Tuy nhiên, để bảo tồn chất lượng môi trường không khí của thành phố, có

				khuyến cáo thành phố Hải Phòng sẽ nỗ lực để thúc đẩy việc thực hiện các kế hoạch toàn diện (như các kế hoạch phát triển tăng trưởng xanh của thành phố Hải Phòng), bao gồm cả cải thiện giao thông công cộng, hạ tầng giao thông công cộng như xe buýt, đường sắt, vv...
	(2) Chất lượng nước	(a) Có khả năng sỏi mòn đất từ đất trống do hoạt động đào đất, chằng hạn như đào và lấp đầy sẽ gây ra suy thoái chất lượng nước suy ở khu vực hạ lưu? (b) Có khả năng dòng chảy bề mặt từ đường sẽ gây ô nhiễm nguồn nước, chẳng hạn như nước ngầm? (c) Do nước thải từ các cơ sở khác nhau, chẳng hạn như các khu vực đậu xe / khu vực dịch vụ tuân thủ các tiêu chuẩn nước thải của quốc gia và tiêu chuẩn chất lượng nước môi trường xung quanh? Có khả năng sông nhánh khiến cho các khu vực không tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng nước môi trường của quốc gia?	(a) Y (b) N (c) N	(a) Có, có khả năng sỏi mòn đất từ kè đường vành đai 3, bụi, rác, dầu, vv... từ các dòng chảy bề mặt đường / cầu, vv có thể làm suy thoái chất lượng nước tại các vùng nước hạ nguồn. Tuy nhiên, tác động này có thể được giảm nhẹ bằng việc quản lý thích hợp của kè đường, mặt đường / cầu, vv... (b) Không, trong giai đoạn hoạt động, dự án sẽ không gây ô nhiễm nguồn nước, chẳng hạn như nước giếng. (c) Các cơ sở của dự án như khu vực đỗ xe / khu vực dịch vụ không được quy hoạch trong dự án.
	(3) Chất thải	(a) Có chất thải phát sinh từ các cơ sở dự án, chẳng hạn như các khu vực đậu xe/ khu vực dịch vụ, xử lý và xả thải phù hợp với các quy định của quốc gia?	(a) Y	(a) Các công trình thu gom chất thải thường xuyên và làm sạch bụi bẩn trên bề mặt đường được mô tả trong EMP.
	(4) Tiếng ồn và sự rung	(a) Tiếng ồn và độ rung từ phương tiện giao thông và lưu thông tàu hỏa tuân thủ theo các tiêu chuẩn của quốc gia?	(a) N	(a) Tại các nút giao giữa đường kế hoạch vành đai 3 và và Quốc lộ 10, tỉnh lộ 356, và đường nông thôn (9km + 500), - các cấp độ tiếng ồn được dự đoán hơi quá mức giới hạn cho phép theo quy định trong tiêu chuẩn Việt Nam (QCVN 26: 2010, 70dBA vào ban ngày). Rung động được dự đoán trong giới hạn cho phép được thiết lập theo tiêu chuẩn Việt Nam.
3 Môi trường tự nhiên	(1) Khu vực bảo vệ	(a) Địa điểm dự án có nằm trong các khu vực bảo vệ được chỉ định bởi pháp luật quốc gia hoặc điều ước quốc tế? Có khả năng dự án sẽ	(a) N	(a) Không. Không có bất kỳ khu vực bảo vệ theo chỉ định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế xung quanh khu vực

	ảnh hưởng đến các khu vực được bảo vệ?		dự án.
(2) Hệ sinh thái	<p>(a) Địa điểm dự án có bao gồm các khu rừng nguyên sinh, rừng mưa nhiệt đới, môi trường sống có giá trị sinh thái (ví dụ, các rạn san hô, rừng ngập mặn, hoặc bãi triều)?</p> <p>(b) Địa điểm dự án có bao gồm các môi trường sống được bảo vệ của các loài có nguy cơ tuyệt chủng được chỉ định bởi pháp luật của quốc gia hoặc điều ước quốc tế?</p> <p>(c) Nếu tác động sinh thái quan trọng được dự đoán, có đủ các biện pháp bảo vệ để giảm các tác động đến hệ sinh thái?</p> <p>(d) Có đủ các biện pháp bảo vệ để ngăn chặn tác động, chẳng hạn như sự gián đoạn của các tuyến đường di cư, chia cắt sinh cảnh, và tai nạn giao thông của động vật hoang dã và vật nuôi?</p> <p>(e) Có khả năng việc xây dựng đường sẽ gây ra tác động, chẳng hạn như phá rừng, săn bắt trộm, sa mạc hóa, giảm diện tích đầm lầy, và sự xáo trộn của các hệ sinh thái do sự có mặt của các loài lạ (sự xâm lấn không rõ nguồn gốc) và gây hại không? Có biện pháp thích hợp để ngăn chặn những tác động cần được xem xét đó?</p> <p>(f) Trong trường hợp các địa điểm của dự án nằm tại khu vực kém phát triển, có khả năng sự phát triển mới sẽ dẫn đến việc đánh mất sự phong phú của môi trường tự nhiên?</p>	<p>(a) N</p> <p>(b) N</p> <p>(c) N</p> <p>(d) N</p> <p>(e) Y</p> <p>(f) Y</p>	<p>a) Không, địa điểm của dự án không bao gồm các khu rừng nguyên sinh, rừng mưa nhiệt đới, sinh thái môi trường sống có giá trị, vv...</p> <p>(b) Không, địa điểm của dự án không bao gồm các môi trường sống bảo vệ các loài nguy cơ tuyệt chủng do pháp luật của quốc gia hoặc điều ước quốc tế.</p> <p>(c) Các tác động sinh thái quan trọng không thể lường trước.</p> <p>(d) Tác động như sự phá vỡ các tuyến đường di cư, chia cắt sinh cảnh, và tai nạn giao thông của động vật hoang dã và vật nuôi, vv... không mong đợi.</p> <p>(e) (f) Một diện tích khoảng 13,800m² rừng ngập mặn trên bờ sông Ruột Lợn dưới cầu cạn của kế hoạch Cầu Ruột Lợn sẽ được mua lại làm đất để xây dựng cầu. Do đó, trồng khoảng 13,800m² rừng ngập mặn cần được thực hiện như đền bù cho diện tích rừng ngập mặn bị mất do sự xáo trộn đáng kể hệ sinh thái bởi các loài lạ và sâu bệnh không được mong đợi.</p>
(3) Thủy văn	<p>(a) Có khả năng sự thay đổi các đặc điểm địa hình và lắp đặt các cấu trúc, chẳng hạn như đường hầm sẽ tạo ra ảnh hưởng xấu đến nước bề mặt và nguồn nước ngầm?</p>	<p>(a) N</p>	<p>(a) Nền móng của cầu Ruột Lợn được lên kế hoạch xây dựng trên đất, do đó dòng chảy của sông Ruột Lợn có thể không bị cản trở bởi nền móng này.</p>
(4) Địa hình và Địa chất	<p>(a) Bề mặt đất mềm trên các tuyến đường có gây ra sự cố sườn dốc hay lở đất? Có biện pháp thích hợp cần được xem xét để ngăn chặn sự cố sườn dốc hoặc lở đất, khi cần thiết?</p> <p>(b) Có khả năng công trình dân dụng, chẳng hạn như đào và lấp đầy sẽ gây ra sự cố sườn dốc hay lở đất? Có biện pháp thích hợp cần được xem xét để ngăn ngừa các sự cố sườn dốc hoặc lở đất?</p> <p>(c) Có khả năng sỏi mòn đất sẽ là hệ quả của đào và lấp đầy các khu vực bãi thải đất, và mượn địa điểm? Có biện pháp thích hợp đưa ra để ngăn</p>	<p>(a) N</p> <p>(b) N</p> <p>(c) Y</p>	<p>(a) (b) Đường vành đai 3 được quy hoạch trên diện tích đất đồng bằng, do đó sự cố sườn dốc hoặc lở đất không được dự đoán.</p> <p>(c) Một phần của đường vành đai 3 sẽ được đắp kè. Các biện pháp để giảm xói mòn đất từ bờ kè đường bộ được đề xuất trong kế hoạch quản lý môi trường (EMP).</p>

		chặn sỏi mòn đất?		
4 Môi trường xã hội	(1) Tái định cư	<p>(a) Không tự nguyện tái định cư gây ra bởi việc thực hiện dự án? Nếu tái định cư không tự nguyện xảy ra ra, có nỗ lực thực hiện để giảm thiểu các tác động do việc tái định cư?</p> <p>(b) Có giải thích đầy đủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư? trao cho những người bị ảnh hưởng trước khi tái định cư?</p> <p>(c) Có kế hoạch tái định cư, bao gồm bồi thường với chi phí thay thế đầy đủ, phục hồi sinh kế và mức sống được phát triển dựa trên nghiên cứu kinh tế xã hội về tái định cư?</p> <p>(d) Việc bồi thường có được trả trước khi tái định cư?</p> <p>(e) Có chính sách bồi thường được ban hành dưới dạng công văn?</p> <p>(f) Có kế hoạch tái định cư đặc biệt chú ý đến các nhóm dễ bị tổn thương hay con người, bao gồm phụ nữ, trẻ em, người già, người dưới mức nghèo, người dân tộc thiểu số và người dân bản địa?</p> <p>(g) Các thoả thuận với những người bị ảnh hưởng thu được trước khi tái định cư?</p> <p>(h) Khuôn khổ tổ chức được thành lập để thực hiện tốt tái định cư? Có năng lực và kinh phí bảo đảm thực hiện kế hoạch?</p> <p>(i) Có bất kỳ kế hoạch phát triển nào để theo dõi các tác động của tái định cư?</p> <p>(j) Có cơ chế giải quyết khiếu nại được thành lập?</p>	<p>(a) Y (b) Y (c) Y (d) Y (e) Y (f) Y (g) Y (h) Y (i) Y (j) Y</p>	<p>(a) Những nỗ lực để tránh và giảm thiểu các tác động tái định cư đã được thảo luận trong các cuộc khảo sát chuẩn bị và sẽ được xem xét liên tục trong các giai đoạn sau của dự án.</p> <p>(b) Cuộc họp các bên liên quan và cuộc họp nhóm tập trung đã được tổ chức trong thời gian khảo sát chuẩn bị và sẽ được tổ chức liên tục như cơ hội tham gia chính thức trong các giai đoạn sau của dự án.</p> <p>(c) Thực hiện trong đợt khảo sát chuẩn bị</p> <p>(d) Được bảo đảm dựa trên những quy định pháp lý trong nước Việt Nam và Hướng dẫn về môi trường và xã hội của JICA.</p> <p>(e) Được chuẩn bị trong kế hoạch hành động tái định cư (RAP)</p> <p>(f) Sự quan tâm đặc biệt được chi trả trong RAP</p> <p>(g) Được bảo đảm dựa trên những quy định pháp lý trong nước Việt Nam và Hướng dẫn về môi trường và xã hội của JICA.</p> <p>(h) Được bảo đảm dựa trên những quy định pháp lý trong nước Việt Nam và Hướng dẫn về môi trường và xã hội của JICA.</p> <p>(i) Các chương trình giám sát việc thực hiện tái định cư đã được phát triển trong RAP</p> <p>(j), Được chuẩn bị trong kế hoạch hành động tái định cư (RAP) và sẽ được thành lập trong giai đoạn thực hiện.</p>

	(2) Cuộc sống và sinh kế	<p>(a) Trong trường hợp cầu và đường dẫn được lắp đặt mới, có khả năng dự án sẽ ảnh hưởng đến các phương tiện giao thông hiện có và người lao động có liên quan? Có khả năng dự án sẽ gây ra những tác động đáng kể, chẳng hạn như thay đổi sâu rộng về mục đích sử dụng đất hiện có, những thay đổi trong các nguồn sinh kế, hay việc thất nghiệp? Có biện pháp thích hợp được xem xét để ngăn chặn những tác động này?</p> <p>(b) Có khả năng rằng dự án sẽ ảnh hưởng xấu đến điều kiện sống của các cư dân hơn là so với dân số đích? Có biện pháp thích đáng được xem xét để giảm các tác động, nếu cần thiết?</p> <p>(c) Có khả năng các bệnh, bao gồm các bệnh truyền nhiễm như HIV sẽ bị gây ra do cư trú của công nhân liên quan đến dự án? Có sự xem xét đầy đủ cho sức khỏe cộng đồng, nếu cần thiết?</p> <p>(d) Có khả năng dự án sẽ ảnh hưởng xấu đến giao thông đường bộ ở các khu vực xung quanh (ví dụ: tăng ùn tắc giao thông và tai nạn giao thông)?</p> <p>(e) Có khả năng dự án sẽ cản trở sự di chuyển của người dân?</p> <p>(f) Có khả năng cây cầu sẽ gây ra bóng mặt trời và nhiễu vô tuyến?</p>	<p>(a) N (b) N (c) N (d) N (e) Y (f) Y</p>	<p>((a) Các phương tiện vận chuyển, sử dụng đất đai, nguồn sinh kế có thể không bị ảnh hưởng tiêu cực quá nhiều bởi dự án. (b) Không có khả năng đáng kể được dự đoán. (c) Không có khả năng đáng kể được dự đoán. (d) Không có khả năng đáng kể được dự đoán. (e) Liên kết mới cho đường vành đai 3 có thể gây ra một số mức độ trở ngại đối với việc đường cắt qua các khu vực đối diện. (f) Đường dẫn cho những cây cầu sẽ gây ra tác động tiêu cực đến việc che bóng mặt trời..</p>
	(3) Di sản	<p>a) Có khả năng dự án sẽ làm hư hại di sản khảo cổ học, lịch sử, văn hóa và tôn giáo địa phương? Có biện pháp thích đáng cần được cân nhắc để bảo vệ các địa điểm này phù hợp với pháp luật của quốc gia?</p>	<p>(a) N</p>	<p>(a) Không có bất kỳ di sản khảo cổ học, lịch sử, văn hóa và tôn giáo quan sát được dọc theo lộ trình của dự án.</p>
	(4) Cảnh quan	<p>(a) Có khả năng dự án sẽ ảnh hưởng xấu đến cảnh quan địa phương? Có các biện pháp cần thiết để thực hiện?</p>	<p>(a) N</p>	<p>(a) Không có cảnh quan danh lam thắng cảnh nổi bật quan sát được dọc theo lộ trình của dự án.</p>
	(5) Dân tộc thiểu số và người dân bản địa	<p>(a) Có những xem xét được đưa ra để giảm thiểu tác động về văn hóa và lối sống của các dân tộc thiểu số và người bản xứ? (b) Tất cả các quyền của người dân tộc thiểu số và người dân bản địa liên quan đến đất đai và các nguồn lực có được tôn trọng?</p>	<p>(a) - (b) -</p>	<p>(a) Hầu như tất cả dân số chủ yếu là người Kinh (b) Hầu như tất cả dân số chủ yếu là người Kinh</p>

	(6) Điều kiện làm việc	<p>(a) Người đề xuất dự án có vi phạm bất kỳ luật, pháp lệnh liên quan đến điều kiện làm việc của quốc gia nơi mà người đề xuất dự án nên quan sát trong dự án?</p> <p>(b) Có những xem xét an toàn hữu hình tại chỗ cho các cá nhân tham gia dự án, chẳng hạn như cài đặt các thiết bị an toàn, giúp ngăn chặn tai nạn công nghiệp, và quản lý các chất độc hại?</p> <p>(c) Có các biện pháp vô hình được lên kế hoạch và triển khai cho các cá nhân tham gia dự án, chẳng hạn như việc thành lập một chương trình an toàn và sức khỏe, và huấn luyện an toàn (bao gồm cả an toàn giao thông và y tế công cộng) cho người lao động, vv...?</p> <p>(d) Có các biện pháp thích hợp cần được thực hiện để đảm bảo rằng nhân viên bảo vệ tham gia dự án không vi phạm an toàn của các cá nhân khác có liên quan, hoặc người dân địa phương?</p>	<p>(a) Y (b) Y (c) Y (d) Y</p>	<p>a) Điều kiện làm việc trong giai đoạn xây dựng phải tuân thủ cả hai khuôn khổ pháp lý trong nước và tiêu chuẩn quốc tế.</p> <p>(b) Điều kiện làm việc trong giai đoạn xây dựng phải tuân thủ cả hai khuôn khổ pháp lý trong nước và tiêu chuẩn quốc tế.</p> <p>(c) Điều kiện làm việc trong giai đoạn xây dựng phải tuân thủ cả hai khuôn khổ pháp lý trong nước và tiêu chuẩn quốc tế.</p> <p>(d) Điều kiện làm việc trong giai đoạn xây dựng phải tuân thủ cả hai khuôn khổ pháp lý trong nước và tiêu chuẩn quốc tế.</p>
	(1) Các tác động trong quá trình xây dựng	<p>(a) Có biện pháp thích đáng cần được cân nhắc để giảm tác động trong quá trình xây dựng (ví dụ, tiếng ồn, rung động, nước đục, bụi, khí thải, chất thải)?</p> <p>(b) Nếu hoạt động xây dựng ảnh hưởng xấu đến môi trường tự nhiên (hệ sinh thái), có biện pháp thích đáng cần được cân nhắc để giảm thiểu tác động?</p> <p>(c) Nếu hoạt động xây dựng ảnh hưởng xấu đến môi trường xã hội, có biện pháp thích đáng cần được cân nhắc để giảm tác động?</p>	<p>(a) Y (b) Y (c) Y</p>	<p>(a) Các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung, nước đục, bụi, chất thải, vv... trong giai đoạn xây dựng được đề xuất trong kế hoạch quản lý môi trường (EMP).</p> <p>(b) Các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường tự nhiên bao gồm hệ sinh thái trong giai đoạn xây dựng được đề xuất trong kế hoạch quản lý môi trường (EMP).</p> <p>(c) Các biện pháp cần thiết nên được thực hiện dựa trên việc theo dõi và bất kỳ tài liệu nào khác bao gồm EMP, EIA, RAP, vv...</p>
5 others	(2) Theo dõi	<p>(a) Có người đề xuất phát triển và thực hiện chương trình giám sát cho mục môi trường được coi là có tác động tiềm năng?</p> <p>(b) Có những mục, phương pháp và tần suất của chương trình giám sát nào?</p> <p>(c) Có người đề xuất thiết lập một khuôn khổ phù hợp giám sát (tổ chức, nhân sự, trang thiết bị, và đủ ngân sách để duy trì khuôn khổ giám sát)?</p> <p>(d) Có bất kỳ yêu cầu quy định liên quan đến các hệ thống báo cáo giám sát xác định, chẳng hạn như định dạng và tần suất của các báo cáo từ người đề xuất đối với các cơ quan quản lý?</p>	<p>(a) Y (b) Y (c) Y (d) N</p>	<p>(a) Có. Một kế hoạch giám sát (EMoP) cho các tác động tiềm năng được phát triển và được mô tả trong báo cáo EIA.</p> <p>(b) Chi tiết về các mặt hàng, phương pháp và tần suất của các kế hoạch giám sát được mô tả trong báo cáo EIA.</p> <p>(c) Khung giám sát được đề xuất và được mô tả trong báo cáo EIA. Tuy nhiên, cần được xác nhận và theo dõi trong suốt các giai đoạn tiếp theo của dự án.</p> <p>(d) Ở Việt Nam, không có yêu cầu quy định cho báo cáo giám sát thường xuyên. Tuy nhiên, nếu dự án được thực hiện với sự hợp tác của JICA, người đề xuất</p>

				dự án bắt buộc phải nộp các báo cáo giám sát của JICA và Sở Tài nguyên Môi trường TP Hải Phòng hàng quý.
Ghi chú	Tham khảo Danh mục các lĩnh vực khác	(a) Trường hợp cần thiết, các mục thích hợp được mô tả trong danh sách dự án đường bộ, đường sắt và các dự án lâm nghiệp cần được kiểm tra (ví dụ, dự án bao gồm các khu vực rộng lớn của việc phá rừng). (b) Trường hợp cần thiết, các mục thích hợp được mô tả trong truyền tải điện và danh sách đường dây phân phối nên được kiểm tra (ví dụ: dự án bao gồm lắp đặt các đường dây tải điện và / hoặc các cơ sở phân phối điện).	(a) - (b) -	(a)N/A (b)N/A

- 1) Liên quan đến thuật ngữ "Tiêu chuẩn Quốc gia" được nêu trong bảng trên, trong trường hợp các tiêu chuẩn về môi trường ở quốc gia nơi dự án tọa lạc có sự bất đồng rõ rệt với các tiêu chuẩn quốc tế, sự quan tâm đến những vấn đề về môi trường được yêu cầu thực hiện. Trong những trường hợp nơi mà các quy định về môi trường của địa phương vẫn chưa được thành lập ở một số vùng, sự cân nhắc nên được thực hiện dựa trên sự tương quan với các tiêu chuẩn thích hợp của các nước khác (bao gồm cả kinh nghiệm của Nhật Bản).
- 2) Danh mục kiểm tra về môi trường cung cấp các mục chung về môi trường được kiểm tra. Cần thiết để thêm hoặc xóa một mục có tính đến đặc điểm của dự án và hoàn cảnh cụ thể của quốc gia và địa phương nơi dự án tọa lạc.

PHỤ LỤC A8 – BÁO CÁO KHẢO SÁT GIÁ THAY THẾ

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BAH	:	Bị ảnh hưởng
BNNPTNT	:	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
BTC	:	Bộ Tài chính
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên Môi trường
BXD	:	Bộ Xây dựng
Đ	:	Đáp
H	:	Hỏi
ODA	:	Viện trợ chính thức
QĐ	:	Quyết định
RCS	:	Khảo sát giá thay thế
TP	:	Thành phố
TT	:	Thông tư
UBND	:	Ủy ban Nhân dân
XD	:	Xây dựng

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU	3
1.1. Bối cảnh thực hiện dự án.....	3
1.2. Phạm vi, qui mô của Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng.....	3
1.3. Đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án	6
1.4. Mục đích của báo cáo nghiên cứu giá thay thế	6
1.2. Phạm vi thực hiện và ảnh hưởng của dự án.....	7
II. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU GIÁ THAY THẾ	7
2.1. Mục tiêu của nghiên cứu giá thay thế (RCS)	7
2.2. Mục đích của Nghiên cứu giá thay thế.....	7
III. KHUNG PHÁP LÝ	8
3.1. Các khái niệm về giá thay thế/giá thị trường của Chính phủ Việt Nam, JICA và một số tổ chức khác.....	8
3.2. Cơ sở đánh giá.....	8
3.3. Nguyên tắc và phương pháp đánh giá	10
IV. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA GIÁ THAY THẾ	16
4.1. Các bên liên quan chính	16
4.2. Kết quả điều tra	17
4.2.1. Địa bàn điều tra	17
4.2.2. Kết quả điều tra	19
V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	32
5.1. Kết luận	32
5.2. Kiến nghị áp dụng đơn giá	33
PHẦN PHỤ LỤC	
PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH NGƯỜI PHỎNG VẤN	34
PHỤ LỤC 2: MẪU BIỂU ĐIỀU TRA KHẢO SÁT GIÁ THAY THẾ	38
PHỤ LỤC 3: BIÊN BẢN PHỎNG VẤN HỘ	41
PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH ĐẤT ĐAI	60

I. GIỚI THIỆU

1.1. Bối cảnh thực hiện dự án

Chính phủ Việt Nam đã lập Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội Giai đoạn 2011-2015 với mục tiêu phát triển nhanh và bền vững. Theo kế hoạch này, thành phố Hải Phòng thuộc đối tượng ưu tiên phát triển. Hải Phòng có cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện, là một trong các cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc Việt Nam. Cảng Lạch Huyện dự kiến được đưa vào khai thác từ năm 2017.

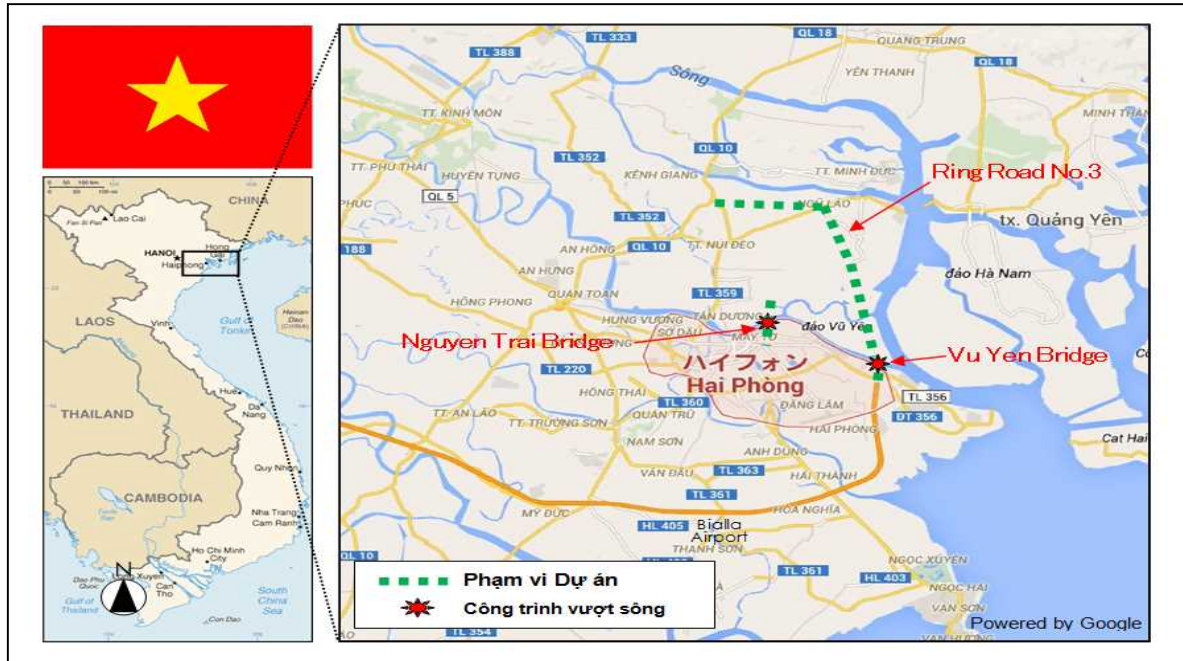
Theo “Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hải Phòng” tới năm 2025, tầm nhìn tới 2050 được phê duyệt năm 2009, thành phố Hải Phòng sẽ phát triển đồng thời khu vực trung tâm thành phố hiện hữu và khu trung tâm tổ hợp công nghiệp-dân cư mới ở bờ Bắc Sông Cấm. Do quy mô phát triển lớn, nhu cầu giao thông và tình trạng ách tắc nghiêm trọng được dự kiến tăng lên rất nhiều trong tương lai gần. Hiện tại có hai cây cầu vượt Sông Cấm, tuy nhiên dự báo trong thời gian ngắn, hai cây cầu sẽ không đủ đáp ứng nhu cầu giao thông. Giải pháp cho vấn đề giao thông là hoàn thiện đường vành đai và xây mới công trình vượt Sông Cấm.

Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp Nhật Bản thực hiện Nghiên cứu tiền khả thi cho Dự án Xây dựng đường trục chính Hải Phòng tại Hải Phòng, Việt Nam (sau đây được gọi tắt là Dự án), và đã trình nộp báo cáo lên Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng (sau đây được gọi tắt là UBND Thành phố Hải Phòng) vào tháng 2 năm 2014.

UBND thành phố Hải Phòng đã kiểm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của Dự án xây dựng đường trục chính Hải Phòng và xin ý kiến các cơ quan quản lý vốn ODA của Việt Nam để xin hỗ trợ khảo sát chuẩn bị từ Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) để vay vốn thực hiện Dự án. Dựa trên các cuộc họp giữa phái đoàn JICA và UBND Thành phố Hải Phòng, JICA quyết định cử một Nhóm khảo sát chuẩn bị bao gồm các công ty: Chodai Co.,Ltd, Oriental Consultants Global và Almec VPI Co.,Ltd thực hiện việc khảo sát cho dự án tại Việt Nam hướng tới thành lập dự án ODA. Khảo sát bao gồm việc nghiên cứu thiết kế, phân tích kinh tế cho dự án, nghiên cứu cơ cấu quản lý bảo trì, đánh giá tác động môi trường (EIA) và kế hoạch tái định cư (RAP). Đoàn khảo sát bắt đầu việc khảo sát vào tháng 3 năm 2015, và dự định hoàn tất khảo sát vào tháng 1 năm 2016.

1.2. Phạm vi, qui mô của Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng

Dự án đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng được thực hiện gồm 3 hợp phần được thể hiện trong Hình 1: (1) Cầu Nguyễn Trãi; (2) Đường vành đai 3; (3) cầu Vũ Yên.

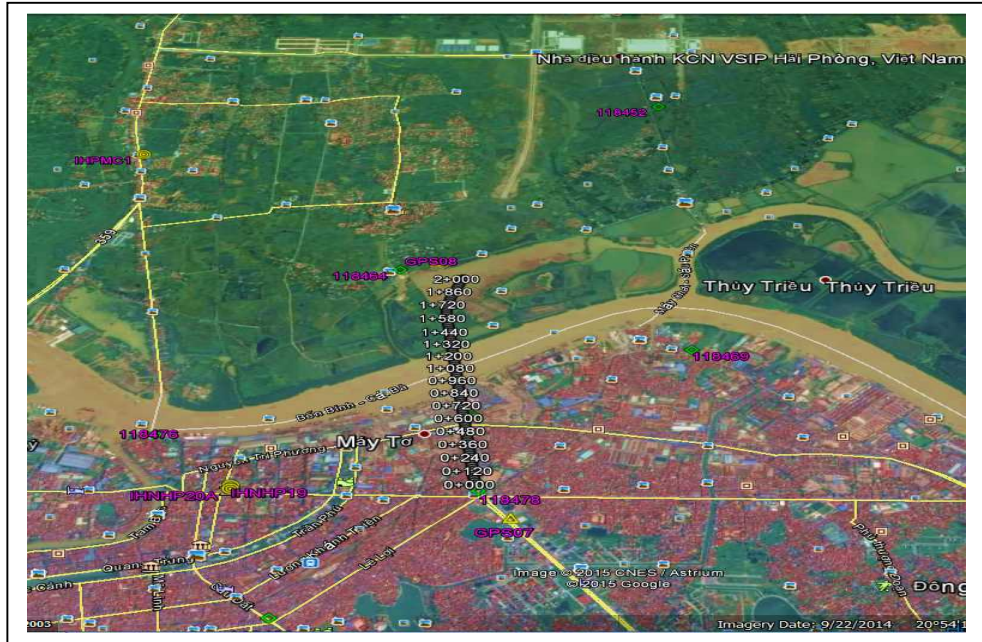


Hình 1: Vị trí các hợp phần của dự án

(1) Cầu Nguyễn Trãi

Hợp phần cầu Nguyễn Trãi có tổng chiều dài cầu và đường dẫn khoảng 2,0km. Điểm đầu từ phân kết thúc đoạn mở rộng đường Nguyễn Trãi khu vực ngã 6 thuộc phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền. Hướng tuyến đi trùng với hướng tuyến của đường phố Nguyễn Trãi hiện tại sau khi cắt qua đường phố Lê Thánh Tông, đi qua khu vực cảng Hoàng Diệu rồi vượt qua sông Cấm sang bờ bắc của sông Cấm khoảng 500m, hướng tuyến đi theo hướng nối vào đường trục chính của VSIP. Điểm cuối nối với điểm kết thúc của đường trục chính VSIP thuộc xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên. Chi tiết xem Hình 2.

Bề rộng nền đường dẫn đầu cầu $B = 50.5\text{m}$

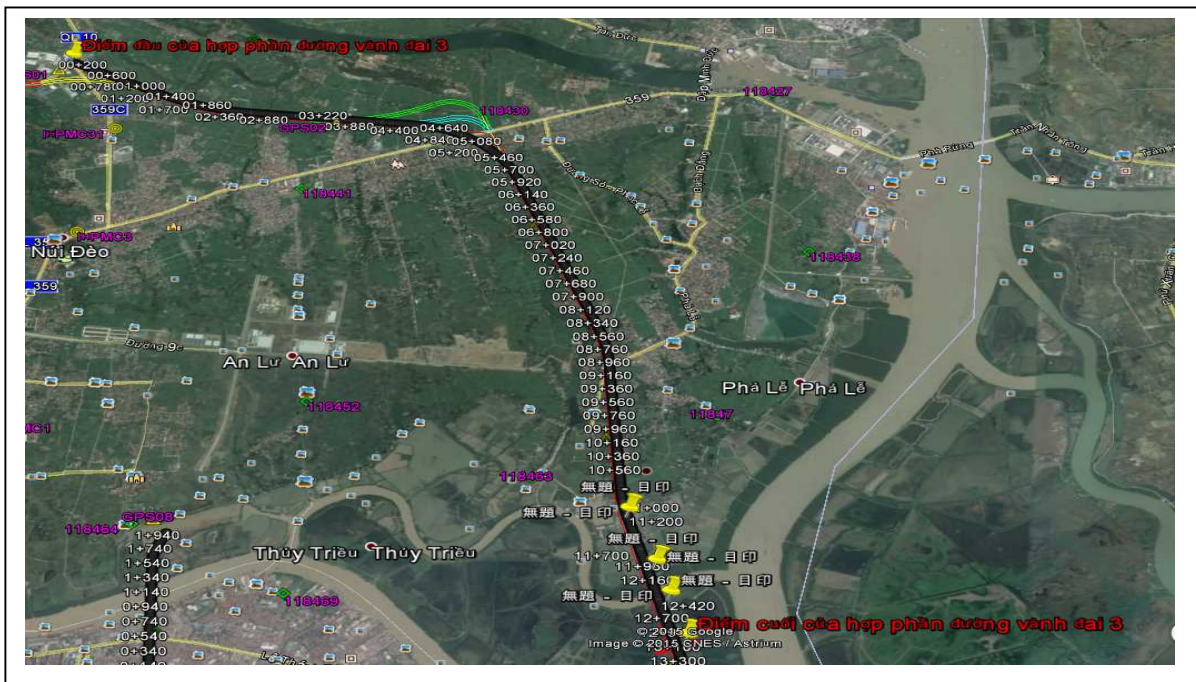


Hình 2: Vị trí hợp phần cầu Nguyễn Trãi

(2) Đường vành đai 3

Hợp phần đường vành đai 3 có tổng chiều dài 13km, với điểm đầu nối với đường QL10 tại ngã 3 Kênh Giang. Tuyến đi qua các xã Hoà Bình, Kênh Giang, An Lư, Trung Hà, Thủy Triều, Ngũ Lão, Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ. Điểm cuối kết thúc tại Km13+000 thuộc khu vực đào Vũ Yên. Chi tiết xem Hình 3.

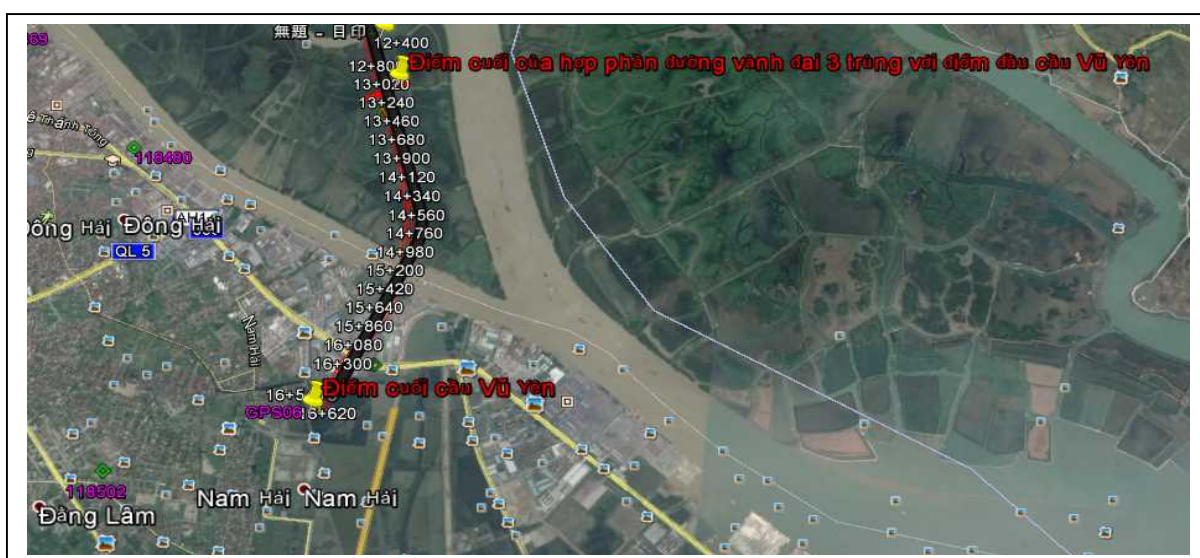
Hợp phần đường vành đai 3 được thiết kế với qui mô đường cao tốc 4 làn xe, bề rộng nền đường B = 68,0m.



Hình 3: Vị trí hợp phần đường vành đai 3

(3) Cầu Vũ Yên

Hợp phần cầu Vũ Yên có tổng chiều dài cầu và đường dẫn khoảng 3,6km, điểm đầu nối với điểm cuối của đường vành đai 3 (tại lý trình Km13+000) trên địa phận đảo Vũ Yên đi theo hướng tây bắc – đông nam, đến khu vực bờ tả sông Cấm tuyến vượt qua sông cấm theo hướng đông bắc – tây nam, sang bờ hữu sông Cấm tuyến cắt qua khu vực cảng Hải An và cuối cùng đi kết thúc tại khu vực đầm nuôi trồng thủy sản tại xã thuộc xã Đông Hải, quận Hải An. Bề rộng nền đường dẫn đầu cầu B = 50,5m. Chi tiết xem Hình 4.



Hình 4: Vị trí hợp phần cầu Vũ Yên

1.3. Đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án

Đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án bao gồm các loại đất bị chiếm dụng bởi dự án (đất trồng cây hàng năm; đất trồng cây lâu năm (đất vườn); đất nuôi trồng thủy sản; đất ở; đất giao thông) và các loại cây trồng của các hộ dân như mít, xoài, nhãn, khế, ôi, sấu, hồng xiêm, bưởi, chuối, lúa... trong đó phần lớn là diện tích trồng lúa.

1.4. Mục đích của báo cáo nghiên cứu giá thay thế

Việc triển khai dự án Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng sẽ phải thực hiện việc thu hồi vĩnh viễn đất đai, cây trái, hoa màu và vật kiến trúc của người dân trong phạm vi giải phóng mặt bằng của Dự án. Theo yêu cầu của JICA, một báo cáo nghiên cứu giá thay thế được thực hiện trong khuôn khổ nhiệm vụ thực hiện lập Kế hoạch hành động GPMB và tái định cư của Dự án nhằm đảm bảo các hộ dân bị ảnh hưởng được bồi

thường các loại tài sản như đất đai, cây cối, hoa màu, các tài sản và công trình nằm trên đất trong phạm vi giải phóng mặt bằng với mức giá thay thế.

Báo cáo này sẽ bao gồm kết quả nghiên cứu giá thay thế tại các địa phương mà Dự án đi qua, bao gồm huyện Thủy Nguyên, quận Hải An và quận Ngô Quyền.

1.5. Phạm vi thực hiện và ảnh hưởng của dự án

Việc thực hiện dự án đối với 3 hợp phần (cầu Nguyễn Trãi, đường vành đai 3 và cầu Vũ Yên) sẽ liên quan đến thu hồi vĩnh viễn đất của các hộ bị ảnh hưởng thuộc 14 xã/phường thuộc 3 quận/huyện của thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, hiện nay đã có Thông báo số 41/TB-UBND ngày 09/02/2015 về việc thông báo thu hồi đất để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện triển khai dự án đầu xây dựng đảo Vũ Yên theo quy hoạch chung khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải tại xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên và phường Đông Hải 1, quận Hải An do tập đoàn Vingroup làm chủ đầu tư. Vì vậy, trong Báo cáo này không xem xét nghiên cứu đối với diện tích đất trên đảo Vũ Yên. Trên cơ sở đó, phạm vi nghiên cứu của Báo cáo sẽ liên quan đến thu hồi vĩnh viễn đất của các hộ bị ảnh hưởng thuộc 13 xã/phường, Cụ thể:

- Cầu Nguyễn Trãi: đi qua địa phận phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền và xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên.
- Đường vành đai 3: đi qua địa phận các xã Kênh Giang, Hòa Bình, An Lư, Trung Hà, Thủy Triều, Ngũ Lão, Phục Lễ, Phả Lễ, Lập Lễ thuộc huyện Thủy Nguyên.
- Cầu Vũ Yên: đi qua địa phận các phường Đông Hải 2 và Nam Hải thuộc quận Hải An.

II. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU GIÁ THAY THẾ

2.1. Mục tiêu của nghiên cứu giá thay thế (RCS)

Mục tiêu quan trọng của RCS là đảm bảo rằng mức giá đền bù nhà ở, đất và các tài sản khác bị thu hồi phải được tính theo giá thay thế đầy đủ. Việc tính giá thay thế đầy đủ sẽ dựa trên các yếu tố sau: (i) giá thị trường hợp lý; (ii) chi phí giao dịch; (iii) lợi ích sinh ra; (iv) chi phí thay đổi và phục hồi; và (v) các khoản thanh toán thích hợp khác, nếu có. Mục tiêu này sẽ đạt được thông qua quá trình khảo sát chi tiết thị trường và/hoặc nhân tố như năng lực sản xuất, các yếu tố tương đương, giá trị của các tài sản thay thế, sự bất lợi của các đối tượng bị ảnh hưởng..., đồng thời so sánh và đánh giá về các đơn giá mà Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã ban hành.

2.2. Mục đích của Nghiên cứu giá thay thế

- Xác định giá đất tại thời điểm điều tra giá thay thế.
- Xác định giá cây cối, hoa màu tại thời điểm điều tra giá thay thế.
- Xác định giá vật liệu và nhân công xây dựng nhà ở, vật kiến trúc tại thời điều tra giá

thay thế.

- Xây dựng phương án giá thay thế cho đất, tài sản, cây cối, hoa màu tại thời điểm nghiên cứu.

III. KHUNG PHÁP LÝ

Chúng tôi dựa trên các tài liệu hợp pháp của Chính phủ Việt Nam và yêu cầu của JICA để tiến hành điều tra giá thay thế.

3.1. Các khái niệm về giá thay thế/giá thị trường của Chính phủ Việt Nam, JICA và một số tổ chức khác...

Giá thay thế: Là số tiền hoặc hiện vật cần thiết để thay thế một tài sản ở điều kiện hiện hành của nó ở giá thị trường hiện tại cộng với các chi phí giao dịch (WB – OP4.12 Tái định cư bắt buộc);

- Giá thay thế đất nông nghiệp: Là giá trị trường của đất có cùng năng suất hoặc tiềm năng nằm ở vùng xung quanh khu vực bị ảnh hưởng, cộng với giá để chuẩn bị đất bằng có năng xuất bằng hoặc tốt hơn đất bị ảnh hưởng, cộng với các chi phí đăng ký và thuế chuyển nhượng.
- Giá thay thế đất đô thị: Là giá thị trường của đất có cùng diện tích và mục đích sử dụng, với các cơ sở hạ tầng và dịch vụ tương đương hoặc tốt hơn (tốt nhất là) nằm ở vùng xung quanh khu vực bị ảnh hưởng, cộng với các chi phí đăng ký và thuế chuyển nhượng.
- Nhà ở và các công trình công cộng: Là giá thị trường của việc mua hoặc xây mới một công trình với diện tích hoặc chất lượng bằng với hoặc tốt hơn công trình bị ảnh hưởng, hoặc để sửa chữa lại một phần của công trình bị ảnh hưởng, cộng với phí nhân công và phí nhà thầu cùng với các chi phí đăng ký và thuế chuyển nhượng¹.

Giá thị trường: “giá trị thị trường của một tài sản là mức giá ước tính sẽ được mua bán trên thị trường vào thời điểm thẩm định giá, giữa một bên là người mua sẵn sàng mua và một bên là người bán sẵn sàng bán, trong một giao dịch mua bán khách quan và độc lập, trong điều kiện thương mại bình thường” (Tiêu chuẩn TĐGVN 01).

3.2. Cơ sở đánh giá

Cơ sở pháp lý căn cứ để xây dựng phương án đánh giá và Chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và các quyền được hưởng của người BAH dựa trên các căn

¹ Không được tính sự sụt giá của tài sản hoặc giá trị của các vật liệu được tận dụng, cũng như không được khấu trừ giá trị của các lợi ích được tạo ra từ dự án đối với các tài sản bị ảnh hưởng vào giá thay thế. Giá thay thế phải là giá cao nhất trong hai giá: trước dự án hoặc trước khi di dời

cứ cơ bản của Luật pháp của Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản pháp lý liên quan như sau:

Văn bản của chính phủ và các bộ liên quan

- Luật giá số 11/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 20/6/2012;
- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;
- Nghị định 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 quy định rằng “Việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong các chương trình, dự án thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa quy định của pháp luật trong nước với điều ước quốc tế đó thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế” (Điều 46, mục 1);
- Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;
- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
- Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính phủ Quy định về Khung giá đất;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai 2013;
- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 12/2012/TT-BXD ngày 28/12/2012 của Bộ Xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;
- Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư 158/2015/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ Tài chính ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 01, 02, 03 và 04;
- Thông tư 28/2015/TT-BTC ngày 06/3/2015 của Bộ Tài chính ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05, 06, 07;
- Thông tư 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Các Quyết định của UBND thành phố Hải Phòng

- Quyết định số 2680/2014/QĐ – UBND ngày 03/12/2014 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành chi tiết một số nội dung về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hải Phòng. (Gọi tắt là QĐ2680);
- Quyết định số 58/2015/QĐ – UBND ngày 12/01/2015 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc ban hành tập đơn giá cây trồng, vật nuôi thủy sản, chi phí đầu tư vào đất nuôi trồng thủy sản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hải Phòng. (Gọi tắt là QĐ58);
- Quyết định số 324/2015/QĐ – UBND ngày 05/02/2015 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc ban hành bộ đơn giá vật kiến trúc phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hải Phòng. (Gọi tắt là QĐ324);
- Quyết định số 2970/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của UBND Thành phố Hải Phòng ban hành quy định về bảng giá đất thành phố Hải Phòng 05 năm (2015-2019); (Gọi tắt là QĐ2970);
- Thông báo số 41/TB-UBND ngày 09/02/2015 về việc thông báo thu hồi đất để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện triển khai dự án đầu xây dựng đảo Vũ Yên theo qui hoạch chung khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải tại xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên và phường Đông Hải 1, quận Hải An.

3.3. Nguyên tắc và phương pháp đánh giá

3.3.1 Nguyên tắc:

- Nguyên tắc cao nhất và tốt nhất.
- Nguyên tắc cung và cầu.

3.3.2 Phương pháp

Việc điều tra giá thay thế được thực hiện thông qua sử dụng các phương pháp sau:

- 1) Tiến hành các cuộc thảo luận nhóm và phỏng vấn sâu đối với các cán bộ chức năng các tỉnh/huyện có liên quan về việc thành lập các đơn giá đã được ban hành cho công tác đền bù thu hồi đất và phục hồi các thiệt hại về nhà cửa, các công trình khác, cây

trồng hàng năm, cây trồng lâu năm, để có được sự hiểu biết rõ hơn về phương pháp mà địa phương đã sử dụng trong việc Quyết định ban hành mức đơn giá.

2) Phỏng vấn các cán bộ địa phương (thành phố, quận/huyện và xã) và người dân để tìm hiểu giá thị trường đất đai trong phạm vi vùng dự án thông qua các hoạt động giao dịch buôn bán đất gần đây hoặc đối với các trường hợp không có giao dịch thì ước tính dựa vào các yếu tố kinh nghiệm như sản lượng, vị trí và giá trị của đất thay thế.

3) Sử dụng một bộ câu hỏi phỏng vấn có cấu trúc để tìm kiếm thông tin trên diện rộng về các giao dịch đối với các loại đất và tài sản trên đất cũng như công vận chuyển và xây dựng trong khu vực. Gặp gỡ với các hộ kinh doanh, buôn bán và các chuyên gia nông nghiệp, các chuyên gia của địa phương để thành lập đơn giá hiện tại cho các sản phẩm cây trồng hàng năm và cây trồng lâu năm.

4) Thu thập các văn bản pháp lý đã được ban hành gồm các bộ đơn giá các loại đất và đơn giá cho các loại tài sản khác (bao gồm cả hỗ trợ). Trong trường hợp thành phố có ban hành các loại đơn giá cho các nguồn vật liệu trong xây dựng, cũng sẽ được xem xét tới, kết hợp với việc tìm hiểu đơn giá vật liệu xây dựng trong phạm vi vùng dự án và phỏng vấn các nhà thầu và thợ xây dựng để xác định giá nhân công hiện tại trong phạm vi vùng dự án.

5) Phương pháp so sánh: Có hai hình thức so sánh được tiến hành

Thứ nhất: Việc thu thập các bộ đơn giá **nếu có thể** nên được tìm hiểu theo chuỗi thời gian là 3 năm nhằm so sánh mức điều chỉnh giá theo khu vực hoặc theo loại hình tài sản của các tỉnh;

Thứ hai: trong trường hợp có các giao dịch về đất được tiến hành tại khu vực điều tra sẽ sử dụng các căn cứ pháp lý và phương pháp so sánh theo hướng dẫn của các văn bản được viện dẫn dưới đây.

- Phương pháp so sánh trực tiếp kết hợp với phương pháp khấu trừ.

Phương pháp so sánh trực tiếp:

– Nghị định 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về giá đất.

– Theo Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.

Việc định giá đất theo Phương pháp so sánh trực tiếp được tiến hành như sau:

a. Bước 1. Khảo sát, thu thập thông tin

a1) Khảo sát thực địa để thu thập thông tin về thửa đất cần định giá.

a2) Khảo sát, thu thập thông tin của tối thiểu 03 thửa đất có đặc điểm tương tự với thửa đất cần định giá về mục đích sử dụng đất, vị trí, khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, diện tích, kích thước, hình thể và tình trạng pháp lý về

quyền sử dụng đất (sau đây gọi là thửa đất so sánh) đã chuyển nhượng trên thị trường, trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong khoảng thời gian không quá 02 năm tính đến thời điểm định giá đất. Nội dung thông tin thu thập bao gồm:

- Giá đất;
- Mục đích sử dụng đất, vị trí, diện tích, kích thước, hình thể, các yếu tố về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất, thời điểm chuyển nhượng, trúng đấu giá quyền sử dụng đất và các thông tin khác có ảnh hưởng đến giá đất.

a3) Thông tin về giá đất của thửa đất so sánh được thu thập từ các nguồn sau đây:

- Giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất;
- Giá đất thị trường trong cơ sở dữ liệu về đất đai;
- Giá đất giao dịch thành công trên sàn giao dịch bất động sản;
- Giá đất đã giao dịch thành công trên thị trường do người chuyển nhượng hoặc người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cung cấp thông qua phỏng vấn trực tiếp.

Giao dịch thành công là giao dịch mà bên nhận chuyển nhượng đã thanh toán cho bên chuyển nhượng theo thỏa thuận và đã nhận quyền sử dụng đất.

a4) Khi khảo sát, thu thập thông tin về giá đất ưu tiên lựa chọn các thông tin về giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất, giá đất giao dịch thành công trên sàn giao dịch bất động sản, giá đất thị trường trong cơ sở dữ liệu về đất đai, các thông tin phát sinh gần nhất với thời điểm định giá đất và tại khu vực định giá đất. Trường hợp tại khu vực định giá không đủ thông tin về giá đất thì thu thập thông tin tại khu vực lân cận có điều kiện tương tự về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội với khu vực có thửa đất cần định giá.

Trong quá trình khảo sát, thu thập thông tin, không điều tra đối với thửa đất sẽ được chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thửa đất không đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai.

b. Bước 2. Phân tích, so sánh, điều chỉnh mức giá do các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá

b1) Phân tích, so sánh để xác định các yếu tố giống nhau và khác biệt của thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá.

b2) Điều chỉnh mức giá do các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá.

Căn cứ vào các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá để điều chỉnh mức giá của thửa đất so sánh theo giá trị tuyệt đối hoặc tỷ lệ phần trăm (%).

Việc điều chỉnh mức giá của thửa đất so sánh thực hiện theo nguyên tắc lấy thửa đất cần định giá làm chuẩn; thực hiện điều chỉnh theo giá trị tuyệt đối trước, điều chỉnh theo tỷ lệ phần trăm (%) sau; các yếu tố của thửa đất so sánh kém hơn so với thửa đất cần định giá thì điều chỉnh tăng (cộng) mức giá của thửa đất so sánh; các yếu tố của thửa đất so sánh tốt hơn so với thửa đất cần định giá thì điều chỉnh giảm (trừ) mức giá của thửa đất so sánh.

c. Bước 3. Ước tính giá đất của thửa đất cần định giá

Giá đất ước tính của thửa đất cần định giá được xác định bằng cách điều chỉnh giá đất của từng thửa đất so sánh do các yếu tố khác biệt của các thửa đất so sánh với thửa đất cần định giá theo công thức sau:

Giá đất ước tính của thửa đất cần định giá theo từng thửa đất so sánh	=	Giá đất của từng thửa đất so sánh	±	Mức điều chỉnh về giá do các yếu tố khác biệt của từng thửa đất so sánh với thửa đất
--	---	--	---	---

Đối với trường hợp giá đất thị trường có biến động trong khoảng thời gian từ thời điểm chuyển nhượng, trúng đấu giá quyền sử dụng đất của thửa đất so sánh đến thời điểm xác định giá đất thì phải thực hiện điều chỉnh mức giá đất của thửa đất so sánh về thời điểm xác định giá đất theo chỉ số biến động giá đất thị trường do Sở Tài nguyên và Môi trường công bố. Trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường chưa công bố thì chỉ số biến động giá đất thị trường của từng loại đất được tính toán trên cơ sở các thông tin về giá đất phổ biến trên thị trường đã thu thập được theo thời gian hoặc số liệu thống kê của cơ quan thống kê (nếu có).

d. Bước 4. Xác định giá đất của thửa đất cần định giá

Xác định giá của thửa đất cần định giá bằng cách lấy bình quân số học đối với các mức giá ước tính của thửa đất cần định giá đã xác định tại Bước 3; giá đất của thửa đất cần định giá đã xác định phải bảo đảm chênh lệch với từng mức giá đất ước tính không quá 10%.

Phương pháp chiết trừ:

Việc xác định giá đất theo phương pháp chiết trừ thực hiện như sau:

a. Bước 1. Khảo sát, thu thập thông tin

a1) Khảo sát thực địa để thu thập thông tin về thửa đất có tài sản gắn liền với đất (sau đây gọi là bất động sản) cần định giá.

a2) Khảo sát, thu thập thông tin của tối thiểu 03 bất động sản có đặc điểm tương tự với thửa đất cần định giá về mục đích sử dụng đất, vị trí, khả năng sinh lợi, điều kiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, diện tích, kích thước, hình thể và tình trạng

pháp lý về quyền sử dụng đất (sau đây gọi là bất động sản so sánh) đã chuyển nhượng trên thị trường, trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong khoảng thời gian không quá 02 năm tính đến thời điểm định giá đất. Nội dung thông tin thu thập bao gồm:

- Giá đất;
- Mục đích sử dụng đất, vị trí, diện tích, kích thước, hình thể, các yếu tố về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, tình trạng pháp lý về quyền sử dụng đất, thời điểm chuyển nhượng, trúng đấu giá quyền sử dụng đất và các thông tin khác có ảnh hưởng đến giá đất;
- Thông tin về tài sản gắn liền với đất.

a3) Thông tin về giá đất của thửa đất so sánh được thu thập từ các nguồn sau đây:

- Giá đất trúng đấu giá quyền sử dụng đất;
- Giá đất thị trường trong cơ sở dữ liệu về đất đai;
- Giá đất giao dịch thành công trên sàn giao dịch bất động sản;
- Giá đất đã giao dịch thành công trên thị trường do người chuyển nhượng hoặc người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cung cấp thông qua phỏng vấn trực tiếp.

Giao dịch thành công là giao dịch mà bên nhận chuyển nhượng đã thanh toán cho bên chuyển nhượng theo thỏa thuận và đã nhận quyền sử dụng đất.

a4) Khi khảo sát, thu thập thông tin về giá đất ưu tiên lựa chọn các thông tin về giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất, giá đất giao dịch thành công trên sàn giao dịch bất động sản, giá đất thị trường trong cơ sở dữ liệu về đất đai, các thông tin phát sinh gần nhất với thời điểm định giá đất và tại khu vực định giá đất. Trường hợp tại khu vực định giá không đủ thông tin về giá đất thì thu thập thông tin tại khu vực lân cận có điều kiện tương tự về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội với khu vực có thửa đất cần định giá.

Trong quá trình khảo sát, thu thập thông tin, không điều tra đối với thửa đất sẽ được chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thửa đất không đủ điều kiện chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về đất đai.

b. Bước 2. Xác định giá trị hiện tại của tài sản gắn liền với đất của các bất động sản so sánh

Giá trị hiện tại của tài sản gắn liền với đất của bất động sản so sánh được xác định theo công thức sau:

Giá trị hiện tại của tài sản gắn liền với đất của bất động sản so sánh	=	Giá trị xây dựng mới tại thời điểm định giá đất	-	Giá trị hao mòn
---	----------	--	----------	------------------------

Trong đó:

- Giá trị xây dựng mới tại thời điểm định giá đất là chi phí thay thế để đầu tư xây dựng mới tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương hoặc chi phí tái tạo tài sản gắn liền với đất đó. Giá trị xây dựng mới bao gồm các khoản chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, lợi nhuận hợp lý cho người đầu tư xây dựng và các khoản thuế, phí phải nộp theo quy định của pháp luật.
- Giá trị hao mòn của tài sản gắn liền với đất bao gồm: hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình (bao gồm hao mòn về mặt vật lý do hư hao dần trong quá trình khai thác sử dụng; hao mòn do lạc hậu về chức năng; thay đổi quy hoạch, suy thoái kinh tế và do tác động của các yếu tố bên ngoài).

Phương pháp tính giá trị xây dựng mới và giá trị hao mòn của tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp chưa có quy định hoặc hướng dẫn về phương pháp tính giá trị xây dựng mới và giá trị hao mòn thì việc tính toán thực hiện căn cứ vào thông tin, số liệu thực tế thu thập được trên thị trường.

c. Bước 3. Ước tính giá đất của bất động sản so sánh

Giá trị đất của bất động sản so sánh thực hiện theo công thức sau:

Giá trị đất của bất động sản so sánh	=	Giá trị bất động sản so sánh	-	Giá trị hiện tại của tài sản gắn liền với đất của bất động sản so sánh
---	---	-------------------------------------	---	---

Việc ước tính giá đất của bất động sản so sánh thực hiện theo công thức sau:

$$\text{Giá đất của bất động sản so sánh} = \frac{\text{Giá trị của bất động sản so sánh}}{\text{Diện tích thửa đất của bất động sản so sánh}}$$

d. Bước 4. Xác định giá đất của bất động sản cần định giá

Việc xác định giá đất của bất động sản được thực hiện như bước 2, 3 và 4 của phương pháp so sánh trực tiếp nêu trên.

6) Phân tích, xử lý số liệu thu thập được từ bảng hỏi để có thể so sánh với đơn giá mà các tỉnh/thành phố ban hành (theo khu vực – theo loại tài sản bị ảnh hưởng – theo vị trí...) nhằm tính toán tỷ lệ giá vượt trội (hoặc không) cần thiết để sử dụng để bồi thường cho các loại tài sản cố định bị ảnh hưởng (đất đai, các công trình, cây trồng hàng năm, cây trồng lâu năm) nhằm đảm bảo việc bồi thường được thực hiện theo mức giá thay thế.

3.3.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến độ chính xác của kết quả điều tra giá thay thế tại địa bàn thực hiện dự án:

- Các giao dịch bất động sản diễn ra ít, nếu có thì người dân thường đưa mức giá thấp hơn thực tế hoặc bằng giá quy định của nhà nước khi cần xác nhận giao dịch của chính quyền địa phương;
- Tâm lý của người tham gia điều tra, nhất là những hộ bị ảnh hưởng luôn có xu hướng tăng giá trị cho tài sản bị thiệt hại;
- Giá trị ngày công lao động bị phụ thuộc nhiều vào các yếu tố khác nhau. Việc giúp đỡ giữa các gia đình và dòng họ trong việc xây dựng hoặc các công việc khác không được người dân tính toán để đưa ra được một đơn giá ngày công chính xác;
- Việc xây dựng các công trình thường được thuê khoán theo giá trị công lao cộng cho từng m² nhà ở, ít tính theo cách khoán gọn (công lao động và tiền nguyên vật liệu) cho m² xây dựng;

IV. KẾT QUẢ ĐIỀU TRA GIÁ THAY THẾ

4.1. Các bên liên quan chính

Nhóm điều tra giá thay thế (RCS) của Trung tâm Môi trường – Tổng công ty tư vấn thiết kế Giao thông vận tải đã tiến hành tham vấn và phỏng vấn đối với các cán bộ chuyên môn và có trách nhiệm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thủy Nguyên, quận Hải An, quận Ngô Quyền và lãnh đạo, cán bộ địa chính các xã bị ảnh hưởng bởi dự án. Bên cạnh đó, nhóm cũng đã tiến hành phỏng vấn đại diện các hộ bị ảnh hưởng, các chủ đại lý/cửa hàng kinh doanh thương mại và vật liệu xây dựng, một số hộ không bị ảnh hưởng, các hộ có giao dịch về đất đai... để xác định giá thị trường đất đai, cây cối hoa màu và vật kiến trúc. Kết quả của các cuộc tham vấn và phỏng vấn như sau:

Về quy trình xây dựng đơn giá bồi thường, các Sở đã căn cứ vào quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các Bộ để thực hiện, cụ thể như sau:

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc Tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm lập và trình phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trình Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (cấp thành phố và cấp quận/huyện) thẩm định trước khi trình UBND Thành phố hoặc quận (huyện) phê duyệt (tùy theo quy mô của dự án).

Đối với trường hợp thu hồi đất có liên quan từ hai (02) quận/huyện trở lên thì Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp Thành phố sẽ thực hiện việc thẩm định. Hội đồng thẩm định cấp Thành phố do Lãnh đạo Sở Tài Nguyên

và Môi trường là Chủ tịch và lãnh đạo các Sở Tài chính, Sở Xây dựng và đại diện các cơ quan liên quan là thành viên.

Đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất trong phạm vi một (01) đơn vị hành chính cấp huyện thì Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện thực hiện việc thẩm định. Hội đồng thẩm định cấp huyện do lãnh đạo phòng Tài Nguyên và Môi trường là chủ tịch và lãnh đạo các phòng Tài chính, phòng xây dựng và đại diện các cơ quan liên quan là thành viên.

Trách nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban, ngành:

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì thẩm định đối với trường hợp phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện mà trong đó giá đất bồi thường, hỗ trợ cao hoặc thấp hơn giá đất do Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định và công bố trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt trước khi tiến hành phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

- Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra việc xác định bồi thường và mức bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi theo quy định.

- Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn xác định giá nhà và các công trình xây dựng gắn liền với đất để tính bồi thường và hỗ trợ cho từng đối tượng.

4.2. Kết quả điều tra

4.2.1. Địa bàn điều tra

Huyện Thủy Nguyên

Huyện Thủy Nguyên nằm cách trung tâm Thành phố Hải Phòng khoảng 20km. Việc thực hiện hợp phần đường vành đai 3 Hải Phòng sẽ ảnh hưởng tới các hộ dân và tổ chức trên địa bàn các xã Kênh Giang, Hòa Bình, An Lư, Thủy Triều, Ngũ Lão, Phục Lễ, Phả Lễ và Lập Lễ. Việc thực hiện hợp phần cầu Nguyễn Trãi sẽ ảnh hưởng tới các hộ dân và tổ chức trên địa bàn xã Dương Quan.

Nhóm điều tra đã tiến hành phỏng vấn các hộ gia đình thuộc hộ bị ảnh hưởng và hộ không bị ảnh hưởng bởi dự án. Ngoài ra, nhóm điều tra cũng tiến hành khảo sát giá xây dựng công trình kiến trúc từ phía các nhà thầu, các hộ gia đình mới xây dựng nhà ở và tham khảo giá đất thông qua các hộ có hoạt động mua/bán đất trong vòng 3 năm trở lại đây và các cửa hàng bán vật liệu xây dựng để tìm hiểu rõ hơn về giá xây dựng, vật liệu xây dựng và giá đất.

Quận Hải An

Quận Hải An nằm ở Trung tâm Thành phố Hải Phòng, việc thực hiện hợp phần cầu Vũ Yên sẽ ảnh hưởng tới các phường Đông Hải 2 và Nam Hải. Đây chủ yếu là ảnh hưởng các hộ nuôi trồng thủy sản và khu vực kho bãi của các công ty. Tuy nhiên, hiện nay phần đất trên đảo Vũ Yên thuộc xã Đông Hải 1 đang có dự án Xây dựng khu vui chơi giải trí, nhà ở và công viên sinh thái đảo Vũ Yên do tập đoàn Vingroup làm chủ đầu tư đang thực hiện các thủ tục liên quan đến giải phóng mặt bằng.

Quận Ngô Quyền

Việc thực hiện hợp phần cầu Nguyễn Trãi sẽ ảnh hưởng tới các hộ dân trên đường Nguyễn Trãi thuộc phường Máy Tơ. Các hộ dân đều bị ảnh hưởng về nhà, vật kiến trúc và đất ở. Ngoài ra hợp phần cầu Nguyễn Trãi cũng ảnh hưởng các hộ nuôi trồng thủy sản tại xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên.

Tại đường Nguyễn Trãi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền nhóm điều tra giá thay thế đã phỏng vấn hộ bị ảnh hưởng và hộ không ảnh hưởng bởi dự án. Ngoài ra nhóm điều tra cũng tham khảo giá xây dựng các công trình kiến trúc từ phía các nhà thầu, các hộ gia đình mới xây dựng nhà ở, tham khảo giá đất thông qua các hộ có hoạt động mua/bán đất trong vòng 3 năm trở lại đây và tham khảo tham khảo giá xây dựng, vật liệu xây dựng và giá đất từ các cửa hàng bán vật liệu xây dựng.

Tại xã Dương Quan huyện Thủy Nguyên, nhóm điều tra giá thế phỏng vấn các hộ bị ảnh hưởng, không bị ảnh hưởng của dự án. Tình hình nuôi trồng thủy sản và thu nhập từ nuôi trồng thủy sản của người dân.

Phạm vi nghiên cứu

Về đất đai: Mỗi xã chọn khoảng 3 hộ bị ảnh hưởng, 3 hộ không bị ảnh hưởng để phỏng vấn. Việc phỏng vấn cũng được thực hiện với cán bộ địa chính, xây dựng tại các xã bị ảnh hưởng. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng tiến hành thu thập các hợp đồng giao dịch đất trong thời gian vừa qua và phỏng vấn một số hộ có giao dịch về đất.

Đối với vật kiến trúc: nhóm điều tra đã thực hiện phỏng vấn một số hộ gia đình mới xây dựng nhà ở xong và các cửa hàng bán vật liệu xây dựng để tìm hiểu rõ hơn về giá xây dựng, vật liệu xây dựng.

Đối với cây trái hoa màu: Dự án chủ yếu ảnh hưởng đến đất nông nghiệp (chủ yếu là đất lúa, đất nuôi trồng thủy sản). Vì vậy, nhóm đã tiến hành phỏng vấn các hộ bị ảnh hưởng và không bị ảnh hưởng về giao dịch đất lúa, đất nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra, mỗi huyện nhóm cũng phỏng vấn các hộ thu mua nông sản và cán bộ xã để bổ sung thêm thông tin.

4.2.2. Kết quả điều tra

Quá trình điều tra nhằm đưa ra mức giá thay thế cho các loại hình thiệt hại như thiệt hại về đất (bao gồm đất ở, đất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản...), thiệt hại về vật kiến trúc (gồm nhà cửa, công trình phụ, mồ mã ...) và các loại cây trái, hoa màu trên đất. Cụ thể các kết quả đạt được như sau:

4.2.2.1. Đất đai

a. Đối với đất ở

a.1. Huyện Thủy Nguyên

Hợp phần đường vành đai 3 ảnh hưởng đất ở tại các xã Kênh Giang, Hòa Bình, Trung Hà, Ngũ Lão và Lập Lễ.

Khi thực hiện tiêu dự án đường vành đai 3, thành phố Hải Phòng bồi thường theo QĐ2970 và hỗ trợ theo QĐ2680.

Theo QĐ2680 các hộ bị ảnh hưởng đất ở sẽ được hỗ trợ các khoản sau:

- Hỗ trợ tự lo tái định cư: 250.000.000 đồng/hộ. (Bình quân diện tích các hộ khoảng 100m²). Tạm tính hỗ trợ tự lo tái định cư 2.500.000 đồng/m².
- Hỗ trợ di chuyển chỗ ở: 5.000.000 – 7.000.000 đồng/hộ. Tạm tính là 5.000.000 đồng/hộ tương đương 100.000 đồng/m².
- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 3.000.000 đồng/khẩu. Tạm tính hộ có 4 khẩu là 12.000.000 đồng/hộ tương đương 240.000 đồng/m².
- Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm 12.000.000 đồng/hộ tương đương 240.000 đồng/m².

Tổng các hỗ trợ nêu trên tạm tính là: 3.080.000 đồng/m². (Ngoài ra còn các hỗ trợ khác tùy thuộc vào vị trí thửa đất và mục đích sử dụng)

Xã Kênh Giang

Các hộ bị ảnh hưởng nằm ở khu vực Quốc lộ 10 (vị trí 1). Tại khu vực bị ảnh hưởng không có giao dịch đất ở nào được thực hiện trong thời gian gần đây. Chỉ có những giao dịch ở những vị trí tương đương vị trí bị ảnh hưởng.

Qua điều tra các hộ bị ảnh hưởng và các hộ không bị ảnh hưởng. Mức giá các hộ bị ảnh hưởng đưa ra khoảng 8.000.000 – 10.000.000 đồng/m² tùy vị trí, diện tích và hình dạng lô đất. Các hộ không bị ảnh hưởng thì cho rằng mức giá hợp lý khoảng 7.500.000 - 8.000.000 đồng/m². Các hộ dân bị ảnh hưởng đều đưa cao hơn giá mà các hộ mong muốn.

Trong các giao dịch thực tế của các hộ mới giao dịch trong thời gian gần đây ở những vị trí tương đương khu vực bị ảnh hưởng thì mức giá người dân giao dịch khoảng 8.000.000 đồng/m² nhưng trong các hợp đồng mua bán chỉ đưa ra mức giá thường thấp

hơn hoặc bằng giá nhà nước quy định. (Mục đích làm giảm bớt các loại thuế phải đóng cho nhà nước). Cụ thể khoảng 3.000.000 đồng/m², đa số các khoản thuế chuyển nhượng đều do bên bán chịu.

Giá thành phố Hải Phòng ban hành theo QĐ2970. Vị trí 1 tại khu vực bị ảnh hưởng là 3.000.000 đồng/m².

Khi thực hiện Dự án, thành phố Hải Phòng hỗ trợ theo QĐ2680: Do vị trí đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ nên được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: 4-10% giá đất. Tạm tính là khoảng 6% tương đương 180.000 đồng/m².

Giá hỗ trợ theo QĐ2680 là 3.080.000 đồng/m²

Như vậy mức giá thành phố Hải Phòng bồi thường và hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng khi thực hiện Dự án là khoảng 6.260.000 đồng/m². Giá thị trường là 8.000.000 đồng/m² cao hơn khoảng 1,2 lần so với giá bồi thường, hỗ trợ của thành phố Hải Phòng.

Kiến nghị giá thay thế đất ở khu vực đường Quốc lộ 10 – xã Kênh Giang

Hầu hết các vị trí điều tra, giá đất ở đã chuyển nhượng trên thị trường trong điều kiện giao dịch bình thường có mức giá cao hơn so với giá đền bù trong QĐ2970 và hỗ trợ trong QĐ2680 khoảng 1,2 lần. (K=1,2). Do đó đề xuất đơn giá đền bù gia tăng hệ số đơn giá đất K=1,2.

Xã Hòa Bình

Hợp phần đường Vành đai 3 đi qua địa bàn xã Hòa Bình ảnh hưởng đến các hộ khu vực 2 đường liên thôn.

Qua khảo sát các hộ bị ảnh hưởng, các hộ không bị ảnh hưởng, các hộ vừa mới giao dịch ở khu vực bị ảnh hưởng. Mức giá các hộ bị ảnh hưởng đưa ra là khoảng 3.000.000 đồng/m². Theo các hộ không bị ảnh hưởng, giá hợp lý có thể giao dịch thành công là khoảng 2.500.000 – 3.000.000 đồng/m².

Giá đất thành phố Hải Phòng quy định trong QĐ2970 là 500.000 đồng/m².

Giá hỗ trợ theo QĐ2680 là 3.080.000 đồng/m²

Như vậy mức giá thành phố Hải Phòng bồi thường và hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng khi thực hiện tiểu dự án là khoảng 3.580.000 đồng/m². Giá thị trường là 3.000.000 đồng/m² thấp hơn giá bồi thường, hỗ trợ của thành phố.

Kiến nghị giá thay thế đất ở khu vực xã Hòa Bình:

Hầu hết các vị trí điều tra, giá đất ở đã chuyển nhượng trên thị trường trong điều kiện giao dịch bình thường có mức giá thấp hơn so với giá đền bù trong QĐ2970 và hỗ trợ trong QĐ2680. Chính vì vậy, đơn giá đề xuất đền bù theo đơn giá của QĐ2970 và chính sách hỗ trợ theo QĐ2680.

Xã Trung Hà

Dự án đi qua địa bàn xã Trung Hà ảnh hưởng đến các hộ khu vực 2 đường liên thôn.

Qua khảo sát các hộ bị ảnh hưởng, các hộ không bị ảnh hưởng, các hộ vừa mới giao dịch ở khu vực bị ảnh hưởng. Mức giá các hộ bị ảnh hưởng đưa ra là khoảng 3.500.000 đồng/m². Theo các hộ không bị ảnh hưởng, giá hợp lý có thể giao dịch thành công là khoảng 3.000.000 – 3.500.000 đồng/m².

Giá thành phố Hải Phòng quy định trong QĐ2970 là 800.000 đồng/m².

Giá hỗ trợ theo QĐ2680 là 3.080.000 đồng/m²

Như vậy, mức giá thành phố Hải Phòng bồi thường và hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng khi thực hiện tiểu dự án là khoảng 3.880.000 đồng/m². Giá thị trường là 3.000.000 - 3.500.000 đồng/m² thấp hơn giá bồi thường, hỗ trợ của thành phố.

Kiến nghị giá thay thế đất ở khu vực xã Trung Hà:

Hầu hết các vị trí điều tra, giá đất ở đã chuyển nhượng trên thị trường trong điều kiện giao dịch bình thường có mức giá thấp hơn so với giá đền bù trong QĐ2970 và hỗ trợ trong QĐ2680. Chính vì vậy, đơn giá đề xuất đền bù theo đơn giá của QĐ2970 và chính sách hỗ trợ theo QĐ2680.

Xã Ngũ Lão

Thực hiện Dự án ảnh hưởng đất ở của các hộ dân ở xã Ngũ Lão ở các vị trí:

- Tuyến bến Bính – Phà Rừng (TL359): Đoạn từ giáp Thủy Triều đến hết địa phận xã Ngũ Lão (gọi tắt là khu vực mặt đường TL359).
- Tuyến đường liên xã.
- Tuyến đường liên thôn.

Qua phỏng vấn các hộ dân bị ảnh hưởng và các hộ dân không bị ảnh hưởng, tùy vào vị trí thửa đất mà có các mức giá khác nhau. Các hộ dân bị ảnh hưởng đưa ra mức giá là khoảng 9.000.000 đồng/m² ở khu vực mặt đường TL359; 3.500.000 – 4.000.000 đồng/m² ở khu vực đường liên xã và 3.000.000 đồng/m² ở tuyến đường liên thôn. Trong khi đó các hộ không bị ảnh hưởng cho rằng mức giá hợp lý là 8.500.000 đồng/m²; 3.500.000 và 3.000.000 đồng/m² lần lượt theo các vị trí đất ở khu vực nêu trên. Thực tế cho thấy người bị ảnh hưởng thường đưa ra mức giá cao hơn so với mức giá người dân mong muốn.

Qua tổng hợp các giao dịch đất đai gần đây trên địa bàn xã: khu vực mặt đường TL359 (vị trí 1) giá giao dịch thành công là khoảng 8.500.000 đồng/m². Đây là khu vực đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ.

Đơn giá thành phố Hải Phòng quy định là 3.500.000 đồng/m² ở khu vực mặt đường TL359; 800.000 đồng/m² ở khu vực đường liên xã và 600.000 đồng/m² ở khu vực đường liên thôn.

Khi thực hiện Dự án thành phố Hải Phòng hỗ trợ theo QĐ2680: Do vị trí đất ở có thể kết hợp kinh doanh, dịch vụ nên được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: 4-10% giá đất. Tạm tính là khoảng 6% tương đương 210.000 đồng/m². (Áp dụng cho đất ở khu vực mặt đường TL359).

Giá hỗ trợ theo QĐ2680 là 3.080.000 đồng/m²

Như vậy mức giá thành phố Hải Phòng bồi thường và hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng khi thực hiện Dự án tại khu vực mặt đường TL359 là 6.790.000 đồng/m². Giá thị trường là 8.500.000 đồng/m² cao hơn giá bồi thường và hỗ trợ khoảng 1,2 lần.

Giá bồi thường, hỗ trợ của thành phố Hải Phòng tại khu vực đường liên xã là 3.880.000 đồng/m² và khu vực đường liên thôn là 3.680.000 đồng/m². Giá thị trường tương ứng là 3.500.000 đồng/m² và 3.000.000 đồng/m² thấp hơn giá bồi thường, hỗ trợ của thành phố Hải Phòng.

Kiến nghị giá thay thế đất ở khu vực xã Ngũ Lão:

Hầu hết các vị trí điều tra, giá đất ở đã chuyển nhượng trên thị trường trong điều kiện giao dịch bình thường ở vị trí mặt đường TL359 có mức cao hơn so với giá đền bù trong QĐ2970 và hỗ trợ trong QĐ2680 khoảng 1,2 lần. (K=1,2). Do đó đề xuất đơn giá đền bù gia tăng hệ số đơn giá đất K=1,2.

Vị trí đất ở khu vực đường liên xã và đường liên thôn đều thấp hơn so với đền bù trong QĐ2970 và hỗ trợ trong QĐ2680. Chính vì vậy, đơn giá đề xuất đền bù theo đơn giá của QĐ2970 và chính sách hỗ trợ theo QĐ2680.

Xã Lập Lễ

Thực hiện Dự án sẽ ảnh hưởng đất ở của các hộ dân của xã Lập Lễ tại các vị trí:

- Đường liên xã Ngũ Lão - Lập Lễ: Đoạn từ cầu Lập đến Trạm xá xã Lập Lễ.
- Đường trục xã.

Qua phỏng vấn các hộ dân trong khu vực bị ảnh hưởng hay những vùng xung quanh có vị trí tương tự cho thấy không có giao dịch trong thời gian gần đây. Mức giá các hộ dân bị ảnh hưởng đưa ra là khoảng 4.500.000 đồng/m² ở khu vực mặt đường liên xã; và khoảng 3.000.000 – 3.500.000 đồng/m² ở khu vực đường trục xã. Trong khi đó các hộ không bị ảnh hưởng cho rằng mức giá hợp lý là 4.000.000 – 4.500.000 đồng/m²; và 3.000.000 đồng/m² lần lượt theo các vị trí đất ở khu vực nêu trên. Thực tế cho thấy người bị ảnh hưởng thường đưa ra mức giá cao hơn so với mức giá người dân mong muốn.

Đơn giá thành phố Hải Phòng quy định là 1.200.000 đồng/m² ở khu vực mặt đường liên xã và 800.000 đồng/m² ở khu vực đường trục xã.

Như vậy mức giá thành phố Hải Phòng bồi thường hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng khi thực hiện tiểu dự án tại khu vực mặt đường liên xã là 4.352.000 đồng/m², khu vực đường trục xã là 3.880.000 đồng/m². Giá thị trường là 4.000.000 đồng/m² và 3.000.000 đồng/m² lần lượt đối với đường liên xã và đường trục xã. Như vậy, giá thị trường thấp hơn hoặc tương đương giá bồi thường, hỗ trợ của thành phố Hải Phòng.

Kiểm nghị giá thay thế đất ở khu vực xã Lập Lễ:

Vị trí đất ở khu vực đường liên xã và đường liên thôn đều thấp hơn so với đền bù trong QĐ2970 và hỗ trợ trong QĐ2680. Chính vì vậy đơn giá đề xuất đền bù theo đơn giá của QĐ2970 và chính sách hỗ trợ theo QĐ2680.

a.2. Quận Ngô Quyền

Hợp phần cầu Nguyễn Trãi sẽ ảnh hưởng đến đất ở của các hộ dân dọc đường Nguyễn Trãi hiện tại thuộc phường Máy Tơ.

Khi thực hiện hợp phần cầu Nguyễn Trãi, thành phố Hải Phòng bồi thường theo QĐ2970 và hỗ trợ theo QĐ2680.

Theo QĐ2680 các hộ bị ảnh hưởng đất ở sẽ được hỗ trợ các khoản sau:

- Hỗ trợ tự lo tái định cư: 400.000.000 đồng/hộ. (Bình quân diện tích các hộ khoảng 50m²). Tạm tính hỗ trợ tự lo tái định cư 8.000.000 đồng/m².
- Hỗ trợ di chuyển chỗ ở: 5.000.000 – 7.000.000 đồng/hộ. Tạm tính là 5.000.000 đồng/hộ tương đương 100.000 đồng/m².
- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 3.000.000 đồng/khẩu. Tạm tính hộ có 4 khẩu là 12.000.000 đồng/hộ tương đương 240.000 đồng/m².
- Hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm 12.000.000 đồng/hộ tương đương 240.000 đồng/m².

Tổng các hỗ trợ nêu trên tạm tính là: 8.580.000 đồng/m². (Ngoài ra còn các hỗ trợ khác tùy thuộc vào vị trí thửa đất và mục đích sử dụng.)

Dự án sẽ phải thu hồi đất ở các hộ dọc đường Nguyễn Trãi thuộc phường Máy Tơ và diện tích phần thu hồi chủ yếu nằm ở vị trí 1 và vị trí 2 theo QĐ2970. Do có thông tin về chủ trương thực hiện dự án của thành phố nên gần đây hầu như có giao dịch chuyển nhượng về quyền sử dụng đất nào được thực hiện.

Qua phỏng vấn các hộ dân có nhu cầu bán đất và nhà gắn liền trên đất khu vực quanh vị trí (vị trí 1 - theo QĐ2970) thực hiện Hợp phần cầu Nguyễn Trãi (nhà số 43 – Nguyễn Trãi). Mức giá mà các hộ đưa ra khoảng 50.000.000 đồng/m² (vị trí 1) và 40.000.000 đồng/m² (vị trí 2 - theo QĐ2970) và tuy nhiên đây chỉ là mức giá bên cần bán đưa ra chứ không có giao dịch nào được thực hiện ở mức giá này. Các hộ không có nhu cầu về giao dịch thì cho rằng mức giá hợp lý để giao dịch thành công ở các vị trí này ở mức khoảng 38.000.000- 40.000.000 đồng/m² (vị trí 1) và 28.000.000-30.000.000 đồng/m² (vị trí 2) và cũng tùy thuộc vào vị trí cũng như hình dạng, kích

thước của lô đất. Như vậy các hộ có nhu cầu bán đất thường đưa ra mức giá cao hơn thực tế mà các hộ mong muốn mua.

Qua điều tra, chỉ có 01 trường hợp giao dịch ở số nhà 20 đường Nguyễn Trãi diện tích 78,7m² có 01 nhà 3 tầng, diện tích xây dựng 143,5m² và vật kiến trúc khác được đưa ra bán đầu giá do tài sản thế chấp tại Ngân hàng SHB Hồng Bàng để thu hồi khoản nợ. Với giá 4,4 tỷ đồng (bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định). Qua khái toán trừ đi phần kinh phí xây dựng và các loại thuế theo quy định của nhà nước. Bình quân giá giao dịch là khoảng 40.000.000 đồng/m². Về trách nhiệm nộp các loại thuế, phí liên quan đến giao dịch đất do bên chuyển nhượng thực hiện.

Vị trí 1 – theo QĐ2970

Giá thành phố Hải Phòng quy định giá đất theo QĐ 2970 là 20.000.000đồng/m²

Khi thực hiện Dự án thành phố Hải Phòng hỗ trợ theo QĐ 2680: Do vị trí đất ở có thể kết hợp kinh doanh, dịch vụ nên được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm: 4-10% giá đất. Tạm tính là khoảng 6% tương đương 1.200.000 đồng/m².

Giá hỗ trợ theo QĐ2680 là 8.580.000 đồng/m²

Như vậy mức giá thành phố Hải Phòng bồi thường hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng khi thực hiện Dự án khoảng 29.780.000 đồng/m². Giá thị trường khoảng 40.000.000 đồng/m². Giá bồi thường hỗ trợ thấp hơn giá thị trường khoảng 1,5 lần.

Vị trí 2 – theo QĐ2970

Giá thành phố Hải Phòng quy định giá đất theo QĐ 2970 là 10.000.000đồng/m²

Giá hỗ trợ theo QĐ2680 là 8.580.000 đồng/m²

Như vậy, mức giá thành phố Hải Phòng bồi thường hỗ trợ cho các hộ bị ảnh hưởng khi thực hiện tiểu dự án là khoảng 18.580.000 đồng/m². Giá thị trường khoảng 30.000.000 đồng/m². Giá bồi thường hỗ trợ thấp hơn giá thị trường khoảng 1,5 lần.

Kiến nghị giá thay thế đất ở khu vực đường Nguyễn Trãi:

Hầu hết các vị trí điều tra, giá đất ở đã chuyển nhượng trên thị trường trong điều kiện giao dịch bình thường có mức giá cao hơn so với giá đền bù trong QĐ2970 và hỗ trợ trong QĐ2680 khoảng 1,5 lần. Do đó, đề xuất đơn giá đền bù gia tăng hệ số đơn giá đất K=1,5.

Bảng 1: Kết quả điều tra đất ởĐơn vị: 1.000 đồng/m²

TT	Loại đất	Giá đất bồi thường, hỗ trợ của thành phố Hải Phòng			Giá điều tra hiện tại	Giá đền bù đề xuất
		Tổng	Giá đất theo QĐ 2970	Hỗ trợ theo QĐ 2680		
I	Huyện Thủy Nguyên (*)					
1	Xã Kênh Giang					
	Khu vực 1: Quốc lộ 10 mới	6.260	3.000	3.260	8.000	8.000
2	Xã Hòa Bình					Quyết định và chính sách hiện hành của UBND TP. Hải Phòng
	Đường liên thôn	3.580	500	3.080	3.000	
3	Xã Trung Hà					
	Tuyến đường trục xã	3.880	800	3.080	3.500	
4	Xã Ngũ Lão					
	Khu vực 1, tuyến bên Bính – Phà Rừng (TL359)	6.790	3.500	3.290	8.500	8.500
	Tuyến đường liên xã	3.880	800	3.080	3.500	Quyết định và chính sách hiện hành của UBND TP. Hải Phòng
	Tuyến đường liên thôn	3.680	600	3.080	3.000	
5	Xã Lập Lễ					
	Đường liên xã	4.352	1200	3.152	4.200	
	Đường trục xã	3.880	800	3.080	3.000	
II	Quận Ngô Quyền					
1	Vị trí 1: Đường Nguyễn Trãi	29.780	20.000	9.780	40.000	40.000
2	Vị trí 2: đường Nguyễn Trãi	18.580	10.000	8.580	30.000	30.000

(*) Các vị trí đất ở tại Huyện Thủy Nguyên đều nghiên cứu ở vị trí 1- theo QĐ2970

b. Đất nông nghiệp

Khi thực hiện Dự án sẽ ảnh hưởng đến đất nông nghiệp của các hộ dân (chủ yếu là đất lúa, đất nuôi trồng thủy) ở các xã của huyện Thủy Nguyên và quận Hải An.

Thực tế tại địa phương thị trường mua bán đất nông nghiệp không nhiều. Khi phỏng vấn người dân về đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm thì mức giá ở các xã trong vùng dự án là như nhau và mức giá mà người dân cung cấp phổ biến ở mức 250.000 – 350.000 đồng/m² tùy thuộc vào từng vị trí, trong khi đó mức giá đền bù trên địa bàn của thành phố Hải Phòng là 60.000 đồng/m² thấp hơn so với mức giá thực tế.

Tuy nhiên, theo QĐ2680 quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hải Phòng, theo đó mức hỗ trợ bằng 5 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, nhưng tối đa không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương. Chính vì

vậy, mặc dù giá đất được quy định đền bù thấp hơn so với giá đất thực tế nhưng do có hệ số hỗ trợ $k = 5$ nên giá đất khi đền bù còn cao hơn so với giá đất trên thị trường.

Bảng 2: Kết quả điều tra giá đất nông nghiệp

Đơn vị tính: 1000 đồng

TT	Loại đất	Giá theo Quyết định 2970/2014/QĐ-UBND của TP. Hải Phòng	Tổng số tiền bồi thường hộ BAH được nhận bao gồm cả hỗ trợ (*)	Giá điều tra hiện tại	Giá đền bù đề xuất
1	Đất trồng lúa và cây hàng năm	60	360	250-300	Quyết định và chính sách hiện hành của UBND TP. Hải Phòng
2	Đất nuôi trồng thủy sản	48		80	80
3	Đất nuôi trồng thủy sản Quận Hải An	80		80	Quyết định và chính sách hiện hành của UBND TP. Hải Phòng

(*): Đất trồng lúa và cây hàng năm hỗ trợ 5 lần theo QĐ2680

Đối với đất mặt nước nuôi trồng thủy sản thì mức giá mà người dân đưa ra phổ biến ở mức từ 70.000 – 80.000 đồng/m². Trong khi đó giá đất đền bù được quy định cho địa bàn điều tra huyện Thủy Nguyên là 48.000 đồng/m² thấp hơn so với mức giá thực tế khoảng 1,66 lần ($K=1,66$). Giá đền bù đất nuôi trồng thủy sản quận Hải An là 80.000 đồng/m² tương đương giá thực tế.

Kiến nghị về giá thay thế đất nông nghiệp

Hiện tại giá đền bù cho đất trồng lúa và cây hàng năm của Thành phố Hải Phòng là thấp hơn so với giá thị trường nhưng khi áp dụng chính sách hỗ trợ theo Quyết định 2680 thì giá đất đền bù cho đất trồng lúa mà người dân thực tế nhận được là cao hơn so với giá thị trường. Chính vì vậy đơn giá đề xuất đền bù theo đơn giá của Quyết định 2970 và chính sách hỗ trợ theo Quyết định 2680.

Đất nuôi trồng thủy sản: đơn giá đề xuất gia tăng hệ số $K=1,66$ đối với đất nuôi trồng thủy sản huyện Thủy Nguyên. Đối với quận Hải An đề xuất đền bù theo Quyết định 2970 và chính sách hỗ trợ theo Quyết định 2680.

c. Đất thương mại dịch vụ

Khi thực hiện hợp phần Cầu Vũ Yên sẽ ảnh hưởng đến các kho bãi của các công ty trên địa bàn phường Nam Hải, quận Hải An.

Qua điều tra các kho bãi, một phần đất là của các công ty sử dụng đất của nhà nước, một phần là cơ quá trình cổ phần hóa nên đất thuộc quyền sử dụng của các công ty. Tuy nhiên từ trước đến nay chưa có hợp đồng chuyển nhượng giao dịch nào ngoài thị trường có mức giá khác mức giá nhà nước quy định. Do đó khi thực hiện hợp phần cầu Vũ Yên đơn giá bồi thường và hỗ trợ sẽ theo các chính sách của thành phố Hải Phòng ban hành.

4.2.2.2. Vật kiến trúc

Qua khảo sát tại các xã bị ảnh hưởng bởi dự án, nhóm khảo sát nhận thấy sự khác biệt về giá cả xây dựng giữa các xã, huyện trên địa bàn điều tra là hầu như không có.

Qua điều tra các hộ dân vừa mới xây nhà, chủ thầu xây dựng và chủ các cửa hàng vật liệu. Giá xây dựng nhà cửa của người dân là khoảng 4.500.000 – 5.500.000 đồng/m² xây dựng. Thường đây là mức giá người dân khoán gọn cho chủ thầu xây dựng. Giá đền bù của thành phố Hải Phòng trong QĐ324 cơ bản đáp ứng được nhu cầu xây dựng lại nhà cửa cho người bị ảnh hưởng. Ví dụ như:

– Giá xây nhà loại 1 tầng trên thị trường xây dựng phổ biến trong khoảng từ 4.000.000 – 5.000.000 đồng/m² xây dựng. Đơn giá đền bù theo quy định của Thành phố cũng dao động trong khoảng từ 4.593.892– 5.161.741đồng/m² và có quy định về một số loại vật liệu được cộng vào hoặc trừ đi so với mức giá trên với một số loại vật liệu.

– Tương tự như vậy đối với những vật kiến trúc khác mức giá đền bù không có sự chênh lệch nhiều giữa giá đền bù và giá xây dựng thực tế. Nên mức giá đền bù trong QĐ324 hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu xây mới của nhưng hộ bị ảnh hưởng.

Bảng 3: Kết quả điều tra giá vật kiến trúc

TT	Hạng mục	Cấu trúc	Theo QĐ 324	Giá điều tra vật kiến trúc	Giá đề xuất đền bù
1	Nhà 1 tầng tường chịu lực; cao 3,5m; không khu phụ				
	Tường xây gạch chỉ 220	Mái ngói, móng xây gạch chỉ đặc	5.161.741	5.000.000	Theo QĐ324 của TP. Hải Phòng
		Mái tôn kim loại, móng xây gạch chỉ đặc	4.658.432	4.500.000	
		Mái froximang, móng xây gạch chỉ đặc	4.593.892	4.300.000	
		Mái ngói, móng xây đá hộc	5.074.334	4.800.000	

TT	Hạng mục	Cấu trúc	Theo QĐ 324	Giá điều tra vật kiến trúc	Giá đề xuất đền bù
	Tường xây gạch chỉ 110	Mái ngói, móng xây gạch chỉ đặc	4.735.018	4.500.000	
		Mái tôn kim loại, móng xây gạch chỉ đặc	4.270.456	4.000.000	
		Mái froximang, móng xây gạch chỉ đặc	4.205.917	4.000.000	
		Mái ngói, móng xây đá hộc	4.686.359	4.400.000	
2	Nhà 1 tầng tường chịu lực; cao 3,5m; có khu phụ				
	Tường xây gạch chỉ 220	Mái ngói, móng xây gạch chỉ đặc	5.752.275	5.500.000	Theo QĐ324 của TP. Hải Phòng
		Mái tôn kim loại, móng xây gạch chỉ đặc	5.248.965	5.000.000	
		Mái froximang, móng xây gạch chỉ đặc	5.184.425	5.000.000	
		Mái ngói, móng xây đá hộc	5.664.867	5.500.000	
	Tường xây gạch chỉ 110	Mái ngói, móng xây gạch chỉ đặc	5.328.333	5.200.000	
		Mái tôn kim loại, móng xây gạch chỉ đặc	4.863.573	4.600.000	
		Mái froximang, móng xây gạch chỉ đặc	4.804.760	4.600.000	
		Mái ngói, móng xây đá hộc	5.279.545	5.000.000	
3	Nhà 2 tầng; tầng 1 cao 3,9m; tầng 2 cao 3,5m; có khu phụ				
	Tường xây chịu lực; tầng 1 tường gạch chỉ 220; tầng 2 tường gạch chỉ 220	Mái ngói, móng xây gạch chỉ	3.725.682	3.500.000	Theo QĐ324 của TP. Hải Phòng
		Mái tôn kim loại, móng xây gạch chỉ	3.512.259	3.500.000	
		Mái froximang, móng xây gạch chỉ	3.456.847	3.400.000	
		Mái ngói, móng xây đá hộc	3.725.682	3.500.000	
		Mái tôn kim loại, móng xây đá hộc	3.512.259	3.400.000	
	Tường xây chịu lực; tầng 1 tường gạch chỉ 220; tầng 2 tường gạch chỉ 110	Mái ngói, móng xây gạch chỉ	3.710.235	3.500.000	Theo QĐ324 của TP. Hải Phòng
		Mái tôn kim loại, móng xây gạch chỉ	3.496.824	3.400.000	
		Mái froximang, móng xây gạch chỉ	3.442.247	3.400.000	
		Mái ngói, móng xây đá hộc	3.664.953	3.500.000	
		Mái tôn kim loại, móng xây đá hộc	3.455.847	3.300.000	

TT	Hạng mục	Cấu trúc	Theo QĐ 324	Giá điều tra vật kiến trúc	Giá đề xuất đền bù
4	Nhà 3 tầng; tầng 1 cao 4,5m; tầng 2 cao 4,1m; tầng 3 cao 3,5m; có khu phụ				
	Tường xây chịu lực; tầng 1 tường gạch chỉ 220; tầng 2 tường gạch chỉ 220; móng gạch chỉ	Mái ngói, tầng 3 tường gạch chỉ 220	3.803.637	3.600.000	Theo QĐ 324 của TP. Hải Phòng
		Mái ngói, tầng 3 tường gạch chỉ 110	3.550.699	3.500.000	
		Mái ngói, tầng 3 tường gạch 6 lỗ 150	3.669.761	3.500.000	
		Mái ngói, tầng 3 tường gạch 6 lỗ 110	3.653.752	3.500.000	
		Mái tôn kim loại, tầng 3 tường gạch chỉ 220	3.656.363	3.500.000	
	Khung BTCT; mái bằng BTCT; móng bằng BTCT	Tầng 1, 2, 3 xây gạch chỉ 220	4.257.965	4.000.000	Theo QĐ324 của TP. Hải Phòng
		Tầng 1, 2, 3 xây gạch chỉ 110	3.960.518	3.700.000	
		Tầng 1, 2, 3 xây gạch 6 lỗ nằm 150	3.911.863	3.700.000	
		Tầng 1, 2, 3 xây gạch 6 lỗ nghiêng 110	3.839.721	3.600.000	
		Tầng 1, 2 xây gạch chỉ 220; tầng 3 xây gạch chỉ 110	4.100.314	4.000.000	

4.2.2.3. Việc di chuyển mộ mã

Mộ đất: Mức giá đền bù cho mộ đất là 6.000.000 – 7.500.000 đồng/mộ và mức giá điều tra nằm trong khoảng 4.000.000 – 4.500.000 đồng (chi phí này không tính chi phí đất). Như vậy, mức giá đền bù hoàn toàn có thể đáp ứng được đầy đủ cho toàn bộ việc di chuyển mộ của các hộ gia đình bị ảnh hưởng trên thực tế.

Mộ xây: Mức giá trên địa bàn điều tra có mức giao động trong khoảng 5.000.000 – 9.000.000 đồng/mộ tùy theo kết cấu xây thường hay xây kiên cố. Trong khi đó, đơn giá đền bù của Thành phố Hải Phòng tương ứng là 6.500.000 – 10.000.000 đồng/mộ cho phần đào đắp và phần xây được đền bù tính theo đo khối lượng cụ thể và áp dụng đơn giá xây dựng tương ứng. Do vậy, việc tính toán đền bù cho mộ xây thường trong đơn giá ban hành có thể nói là tương ứng với giá xây dựng mộ trên thị trường.

Bảng 4 Kết quả điều tra việc di chuyển mồ mả

Đơn vị: 1000 đồng

TT	Hạng mục	Cấu trúc	Theo QĐ 324/2015/QĐ-UBND của TP. Hải Phòng			Giá điều tra vật kiến trúc	Giá đền bù
			Tổng	Chi phí xây dựng (1000 đ)	Chi phí hỗ trợ (1000 đ) (1)		
1	Mộ đất		6000 - 7500	2500	3500 - 5000	4000 - 4500	Theo QĐ324 TP. Hải Phòng
2	Mộ xây đơn giản	Thể tích < 0,4m ³	6500 - 8000	3000	3500 - 5000	5000 - 6000	
		Thể tích 0,4m ³ – 0,6m ³	7000 - 8500	3500	3500 - 5000	6000 - 7000	
		Thể tích > 0,6m ³	8000 - 9500	4500	3500 - 5000	7000 - 8000	
3	Mộ xây đặc biệt		8000 – 9500 và (2)	4500	3500 – 5000 và (2)	8000- 9000	

(1) Chi phí hỗ trợ bao gồm:

a. Chi phí di chuyển mộ từ 1.500.000 – 3.000.000 đồng/mộ

b. Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng: 2.000.000 đồng/mộ

(2): Chi phí xây dựng phần trang trí ốp lát

Kiến nghị về giá thay thế đối với vật kiến trúc

Giá đền bù cho vật kiến trúc được quy định trong QĐ324 có thể đáp ứng được mức giá thị trường cho việc xây mới và di chuyển các công trình kiến trúc bị ảnh hưởng.

4.2.2.4. Cây trái, hoa màu

Trên địa bàn điều tra phần lớn cây ăn quả, cây cảnh... đều được các hộ trồng trong khuôn viên đất ở, tuy số lượng không nhiều nhưng chủng loại cây rất đa dạng. Qua điều tra người dân khu vực bị ảnh hưởng không có giao dịch mua bán cây trái, hoa màu chủ yếu là cung cấp trong gia đình. Mức giá người dân cung cấp về cây trái, hoa màu thường dựa vào ước tính về nguồn lợi từ cây, mức giá người dân đưa ra tương đối sát và ít có sự chênh lệch về giá giữa các xã. Nhìn chung, mức giá điều tra cho thấy đơn giá đền bù về cây trái hoa màu trong Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hải Phòng là tương đối sát với giá thị trường và mong muốn của người dân.

Bảng 5: Kết quả điều tra giá cây trái, hoa màu

TT	Cây, nhóm cây	Đơn vị tính	Giá đền bù theo QĐ 58 (đồng)	Mức giá điều tra (đồng)	Giá đền bù đề xuất
I	CÂY ĂN QUẢ				
1	Bưởi, cây từ trên 5 năm cho thu hoạch	cây	1.200.000	1.000.000	Theo QĐ58 của TP. Hải Phòng
2	Chanh to mới thu hoạch	cây	120000	100.000	
3	Cây đu đủ cho thu hoạch	cây	140000	120.000	
4	Cây hồng xiêm hoặc cây vú sữa hoặc cây doi đã cho thu hoạch	cây	300.000	300.000	
5	Mít cho thu hoạch	cây	600.000	500.000	
6	Me cho thu hoạch	cây	500.000	500.000	
7	Cây khế cho thu hoạch	cây	700.000	500.000	
8	Trứng gà cho thu hoạch	cây	300.000	300.000	
9	Táo cho thu hoạch	cây	240.000	200.000	
10	Ổi cho thu hoạch	cây	250.000	250.000	
11	Xoài đã cho thu hoạch	cây	1.000.000	1.000.000	
12	Sầu trồng bén rễ	cây	400.000	400.000	
13	Cây Cam hoặc quýt nhiều quả trên 5 năm	cây	400.000	400.000	
14	Cây nhót đã cho thu hoạch	cây	150.000	150.000	
15	Nhãn đã cho thu hoạch	cây	1.000.000	1.000.000	
II	CÂY BÓNG MÁT				
1	Cây hoa sữa	cây	72.000	70.000	Theo QĐ 58 TP. Hải Phòng
2	Cây long nhãn	cây	120.000	100.000	
3	Cây phượng vĩ hoặc cây muồng		150.000	150.000	
4	Cây phượng vàng hoặc cây muồng tím hoặc cây viết hoặc cây hoàng hậu hoặc cây bằng lăng		120.000	120.000	
5	Cây bàng hoặc cây gạo gai đã bén rễ		200.000	200.000	
6	Cây bạch đàn hoặc cây phi lao hoặc cây keo tai tượng hoặc cây xoan trồng bén rễ (D>30 cm)		120.000	100.000	
7	Cây xà cừ bén rễ (D=15-40)		300.000	300.000	
8	Cây vông hoặc cây sung thường		100.000	100.000	
III	CÂY HÀNG NĂM				
1	Lúa	m ²	8.000	6.500	Theo QĐ 58 TP. Hải
2	Đậu tương	m ²	6.000	6.000	
3	Khoai nước, khoai lang	m ²	4.500	4.000	

TT	Cây, nhóm cây	Đơn vị tính	Giá đền bù theo QĐ 58 (đồng)	Mức giá điều tra (đồng)	Giá đền bù đề xuất
4	Khoai sọ, khoai tây	m ²	8.000	7.000	Phòng
5	Ngô	m ²	6.000	6.000	
6	Lạc, vừng	m ²	8.000	8.000	
7	Đỗ xanh, đỗ đen	m ²	6.500	6.500	
8	Cà chua	m ²	10.000	8.000	

Kiểm nghị về giá thay thế đền bù cây cối:

Giá đền bù các loại cây cối tại địa phương tương đối sát so với giá thị trường

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

- *Về đất ở:* Bộ đơn giá đất ở trong QĐ2970 thấp hơn so với giá thị trường. Tuy nhiên, ngoài đền bù theo đơn giá người dân còn các hỗ trợ ổn định cuộc sống, hỗ trợ tự lo tái định cư, hỗ trợ di chuyển và hỗ trợ thuê nhà tạm trong thời gian xây dựng nhà mới... Do đó kinh phí người dân được nhận cho phần đất ở bị thu hồi là tương đương đối với giá mong muốn của người dân đối với những vị trí đất ở không kết hợp với kinh doanh, dịch vụ (nằm trong tuyến đường liên thôn, trục xã). Đối với đất ở tại những vị trí mặt đường Quốc Lộ 10, đường TL359, giá thị trường tại thời điểm điều tra cao hơn giá quy định khoảng 1,2 lần (ở Huyện Thủy Nguyên) và đất ở đô thị (đường Nguyễn Trãi – quận Ngô Quyền) giá thị trường cao hơn giá quy định khoảng 1,5 lần.
- *Về đất nông nghiệp:* Bộ đơn giá đền bù về đất nông nghiệp trong quyết định 2970 của Thành phố Hải Phòng là thấp hơn nhiều so với giá thị trường tại thời điểm điều tra. Tuy nhiên đối với đất nông nghiệp ngoài được đền bù theo Quyết định 2970 thì người dân còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm theo Quyết định 2680. Do đó, kinh phí mà người dân nhận được cho phần đất nông nghiệp bị thu hồi là tương đương hoặc thậm chí còn cao hơn giá đất nông nghiệp trên thị trường.
- *Về đất thương mại dịch vụ:* Đề xuất đơn giá đền bù theo Quyết định 2970 và hỗ trợ theo Quyết định 2680.
- *Về vật kiến trúc:* Đơn giá đền bù cho vật kiến trúc trong Quyết định 324 của Thành phố Hải Phòng là tương đối sát so với giá thị trường.
- *Về cây trái hoa màu:* Đơn giá đền bù cho cây trái hoa màu trong Quyết định 58 của UBND Thành phố Hải Phòng là tương đối phù hợp với giá thị trường

5.2. Kiến nghị áp dụng đơn giá

- Đối với đất ở nông thôn: Vị trí đất kết hợp với kinh doanh dịch vụ nên áp dụng đơn giá gia tăng thêm $K=1,2$; còn các vị trí khác thì áp dụng theo đơn giá và chính sách hỗ trợ hiện hành (cụ thể như trong Bảng 1).
- Đối với đất ở đô thị (đường Nguyễn Trãi – phường Máy Tơ – quận Ngô Quyền) nên áp dụng đơn giá gia tăng thêm $K = 1,5$.
- Đối với đất kinh doanh, dịch vụ nên áp dụng theo đơn giá và chính sách hỗ trợ hiện hành.
- Đối với đất nông nghiệp (đất lúa) áp dụng theo đơn giá và chính sách hỗ trợ hiện hành.
- Đối với đất nuôi trồng thủy sản nên áp dụng hệ số $K=1,66$ đối với huyện Thủy Nguyên và áp dụng theo đơn giá và chính sách hỗ trợ hiện hành đối với quận Hải An.
- Đối với vật kiến trúc và cây trái hoa màu, áp dụng đơn giá hiện hành của Thành phố.

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH NGƯỜI PHÒNG VẤN

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Đối tượng
I	<i>Huyện Thủy Nguyên</i>		
1	Lê Văn Sơn	Trung tâm quỹ đất	Phó GD trung tâm
I.1	<i>Xã Kênh Giang – Huyện Thủy Nguyên</i>		
1	Lương Văn Hoạch	UBND xã	Cán bộ
2	Nguyễn Thị Mến	UBND xã	Cán bộ
3	Lê Xuân Nghị	UBND xã	Cán bộ
4	Lương Văn Hùng	Thôn Công Tranh	Hộ bị ảnh hưởng
5	Nguyễn Đăng Toàn	Xóm 7	Hộ mới giao dịch
6	Nguyễn Việt Trung	Ngõ Ông Kiếm	Hộ mới giao dịch
7	Đoàn Thị Thê	Thôn Trại Kênh	Hộ mới giao dịch
8	Nguyễn Tiến Hùng	Thôn Trại Kênh	Hộ mới giao dịch
I.2	<i>Xã Hòa Bình - Huyện Thủy Nguyên</i>		
1	Trịnh Thị Lệ	UBND xã	Cán bộ
2	Nguyễn Duy Tuyên	UBND xã	Cán bộ
3	Trần Văn Hân	UBND xã	Cán bộ
4	Trần Quốc Hanh	UBND xã	Cán bộ
5	Phạm Văn Chiến	Thôn 11 – Hòa Bình	Hộ bị ảnh hưởng
6	Trần Văn Xá	Thôn 11 – Hòa Bình	Hộ bị ảnh hưởng
7	Phạm Văn Khiết	Thôn 11 – Hòa Bình	Hộ bị ảnh hưởng
8	Trịnh Văn Cảnh	Thôn 4	Hộ không bị ảnh hưởng
9	Phạm Văn Khê	Thôn 3	Hộ không bị ảnh hưởng
10	Trần Văn Dính	Thôn 11 – Hòa Bình	Hộ không bị ảnh hưởng
11	Trần Văn Minh	Thôn 9	Hộ mới giao dịch
12	Trần Quốc Trung	Thôn 8	Hộ vừa xây dựng nhà
13	Phạm Văn Song	Hòa Bình	Chủ cửa hàng VLXD
14	Trần Văn An	Hòa Bình	Chủ cửa hàng VLXD
I.3	<i>Xã An Lư - Huyện Thủy Nguyên</i>		
1	Phạm Văn Giang	UBND xã	Cán bộ
2	Bùi Văn Hà	UBND xã	Cán bộ
3	Hoàng Văn Thành	UBND xã	Cán bộ
4	Trần Thị Nhường	Thôn Xim	Hộ bị ảnh hưởng
5	Nguyễn Thị Nghị	Thôn Xim	Hộ bị ảnh hưởng
6	Vũ Văn Bản	Thôn Xim	Hộ bị ảnh hưởng
7	Phan Thị Đám	An Bình	Hộ bị ảnh hưởng
8	Phạm Văn Tự	Xóm Bắc	Hộ không bị ảnh hưởng
9	Nguyễn Minh Ngọc	An Hồ	Hộ không bị ảnh hưởng
10	Bùi Thị Rạ	Thôn Xim	Hộ không bị ảnh hưởng
11	Trần Văn Thiệu	Thôn Xim	Hộ không bị ảnh hưởng
I.4	<i>Xã Thủy Triều - Huyện Thủy Nguyên</i>		
1	Lê Văn Hường	UBND xã	Cán bộ

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Đối tượng
2	Trần Văn Tuấn	UBND xã	Cán bộ
3	Lê Văn Sáu	UBND xã	Cán bộ
4	Trần Văn Tuyên	UBND xã	Cán bộ
5	Đỗ Văn Bác	Thôn 5	Hộ bị ảnh hưởng
6	Đỗ Thị Cò	Thôn 5	Hộ bị ảnh hưởng
7	Nguyễn Văn Đim	Thôn giữa	Hộ bị ảnh hưởng
8	Nguyễn Văn Lim	Thôn Đông	Hộ không bị ảnh hưởng
9	Nguyễn Thị Lịch	Thôn giữa	Hộ không bị ảnh hưởng
10	Nguyễn Văn Tư	Thôn giữa	Hộ không bị ảnh hưởng
11	Đỗ Quang Đại	Thôn Đông	Hộ mới giao dịch
12	Trần Văn Thành	Thôn 5	Hộ mới giao dịch
13	Đỗ Văn Biên	Thủy Triều	Chủ cửa hàng VLXD
I.5	Xã Trung Hà - Huyện Thủy Nguyên		
1	Bùi Văn Hoan	UBND	Cán bộ
2	Nguyễn Văn Hiễn	UBND	Cán bộ
3	Bùi Văn Rực	UBND	Cán bộ
4	Nguyễn Thị Tới	Thôn Đình	Hộ bị ảnh hưởng
5	Nguyễn Văn Thuận	Thôn Tây	Hộ bị ảnh hưởng
6	Nguyễn Văn Cảnh	Thôn Đình	Hộ không bị ảnh hưởng
7	Nguyễn Sơn Thạch	Thôn Đông	Hộ không bị ảnh hưởng
8	Bùi Đức Sinh	Thôn Đình	Hộ không bị ảnh hưởng
I.6	Xã Ngũ Lão - Huyện Thủy Nguyên		
1	Nguyễn Văn Bích	UBND xã	Cán bộ
2	Hoàng Văn Đại	UBND xã	Cán bộ
3	Lâm Văn Pháng	UBND xã	Cán bộ
4	Nguyễn Văn Quý	UBND xã	Cán bộ
5	Hoàng Thị Mức	Thôn 10	Hộ bị ảnh hưởng
6	Bùi Văn Bằng	Thôn 10	Hộ bị ảnh hưởng
7	Trịnh Thị Chiên	Đội 11 – Ngũ Lão	Hộ bị ảnh hưởng
8	Lê Thị Hiền	UBND xã	Vừa mới xây nhà
9	Nguyễn Văn Toán	Xóm 8	Hộ mới giao dịch
10	Lê Thế Hùng	Thôn 14	Hộ mới giao dịch
11	Đình Thị Vĩnh	Ngũ Lão	Chủ cửa hàng VLXD
12	Đình Khắc Tuấn	Ngũ Lão	Chủ cửa hàng VLXD
I.7	Xã Phả Lễ - Huyện Thủy Nguyên		
1	Đình Thị Nhân	Thôn 1	Hộ không bị ảnh hưởng
2	Lê Văn Bình	UBND	Cán bộ
3	Trần Văn Minh	UBND	Cán bộ
4	Đình Khắc Tuyên	UBND	Cán bộ
5	Đình Thị Nhái	Thôn 3	Hộ bị ảnh hưởng

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Đối tượng
6	Đình Thị Thêm	Thôn 3	Hộ bị ảnh hưởng
7	Lê Khắc Nga	Thôn 1	Hộ không bị ảnh hưởng
8	Đình Thị Hoan	Thôn 1	Hộ không bị ảnh hưởng
I.8	Xã Lập Lễ - Huyện Thủy Nguyên		
1	Vũ Thị Ngọt	UBND	Cán bộ
	Vũ Văn Nghĩa	UBND	Cán bộ
	Nguyễn Văn Hoàng	UBND	Cán bộ
	Nguyễn Đức Điệp	Đội 3	Hộ bị ảnh hưởng
	Nguyễn Đức Đăng	Đội 9	Hộ không bị ảnh hưởng
	Đình Thị Vân	Đội 3	Hộ bị ảnh hưởng
	Đình Thị Đa	Đội 3	Hộ không bị ảnh hưởng
	Đình Khắc Tâm	Đội 12	Hộ không bị ảnh hưởng
	Vũ Thị Lư	Lập Lễ	Chủ cửa hàng VLXD
	Vũ Đình Hòe	Lập Lễ	Chủ cửa hàng VLXD
I.9	Xã Dương Quan – Huyện Thủy Nguyên		
1	Lê Hữu Thái	UBND	Cán bộ
2	Nguyễn Thị Tuyết	UBND	Cán bộ
3	Lê Văn Vát	Tây nhà thờ	Hộ bị ảnh hưởng
4	Lê Thành Trung	Tây giữa	Hộ bị ảnh hưởng
5	Bùi Thị Quyết	Đông nhà thờ	Hộ không bị ảnh hưởng
6	Hoàng Liên Sơn	Đông nhà thờ	Hộ không bị ảnh hưởng
II.2	Quận Ngô Quyền		
II.2.1	Phường Máy Tơ		
1	Nguyễn T. Quỳnh Vân	UBND phường	Cán bộ
2	Nguyễn Văn Tinh	UBND phường	Cán bộ
3	Nguyễn Văn Thọ	UBND phường	Cán bộ
4	Nguyễn Văn Cường	UBND phường	Cán bộ
5	Nguyễn Hoàng Minh	20- Nguyễn Trãi	Hộ bị ảnh hưởng
6	Đặng Văn Dưỡng	25- Nguyễn Trãi	Hộ không bị ảnh hưởng
7	Lê Thị Vườn	50 – Nguyễn Trãi	Hộ bị ảnh hưởng
8	Kiều Thị Nghĩa	47 – Nguyễn Trãi	Hộ không bị ảnh hưởng
9	Nguyễn Thị Nhung	21/56 – Nguyễn Trãi	Hộ không bị ảnh hưởng
10	Phạm Bá Vinh	40 – Nguyễn Trãi	Hộ bị ảnh hưởng
11	Đình Thị Liên	Máy Tơ	Chủ cửa hàng VLXD
12	Nguyễn Thanh Sơn	Máy Tơ	Chủ cửa hàng VLXD

PHỤ LỤC 2: MẪU BIỂU ĐIỀU TRA KHẢO SÁT GIÁ THAY THẾ

Xã/phường: quận/huyện: Thành phố Hải Phòng

Người được phỏng vấn:; Chức vụ:

1 ĐẤT ĐAI

STT	Loại đất	Giá thị trường (1.000 đ/m ²)	Vị trí	Tình trạng pháp lý
1	Đất thổ cư (đất ở)			
2	Đất kinh doanh			
3	Đất vườn			
4	Đất trồng lúa hàng năm			
5	Đất trồng cây lâu năm			
6	Đất trồng màu			
7	Đất mặt nước nuôi trồng thủy sản			
8	Đất rừng			
9	Đất nông nghiệp khác			

2 NHÀ CỬA, TÀI SẢN

TT	Cấp/Loại	Đơn vị tính	Giá xây dựng tại địa phương (1.000 đ/m ²)	Chi chú
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				

....				
------	--	--	--	--

3 ĐƠN GIÁ CÁC LOẠI CÂY

STT	Các loại cây công nghiệp/cây lấy gỗ	Đơn vị tính (theo năm tuổi, cm, chiều dài cây, đường kính...)	Thành tiền (1.000 đồng)	Chi chú
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
...				

4 ĐƠN GIÁ CÁC LOẠI VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG

STT	Loại vật liệu	Đơn vị tính	Thành tiền (1.000 đồng)	Chi chú
1	Xi măng địa phương	1.000 đ/tạ		
2	Xi măng.....	1.000 đ/tạ		
3	Xi măng.....	1.000 đ/tạ		
4	Sắt phi 6 + phi 8	1.000 đ/kg		
5	Sắt phi 12	1.000 đ/cây		
6	Sắt phi 14	1.000 đ/cây		
7	Sắt phi 16	1.000 đ/cây		
8	Đá 1× 2 (hoặc 3 × 4) hoặc sỏi	1.000 đ/m ³		

STT	Loại vật liệu	Đơn vị tính	Thành tiền (1.000 đồng)	Chi chú
9	Cát xây (cát đen)	1.000 đ/m ³		
10	Cát vàng (đổ bê tông)	1.000 đ/m ³		
11	Gạch đỏ địa phương (gạch thủ công)	1.000 đ/viên		
12	Gạch đỏ nhà máy	1.000 đ/viên		
13	Gạch.....	1.000 đ/viên		
14	Gạch.....	1.000 đ/viên		
15	Tấm lợp Phiproximang	1.000 đ/tấm		
16	Ngói đỏ địa phương	1.000 đ/viên		
17	Ngói đỏ.....	1.000 đ/viên		
18	Công xây dựng (thợ chính)	1.000 đồng /ngày công		
19	Công xây dựng (thợ phụ)	1.000 đồng /ngày công		
20	Công lao động phổ thông	1.000 đồng /ngày công		

Người phỏng vấn

Ngày tháng năm 2015

Người được phỏng vấn

PHỤ LỤC 3: BIÊN BẢN PHỎNG VẤN HỘ

Người tham gia: Ông Lương Văn Hoạch, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.

H Hộ gia đình anh có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H Xin hỏi anh, những năm vừa qua, tại địa phương mình có diễn ra hoạt động chuyển nhượng, mua bán đất đai không?

Đ Những năm vừa qua có rất ít hộ mua bán, chuyển nhượng đất. Đất ở có rất ít hoạt động mua bán giữa các hộ dân mà hầu như không có giao dịch nào cả.

H Tại sao hoạt động mua bán đất trong những năm gần đây tại địa phương mình lại diễn ra ít như vậy?

Đ Cái này thì tôi cũng không rõ về nguyên nhân của nó lắm, nhưng theo tôi thì đất ở đây mỗi nhà đều có đất ở rộng và chủ yếu là thừa kế và phân chia do bố mẹ cho con cái mà nếu những hộ có nhu cầu mua đất ở thì cũng làm gì có tiền mà mua.

H Vậy trong vài năm gần đây thì giá mua bán các loại đất ở địa phương mình như thế nào, cụ thể đầu tiên xin hỏi anh là giá mua bán đất ở?

Đ Đất ở thì tôi cũng không tính chi ly cụ thể nhưng như giá đất mà một số hộ đã bán trong vài năm gần đây ở khu vực Quốc lộ 10, vị trí 1 thì vào khoảng 8.000.000 – 10.000.000đ/m² tùy thuộc vào vị trí của mảnh đất. Nhưng trên hợp đồng mua bán thì chỉ khoảng 3.000.000 – 3.500.000 đ/m² thôi.

H Nếu thời điểm hiện tại bà con địa phương mua bán đất ở thì giá vào khoảng bao nhiêu đồng một mét vuông?

Đ Cái đây tôi cũng không rõ vì lâu cũng không có giao dịch, nhưng vị trí đất mặt đường 10 thì chắc cũng phải đến 8.000.000 đ/m² thì người dân mới bán nếu nhà nào có nhu cầu cần bán.

H Còn giá đất vườn ao ở địa phương mình vào khoảng bao nhiêu một mét vuông?

Đ Đất vườn ao trong cùng thửa đất với đất ở trên địa bàn xã không có vì đều hình thành trước năm 1990 nên được tính là đất ở. Tuy nhiên đất cây lâu năm (đất vườn) cũng như đất cây hàng năm thì khoảng 200.000 đồng/m².

H Thế những năm vừa qua thì giá đất nông nghiệp bà con mua bán với nhau như thế nào?

Đ Những năm vừa qua bà con mua bán với nhau đất ruộng bây giờ vào khoảng 200.000 đồng/m² có thể hơn tùy vị trí mà.

H Ở địa phương mình các loại nhà được xây dựng chủ yếu là nhà kiên cố đúng không?

Đ Vâng.

H Thế giá xây dựng thực tế hiện nay của các loại công trình nhà vào khoảng bao nhiêu một mét vuông?

Đ Nó cũng tùy từng loại nhà cụ thể anh ạ, và cũng tùy thuộc vào kết cấu xây dựng cụ thể nữa nhưng để xây dựng những căn nhà như thế thì nó rơi vào khoảng từ 4-5 triệu đồng/m² xây dựng.

H Giá một ngày công xây dựng hiện nay ở đây là bao nhiêu?

Đ Công thợ chính cũng vào khoảng 250.000 – 300.000 đồng/ngày; công thợ phụ khoảng 200.000 đồng/ngày.

H Anh có biết giá nguyên vật liệu xây dựng ở địa phương mình hiện nay là bao nhiêu không?

Đ Cái này thì tôi nắm không được rõ lắm, anh cơ thể hỏi một vài loại nếu tôi biết tôi sẽ trả lời.

H Giá xi măng hiện nay địa phương mình người dân mua là bao nhiêu?

Đ Khoảng 1.500 đồng/kg gì đó.

H Giá sắt anh có biết không?

Đ. Tùy từng loại sắt, như sắt 6, sắt 8 thì khoảng 13.000 đồng/kg.

H Nhà anh có trồng chuối không?

Đ Có

H Một năm một cây chuối thu hoạch khoảng được bao nhiêu tiền?

Đ Như năm vừa qua thì cũng được vào khoảng 100.000 đồng, đó là trung bình đó, còn cũng tùy từng cây.

H Còn các loại cây khác?

Đ Nhãn thì khoảng 1.000.000 đồng/cây, xoài khoảng 800.000 đồng/cây, ...

H Giá 1kg lúa hiện nay là bao nhiêu?

Đ Khoảng 6.500 đồng/kg.

Hộ Lương Văn Hùng, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

H Hộ gia đình anh có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Có, nhà tôi có bị ảnh hưởng.

H Những năm vừa qua, tại thôn mình mình có diễn ra hoạt động chuyển nhượng, mua bán đất đai không?

Đ Mua bán đất thì lâu rồi không có. Nếu có thì chỉ ở các thôn khác thôi.

H Anh có biết lý do tại sao không?

Đ Cái này tôi cũng không biết được, có thể do nhu cầu mua đất ở của bà con không lớn. Với lại ở đây các hộ phần lớn có diện tích đất rộng nên khi cần có thể cất lại cho con, cháu nên việc mua bán đất ở cũng không diễn ra nhiều. Còn đối với những hộ có diện tích đất nhỏ muốn mua thêm đất thì cũng không có tiền để mà mua.

H Giá đất nông nghiệp bà con thường mua bán, chuyển nhượng ở đây là vào khoảng bao nhiêu một mét vuông?

Đ Giá đất nông nghiệp mà cụ thể là đất trồng lúa bà con mua bán, chuyển nhượng với giá khoảng 250.000 – 300.000 đồng/m².

H Còn các loại đất khác thì như thế nào, anh có biết giá đất đất vườn, đất nuôi trồng thủy sản?

Đ Đất vườn, và đất nuôi trồng thú sản thì tôi không nắm rõ lắm.

H Nhà anh có những loại cây cối nào?

Đ Chuối, mít, nhãn, xoài, bạch đàn....

H Nếu tính thành tiền thì thu hoạch khoảng bao nhiêu tiền một cây một năm?

Đ Xoài thì vào khoảng 500 nghìn, nhãn là 300, mít 800, chỉ để ăn chuối thì vào khoảng 90, nói chung là khoảng vậy chứ mình cũng không tính cụ thể.

H Còn lúa,... giá một kg là bao nhiêu?

Đ Trong năm nay thì cũng có nhiều thời điểm giá bán khác nhau, nhưng cũng chỉ dao động từ 6.000 – 7.000 đồng/kg

H Giá xây dựng một mét vuông các loại nhà ở địa phương mình hiện nay như thế nào?

Đ Nhà tôi thì cũng không xây dựng gì những công trình trong những năm vừa qua nhưng như một số nhà gần đây họ làm thì tính ra cũng vào khoảng 4.000.000 - 5.000.000đồng/m².

H Tiền công xây dựng đối với xây nhà ở địa phương mình hiện nay như thế nào?

Đ Tiền xây nhà ở hiện nay ở đây là vào khoảng 200.000 -300.000 đồng/ngày nếu thuê.

H Anh có biết giá các loại nguyên vật liệu xây dựng hiện nay ở địa phương mình là bao nhiêu không?

Đ Xi măng thì khoảng 1.500 đồng/kg, cát là 380.000 đồng/m³.

H Còn giá các loại sắt xây dựng?

Đ Giá sắt thì tôi cũng không rõ lắm, có lẽ vào khoảng 12.000-13.000đồng/kg.

Trịnh Thị Lệ, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng

H Hộ gia đình chị có bị ảnh hưởng bởi tiêu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H Xin chị có biết, trong những năm vừa qua, hoạt động mua bán, chuyển nhượng các loại đất ở địa phương mình diễn ra như thế nào?

Đ Mua bán đất thì ở đây các hoạt động diễn ra không nhiều, gần đây có một số hộ giao dịch đất ở.

H Giá đất ở hiện nay nếu bán ở địa phương mình thì bà con mua bán vào khoảng bao nhiêu tiền một mét vuông?

Đ Thực tế người dân vừa giao dịch là khoảng 3.000.000 đồng/m² nhưng khi làm hợp đồng giao dịch thì chỉ ghi có 500.000 đồng/m².

H Còn giá đất vườn thì sao?

Đ Giá đất vườn ở nơi khác tôi cũng không rõ lắm nhưng ở xã Hòa Bình thì hầu như đều là đất ở vì các hộ có diện tích cũng nhỏ thôi, bình quân chỉ khoảng 100m² nên làm gì có đất vườn đâu.

H Còn các loại đất khác, đất nông nghiệp như thế nào?

Đ Đất nông nghiệp như đất trồng lúa thì thỉnh thoảng cũng có mua bán, giá mua bán theo như tôi thấy thì nó rơi vào khoảng 250.000 – 300.000 đồng/m².

H Nhà chị có trồng các loại cây ăn quả gì?

Đ Nhà tôi trồng nhiều cây lắm, anh nhìn ở xung quang nhà thì thấy dứa, chuối, ổi, mít, chanh, xoài, khế, ...

H Nếu thu hoạch thì một cây một năm được khoảng bao nhiêu tiền?

Đ Thu hoạch như năm vừa rồi tôi không tính cụ thể nhưng cũng kha khá, chuối vào khoảng 60 nghìn một cây, na là 100, ổi là 200, mít là 500, nhãn, xoài 1triệu...

H Thế thì cũng khá phải không?

Đ Vâng. Thì cũng mỗi cây mỗi loại. Chủ yếu chỉ để ăn thôi. Giá thì cứ tạm tính thế.

H Còn giá lúa, năm vừa qua thế nào?

Đ Giá lúa thì bấp bênh lắm năm vừa rồi giá biến động nhiều từ 5.000 – 7.000 đồng/kg

H Tính trung bình thì như thế nào?

Đ Tính trung bình thì lúa khoảng 6.500 đồng.

H Nhà mình có thu nhập từ cây lấy gỗ không?

Đ Không, nhà tôi làm gì có, có đất đâu anh.

H Giá xây dựng một mét vuông các loại nhà ở địa phương hiện nay là bao nhiêu?

Đ Cái này thì tôi không rõ lắm. Nhưng theo tôi để xây được một ngôi nhà như kiểu mà người dân ở đây xây dựng thì nó vào khoảng 4.000.000 – 5.000.000 đồng/m². Cũng tùy từng nhà anh ạ. Nhà to nhà nhỏ khác nhau mà anh.

H Giá công lao động một ngày ở địa phương mình hiện nay là bao nhiêu?

Đ Như tôi thấy thì giá thuê công nhật ở đây vào khoảng 200.000 – 300.000 đồng/ngày tùy vào loại công việc.

H Giá công lao động đối với từng loại nhà và các công trình khác chị có biết không?

Đ Giá lao động xây nhà ở đây vào khoảng 250.000 – 300.000 đồng/ngày

H Còn giá công lao động đối với nông nghiệp?

Đ Cái này tôi không nắm rõ lắm. Nhưng giá thuê gặt là 300.000 đồng/ngày đấy. Nhiều lúc còn không thuê được cơ anh ạ. Vì nhiều nhà có nhu cầu lắm với thời tiết năm nay nóng quá nên cũng cao hơn các năm trước.

H Giá vật liệu xây dựng ở địa phương hiện nay, ví dụ như giá cát, xi măng, sắt thép...?

Đ Cái này tôi không nắm rõ lắm.

H Vâng, cảm ơn chị!

Hộ: Phạm Văn Chiến, thôn 11 - xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên

H Hộ gia đình anh có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Có, nhà tôi có bị ảnh hưởng.

H Hiện tại giá bán đất ở tại địa phương mình như thế nào?

Đ Đất ở như ở chỗ chúng tôi hiện nay thì nếu bán thì cũng phải khoảng 3.000.000 đồng/m².

H Còn giá đền bù đất nông nghiệp anh có biết không?

Đ Hình như là 60.000 đồng.

H Nếu nhà anh bán thì anh bán với giá bao nhiêu ở thời điểm này?

Đ Nếu bán thì phải giá cao hơn, phải là 250.000 -300.000 đồng/m²

H Còn mức giá trước đây thì như thế nào?

Đ Trước đây cũng vào khoảng 200.000 đồng.

H Giá ngày công lao động xây nhà ở địa phương hiện nay?

Đ Tùy loại thợ, thợ chính khoảng 250.000 – 300.000 đồng/ngày, thợ phụ thì khoảng 200.000 đồng/ngày

H Còn giá ngày công lao động loại khác....?

Đ Cái này tôi không nắm rõ. Nhưng giá người dân đi gặt thuê cũng 300.000 đồng/ngày, nhiều lúc còn không có người mà thuê. Vì vào mùa gặt mà nhà nào cũng có nhu cầu.

H Giá các loại nguyên vật liệu xây dựng ở địa phương hiện nay người dân mua thế nào?

Đ Cát thì giá là khoảng 400.000 đồng/m³

H Còn xi măng.

Đ Cũng vào khoảng 1.500 đồng/kg

H: Thế còn giá sắt thép

Đ: Cũng vào khoảng 13.000 đồng/kg tùy loại

H: Thế còn cây cối giá cả thế nào anh?

Đ: Tôi cũng không rõ, như anh thấy đấy nhà tôi có mỗi nhà không, có cây nào đâu.

H Vâng, cảm ơn anh!

Hộ Trần Văn Dĩnh, Thôn 11 xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên

H Hộ gia đình anh có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H Những năm vừa qua, hoạt động mua bán các loại đất ở địa phương mình diễn ra có sôi nổi không?

Đ Những năm vừa qua cũng có một số hộ mua bán, chuyển nhượng đất ở, đất nông nghiệp, nhưng cũng không có nhiều.

H Anh thấy các hộ đã mua bán giá đất ở thì giá đất ở là bao nhiêu?

Đ Như vừa rồi có hộ vừa bán đất ở với giá tính cũng vào khoảng 3.000.000 đồng/m²

H Nếu gia đình anh bán đất ở hiện nay thì giá bao nhiêu?

Đ Cũng phải như các hộ đã bán rồi.

H Tức là 3.000.000 đồng/m²?

Đ Đấy, cũng phải giá đấy.

H Đất lúa thì được bán ở mức giá nào?

Đ Khoảng 200.000 -300.000 đồng/m².

H Anh có biết giá xây dựng một mét vuông các loại nhà ở ở địa phương mình hiện nay như thế nào không?

Đ Cái đó thì tôi không nắm rõ.

H Giá ngày công lao động xây dựng nhà ở địa phương anh có biết là bao nhiêu không?

Đ Giá ngày công lao động một ngày xây nhà hiện nay vào khoảng 200.000 -300.000 đồng thì phải.

H Còn giá ngày công lao động xây dựng các công trình khác ở địa phương hiện nay là bao nhiêu?

Đ Cái đó tôi không rõ lắm nhưng chắc cũng bằng với giá xây nhà thôi vì cũng đều là xây dựng mà.

H Giá nguyên vật liệu thì anh có biết không?

Đ Cái đấy thì mình cũng không biết, vì lâu rồi không để ý đến mấy cái đó.

H Giá trị tính thành tiền một cây một năm của các loại cây của gia đình anh năm vừa rồi là bao nhiêu, anh ước khoảng thôi?

Đ Tôi cũng không tính kỹ, nhưng nếu ước tính thì chuối được 80.000 đồng/cây, mít khoảng 500, xoài khoảng 700.

H Còn giá lúa năm vừa rồi, giá một kg ấy là bao nhiêu?

Đ Giá lúa năm vừa qua thì khoảng 6.500 đồng/kg.

H Vâng, cảm ơn anh!

Hộ: Ông Trần Văn Xá, thôn 11 xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên

H Hộ gia đình anh có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Có, nhà tôi có bị ảnh hưởng.

H Xin hỏi anh, những năm vừa qua, tại địa phương mình có diễn ra hoạt động chuyển nhượng, mua bán đất đai không?

Đ Ở đây nếu mua bán đất nhiều thì chỉ có ở khu vực mặt đường TL359 thôi, ở đó còn có thể kinh doanh chứ trong thôn thì ít.

H Trong vài năm gần đây thì giá mua bán các loại đất ở địa phương mình như thế nào, cụ thể đầu tiên xin hỏi anh là giá mua bán đất ở?

Đ Như giá đất ở khu vực mặt đường theo tôi biết thì nó phải khoảng 7.000.000 – 8.000.000 đồng/m².

H Như vậy là giá đất cũng tương đối cao phải không?

Đ : Cũng phải thế đó anh ơi, ở khu vực này kinh doanh được, lại nằm trên đường giao thông lớn nên giá đất phải cao hơn so với các khu vực khác rồi.

H Nếu thời điểm hiện tại bà con địa phương mua bán đất ở tại các khu vực khác thì giá vào khoảng bao nhiêu 1 m²?

Đ Giá đất ở đây cũng tùy khu vực tôi cũng không nắm rõ lắm.

H Thế những năm vừa qua thì giá đất lúa bà con mua bán với nhau như thế nào?

Đ Những năm vừa qua bà con mua bán với nhau khoảng 250.000 – 300.000 đồng/m² cũng còn tùy vào gần đường hay không, chân đất cao hay thấp vì nông nghiệp mà phụ thuộc vào nguồn nước nhiều lắm.

H Theo giá xây dựng thực tế hiện nay của các loại công trình nhà ở địa phương mình khoảng bao nhiêu một mét vuông?

Đ Cũng tùy từng loại nhà anh ạ, như căn nhà tôi biết mới xây thì tính ra nó rơi vào khoảng 5 triệu/m².

H Giá một ngày công xây dựng hiện nay ở đây là bao nhiêu?

Đ Khoảng 200.000 – 300.000 đồng,

H Anh có biết giá nguyên vật liệu xây dựng ở địa phương mình hiện nay là bao nhiêu không?

Đ Theo như tôi được biết thì giá cát vào khoảng 380.000 – 400.000 đồng/khối, giá xi măng tùy loại nhưng tính trung bình thì cũng vào khoảng 1.500, giá sắt cũng tùy loại và nó dao động từ 10-13 nghìn đồng/kg

H Nhà anh trồng những loại cây gì?

Đ Nhà tôi trồng nhiều loại cây lắm: Như nhãn, xoài, chuối, ổi, na, sấu... tôi chỉ liệt kê một vài loại như thế thôi

H Một năm mỗi loại cây anh trồng thì thu được khoảng bao nhiêu tiền?

Đ Để phân ra từng loại cây như thế thì tôi không nhớ rõ, nhưng cũng không nhiều đâu anh ạ, toàn để ăn là chính mà.

H Giá 1kg lúa hiện nay là bao nhiêu?

Đ Khoảng 6.500 đồng/kg.

H: Vâng, cảm ơn anh!

Hộ Phạm Văn Giang, xã An Lữ huyện Thủy Nguyên

H Hộ gia đình anh có bị ảnh hưởng bởi tiêu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H Anh có biết giá đất ở địa phương mình như thế nào không?

Đ Cái này thì tôi cũng không nắm rõ đâu. Nhưng đất trong thôn An Lão thì khoảng 2.000.000 đồng/m². Đất đường trục xã thì khoảng 3.000.000 đồng/m² gì đó.

H: Thế còn đất nông nghiệp thì giá bao nhiêu?

Đ: Gần đây không có giao dịch nào nhưng năm 2011 có dự án đền bù 70 triệu/sào (360m²) gần theo VSIP đền bù khoảng 130 triệu đồng/sào, cũng vào khoảng 360.000 đồng/m² thì phải. Đó là tôi nghe thông tin từ các xã khác có dự án.

H Nhà anh có những loại cây nào?

Đ Chuối, mít, nhãn, xoài, bạch đàn....

H Nếu tính thành tiền thì thu hoạch khoảng bao nhiêu tiền một cây một năm?

Đ Xoài thì vào khoảng 600 nghìn, nhãn là 800, mít 500, còn các loại khác thì chủ yếu là dùng để ăn, bạch đàn thì chưa cho thu hoạch chuối thì vào khoảng 100.

H Còn lúa,... giá một kg là bao nhiêu?

H: Giá lúa hiện nay như thế nào?

Đ Trong năm nay thì cũng có nhiều thời điểm giá bán khác nhau, nhưng bình quân lại thì khoảng 6.5000 đồng.

H Giá xây dựng một mét vuông các loại nhà... ở địa phương mình hiện nay như thế nào?

Đ Cái này thì tôi nắm không rõ đâu.

H Tiền công xây dựng đối với xây nhà ở ở địa phương mình hiện nay như thế nào?

Đ Tiền xây nhà ở hiện nay ở đây là vào khoảng 200.000 đồng nếu thuê.

H Còn tiền công xây dựng các công trình khác?

Đ Các công trình khác thì cũng như thế thôi.

H Anh có biết giá các loại nguyên vật liệu xây dựng hiện nay ở địa phương mình là bao nhiêu không?

Đ: Cái này thì tôi không nắm rõ đâu.

H: Vâng, cảm ơn anh!

Trần Thị Nhung, xã An Lư huyện Thủy Nguyên

H Hộ gia đình chị có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Có, nhà tôi có bị ảnh hưởng.

H Xin chị cho biết hoạt động mua bán đất nông nghiệp ở địa phương mình như thế nào?

Đ Mua bán các loại đất nông nghiệp thì ở đây diễn ra cũng không nhiều.

H: Thế giá đất lúa ở địa phương mình như thế nào?

Đ: Giá đất lúa thì vào khoảng 200.000-300.000 đồng/m² cho từng vị trí đẹp hay không đẹp khác nhau.

H Giá lúa,... năm vừa qua thế nào?

Đ Giá lúa thì bấp bênh lắm năm vừa rồi giá biến động nhiều từ 5.000 – 7.000 đồng/kg

H Tính trung bình thì như thế nào?

Đ Tính trung bình thì lúa khoảng 6.000 đồng.

H Nhà mình có thu nhập từ cây lấy gỗ không?

Đ Không, nhà tôi không trồng mấy cây lấy gỗ, tôi chỉ trồng mấy loại cây ăn trái thôi.

H: Thế hàng năm chị thu hoạch được bao nhiêu từ các loại cây đó

Đ: Mít thì khoảng 400-500 nghìn, xoài thì khoảng 800 nghìn, ổi thì khoảng 200-300, ...cũng tùy anh ạ, chủ yếu để ăn mà. Thi thoảng nhiều thì đem ra chợ bán.

H Giá xây dựng một mét vuông các loại nhà ở địa phương hiện nay là bao nhiêu?

Đ Cái này thì tôi không rõ lắm. Nhưng theo tôi để xây được một ngôi nhà như kiểu mà người dân ở đây xây dựng thì nó vào khoảng 4.000.000 – 5.000.000 đồng/m², mà cũng tùy từng nhà có điều kiện kinh tế như thế nào.

H Chị có biết giá thành xây mô mã ở địa phương mình như thế nào không?

Đ Cũng tùy từng loại, mộ đất thì khoảng 3-4 triệu, mộ xây thì cũng tùy có nhà xây hết 6-7 triệu, có nhà thì 9-10 triệu cũng có. Do điều kiện từng nhà.

H Giá công lao động một ngày ở địa phương mình hiện nay là bao nhiêu?

Đ Như tôi thấy thì giá thuê công nhật ở đây vào khoảng 200.000 – 300.000 đồng/ngày tùy vào loại công việc.

H Giá công lao động đối với từng loại nhà và các công trình khác chị có biết không?

Đ Giá lao động xây nhà ở đây vào khoảng 250.000 – 300.000 đồng/ngày

H Còn giá công lao động đối với các công trình xây dựng khác?

Đ Cái này tôi không nắm rõ lắm.

H Giá vật liệu xây dựng ở địa phương hiện nay, ví dụ như giá cát, xi măng, sắt thép...?

Đ Tôi chỉ biết giá cát là khoảng 300.000, còn giá xi măng, và giá sắt thì tôi không nắm rõ lắm.

H Vâng, cảm ơn chị!

Hộ: Phạm Văn Tự, xã An Lư huyện Thủy Nguyên

H Hộ gia đình anh có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H Hiện tại giá bán đất ở tại địa phương mình như thế nào?

Đ Cái này tôi không nắm rõ đâu, anh phải hỏi người khác thôi, vì tôi không để ý mấy cái chuyện buôn bán đất này đâu.

H Giá xây dựng một mét vuông nhà ở địa phương mình hiện nay là khoảng bao nhiêu?

Đ Cái này nhà tôi không xây dựng nên tôi cũng không rõ.

H Giá ngày công lao động xây nhà ở địa phương hiện nay?

Đ Khoảng 200.000 đồng.

H Còn giá ngày công lao động các công trình khác như cống, chuồng trại,....?

Đ Chắc là cũng tầm giá đó hoặc rẻ hơn chút thôi.

H Giá các loại nguyên vật liệu xây dựng ở địa phương hiện nay người dân mua thế nào?

Đ Cát thì giá là 300.

H Còn xi măng.

Đ Giá vào khoảng 1500.

H Vâng, cảm ơn anh!

Hộ Lê Văn Hưởng, xã Thủy Triều huyện Thủy Nguyên

H Hộ gia đình anh có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H Tình hình mua bán đất ở địa phương mình những năm qua như thế nào?

Đ Hiện thì không có giao dịch gì. Nhưng đất tuyến TL359 thì cũng khoảng 7-8 triệu/m².

H: Thế còn đất nông nghiệp thì như thế nào?

Đ: Gần đây thì không có giao dịch nhưng trước đây đền bù gấp 2 lần giá nhà nước thì thấp quá, nhưng giờ đây được hỗ trợ gấp 5 lần thì bà con có vẻ đồng tình.

H Anh có biết giá xây dựng một mét vuông các loại nhà ở ở địa phương mình hiện nay như thế nào không?

Đ Bây giờ để xây dựng được một căn nhà thì giá của nó cũng phải từ 3.500.000 – 4.500.000 đồng/m². Cũng tùy từng loại nhà.

H: Nhà anh trồng những loại cây gì?

Đ: Nhà tôi trồng một số loại cây như: cây ăn trái thì có chuối, đu đủ, xoài, mít, sấu, ổi... Cây bong mát thì có: Bạch đàn, phượng...

H: Hàng năm anh thu được bao nhiêu từ các loại cây đó.

Đ: Chuối thì tôi thu được 80.000, đu đủ thì 100.000, mít thì 500.000... nhiều cây thì cũng chẳng rõ nữa vì vừa ăn vừa bán.

H: Anh có biết giá của một số loại cây lấy gỗ mà vườn nhà anh trồng hay không?

Đ: Theo như tôi được biết thì giá bạch đàn loại cây mà đường kính nhỏ hơn 10 cm thì được bán giá là 50 nghìn đồng/cây, to thì 100 nghìn đồng/cây. Chủ yếu là để phục vụ xây dựng mà anh.

H Vâng, cảm ơn anh!

Hộ: Ông Đỗ Văn Bắc, xã Thủy Triều huyện Thủy Nguyên

H Hộ gia đình anh có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Có, nhà tôi có bị ảnh hưởng.

H: Xin hỏi anh, những năm vừa qua, tại địa phương mình có diễn ra hoạt động chuyên nhượng, mua bán đất đai không?

Đ: Tôi cũng không rõ, chắc nếu có thì cũng ở mặt đường chứ, ở đó thì còn kinh doanh được. Còn ở các khu vực khác thì ít lắm, mấy năm nay khó khăn người dân làm gì có tiền mua đất đâu.

H: Trong vài năm gần đây thì giá mua bán các loại đất ở địa phương mình như thế nào, cụ thể đầu tiên xin hỏi anh là giá mua bán đất ở?

Đ: Như giá đất ở khu vực mặt đường TL359 theo tôi biết thì nó phải trên 6.500.000 đồng/m². Nhưng cũng có chỗ bán 8 triệu mà mãi chẳng có ai mua, nó tùy vị trí anh ạ.

H: Những năm vừa qua thì giá đất lúa bà con mua bán với nhau như thế nào?

Đ: Những năm vừa qua bà con mua bán với nhau đất lúa vào khoảng 200.000 – 300.000 đồng/m².

H: Theo giá xây dựng thực tế hiện nay của các loại công trình nhà ở địa phương mình khoảng bao nhiêu một mét vuông?

Đ: Cũng tùy từng loại nhà anh ạ, như mấy hộ ở đây xây thì nó cũng phải đến: 4 triệu/m².

H: Giá một ngày công xây dựng hiện nay ở đây là bao nhiêu?

Đ: Nếu xây nhà thì giá ngày công là vào khoảng 250.000 đồng, còn các công trình xây dựng khác là khoảng 200.000 đồng.

H: Anh có biết giá nguyên vật liệu xây dựng ở địa phương mình hiện nay là bao nhiêu không?

Đ: Giá cát thì khoảng 300 nghìn, giá xi măng thì 1600, giá sắt thì 10 – 20 nghìn tùy loại

H: Nhà anh có trồng nhiều loại cây không?

Đ: Có.

H: Một năm mỗi loại cây anh trồng thì thu được khoảng bao nhiêu tiền?

Đ: Nhãn thì khoảng 1.000.000 đồng/cây, xoài khoảng 800.000 đồng/cây, ...

H: Giá 1kg lúa hiện nay là bao nhiêu?

Đ: Khoảng 6.500 đồng/kg.

H: Vâng, cảm ơn anh!

Hộ Nguyễn Văn Tư, xã Thủy Triều huyện Thủy Nguyên

H Hộ gia đình anh có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H: Anh có biết giá đất ở địa phương mình như thế nào không?

Đ: Cái này thì tôi cũng không nắm rõ đâu.

H: Nhà anh trồng những loại cây nào?

Đ: Chuối, mít, nhãn, xoài, măng cầu, bạch đàn....

H: Nếu tính thành tiền thì thu hoạch khoảng bao nhiêu tiền một cây một năm?

Đ: Xoài thì vào khoảng 700 nghìn, nhãn là 550, mít 500, còn các loại khác thì chủ yếu là dùng để ăn, bạch đàn thì chưa cho thu hoạch chuối thì vào khoảng 80 nghìn.

H: Còn lúa,... giá một kg là bao nhiêu?

Đ: Trong năm nay thì cũng có nhiều thời điểm giá bán khác nhau, nhưng bình quân lại thì khoảng 6.5000 đồng.

H: Giá xây dựng một mét vuông các loại nhà,... ở địa phương mình hiện nay như thế nào?

Đ: Cái này thì tôi nắm không rõ đâu.

H: Tiền công xây dựng đối với xây nhà ở ở địa phương mình hiện nay như thế nào?

Đ: Tiền xây nhà ở hiện nay ở đây là vào khoảng 250.000 đồng nếu thuê.

H: Còn tiền công xây dựng các công trình khác?

Đ: Các công trình khác thì cũng như thế thôi.

H: Anh có biết giá các loại nguyên vật liệu xây dựng hiện nay ở địa phương mình là bao nhiêu không?

Đ: Cái này thì tôi không nắm rõ đâu.

Ông Đỗ Văn Biên, xã Thủy Triều (chủ cửa hàng VLXD)

H Hộ gia đình anh có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H: Anh có biết tình hình mua bán đất ở địa phương mình không?

Đ: Tôi cũng không rõ lắm nhưng đất ở mặt đường TL359 thì cao vì ở đây còn kết hợp để kinh doanh được, chứ ở các khu vực trong thôn thì cũng thấp thôi.

H: Thấp là khoảng bao nhiêu anh?

Đ: Thì mặt đường 359 thì khoảng 7-8 triệu/m² còn trong đường thôn thì khoảng 2,5-3 triệu/m².

H: Anh biết giá xây dựng nhà ở đây là bao nhiêu không?

Đ: Cái này thì tôi rõ lắm. Tùy từng loại nhà, sử dụng vật liệu xây dựng khác nhau. Chủ yếu thì khoảng 4-5 triệu/m² xây dựng. Có nhà còn hơn do còn phần trang trí có cầu kỳ hay không.

H: Thế còn giá vật liệu xây dựng như thế nào anh?

Đ: Giá vật liệu xây dựng giờ có giá chung rồi anh ạ. Hàng tháng có bảng giá của nhà cung cấp. Cát thì khoảng 350-400 nghìn/m³. Sắt thì tùy loại, loại bán cân, loại bán cây. Có bảng giá anh ạ. Ở đây mà bán đất hơn các nơi khác là người dân không mua ngay.

H: Thế giá của các đồ nội thất thì thế nào như đồ công trình vệ sinh?

Đ: Cũng tùy từng hãng và chất lượng khác nhau. Ví dụ một bộ sứ vệ sinh của INAX loại bình thường thì khoảng 2,5 triệu/bộ.

H: Theo anh bảng giá mà thành phố đưa ra có hợp lý với thực tế mà bảng giá anh đang kinh doanh không?

Đ: Tôi cũng không để ý lắm đến bảng giá mà thành phố đưa ra vì chủ yếu là theo bảng giá của công ty quy định. Mình là đại lý mà anh, giá do công ty chứ có do mình đâu. Nhìn tôi xem qua bảng giá thành phố mà các anh đưa ra thì cũng hợp lý thôi. Còn chi tiết thì cùng khó mà so sánh.

H: Vâng cảm ơn anh.

Hộ Nguyễn Thị Tới, xã Trung Hà huyện Thủy Nguyên

H Hộ gia đình chị có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Có, nhà tôi có bị ảnh hưởng.

H: Chị cho biết tình hình mua bán đất ở trên địa bàn xã mình gần đây như thế nào?

Đ: Tôi cũng nắm rõ.

H: Thế đất nông nghiệp thì có giao dịch gì không?

Đ: Gần đây hình như cũng không có giao dịch gì thì phải, nếu cần biết rõ anh hỏi người khác xem.

H: Nếu nhà chị cần bán đất nông nghiệp thì giá bao nhiêu thì bán?

Đ: Chắc thì cũng giống các xã khác thôi. Cũng phải khoảng 300.000 đồng/m²

H: Nhà chị có trồng nhiều loại cây không?

Đ: Có

H: Đó là những loại cây nào?

Đ: Thì toàn những cây trong vườn thôi, ít cây ăn quả như mít, xoài, sấu, ổi, chanh...

H: Giá của các loại cây như thế nào?

Đ: Cũng chẳng có mua bán nào mà biết anh ạ

H: Thế thu nhập từ các loại cây mọi năm như thế nào ạ?

Đ: Chủ yếu là để ăn thôi, mít thì khoảng 500, ổi 200, xoài 800 nghìn anh ạ

H: Chị có biết giá xây dựng nhà là bao nhiêu không?

Đ: Tôi cũng không rõ, cái đó hỏi mấy ông đàn ông thì rõ hơn

H: Vâng cảm ơn chị.

Ông Nguyễn Văn Bích, xã Ngũ Lão huyện Thủy Nguyên

H Hộ gia đình anh có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H: Những năm vừa qua, hoạt động mua bán các loại đất ở địa phương mình diễn ra có sôi nổi không?

Đ: Giao dịch của người dân cũng nhiều anh ạ; vì xã Ngũ Lão cũng là một trong những xã trung tâm của huyện. Nhất là mặt đường TL359.

H: Anh thấy các hộ đã mua bán giá đất ở thì giá đất ở là bao nhiêu?

Đ: Như vừa rồi có hộ vừa bán đất giá 8.500.000 đồng/m², có xác nhận hợp đồng chuyển nhượng của xã anh ạ. Đó là vị trí 1 mặt đường 359.

H: Nếu gia đình anh bán đất ở hiện nay thì giá bao nhiêu?

Đ: Cũng phải như các hộ đã bán rồi.

H: Tức là 8.500.000 đồng/m²?

Đ: Đấy, cũng phải giá đấy.

H: Đất lúa thì được bán ở mức giá nào?

Đ: Khoảng 200.000 -300.000 đồng/m².

H: Anh có biết giá xây dựng một mét vuông các loại nhà ở ở địa phương mình hiện nay như thế nào không?

Đ: Như tôi biết nhà xây dựng 2 tầng trở lên thì giá xây dựng là 5.000.000 đồng/m²

H: Giá ngày công lao động xây dựng nhà ở địa phương anh có biết là bao nhiêu không?

Đ: Giá ngày công lao động một ngày xây nhà hiện nay vào khoảng 200.000 -300.000 đồng tùy loại thợ. Thợ chính 300.000 đồng/ngày; thợ phụ thì 200.000 đồng/ngày.

H: Còn giá ngày công lao động xây dựng các công trình khác ở địa phương hiện nay là bao nhiêu?

Đ: Cái đó tôi không rõ lắm nhưng chắc cũng bằng với giá xây nhà thôi vì cũng đều là xây dựng mà.

H: Giá nguyên vật liệu thì anh có biết không?

Đ: Giá xi măng khoảng 1.400.000 đồng/tấn, cát 380.000 đồng/m³; sắt thì tùy loại như sắt 6, sắt 8 thì 13.000 đồng/kg.

H: Anh có biết giá xây dựng mộ mà ở địa phương mình như thế nào không?

Đ: Như tôi biết thì tùy từng loại mộ mà có giá thành khác nhau, mộ đất thì khoảng 3.000.000 đồng, mộ xây thì tùy mức độ xây như thế nào, xây đơn giản thì 4 triệu,, cầu kỳ thì có khi đến 10 triệu đó là không tính tiền mua đất đâu nhé.

H: Còn giá lúa năm vừa rồi, giá một kg ấy là bao nhiêu?

Đ: Giá lúa năm vừa qua thì khoảng 6.500 đồng/kg.

H: Vâng, cảm ơn anh!

Hộ Bà Nguyễn Thị Chiên, xã Ngũ Lão huyện Thủy Nguyên

H: Hộ gia đình chị có bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ: Có, nhà tôi có bị ảnh hưởng.

H Xin chị cho biết hoạt động mua bán đất ở địa phương mình như thế nào?

Đ Mua bán các loại đất nông nghiệp thì ở đây diễn ra cũng không nhiều. Nhưng mua bán đất ở thì cũng có đấy.

H: Thế giá đất ở, người dân mua bán như thế nào?

Đ: Mặt đường 359 thì giá cao khoảng 8 triệu/m² còn đường trục thôn thì khoảng 3-3,5 triệu/m²

H: Thế giá đất nông nghiệp thì thế nào?

Đ: Cái đó tôi cũng không rõ, vì gia đình tôi là giáo viên nay đã nghỉ hưu nên cũng không để ý lắm. Hơn nữa ở gần nhà tôi thì không ai mua bán cả nên cũng không biết.

H: Giá xây dựng một mét vuông các loại nhà ở địa phương hiện nay là bao nhiêu?

Đ: Cái này thì tôi không rõ lắm. Nhưng theo tôi để xây được một ngôi nhà như kiểu mà người dân ở đây xây dựng thì nó vào khoảng 4.000.000 – 5.000.000 đồng/m², mà cũng tùy từng nhà có điều kiện kinh tế như thế nào.

H: Chị có biết giá thành xây mô mã ở địa phương mình như thế nào không?

Đ: Cũng tùy từng loại, mộ đất thì khoảng 3-4 triệu, mộ xây thì cũng tùy có nhà xây hết 6-7 triệu, có nhà thì 9-10 triệu cũng có. Do điều kiện từng nhà.

H: Giá công lao động một ngày ở địa phương mình hiện nay là bao nhiêu?

Đ: Như tôi thấy thì giá thuê công nhật ở đây vào khoảng 200.000 – 300.000 đồng/ngày tùy vào loại công việc.

H: Giá công lao động đối với từng loại nhà và các công trình khác chị có biết không?

Đ: Giá lao động xây nhà ở đây vào khoảng 250.000 – 300.000 đồng/ngày

H: Còn giá công lao động đối với các công trình xây dựng khác?

Đ: Cái này tôi không nắm rõ lắm.

H: Giá vật liệu xây dựng ở địa phương hiện nay, ví dụ như giá cát, xi măng, sắt thép...?

Đ: Tôi không nắm rõ lắm.

H: Vâng, cảm ơn chị!

Hộ Lê Thị Hiền, xã Ngũ Lão huyện Thủy Nguyên (hộ vừa mới xây nhà)

H: Hộ gia đình chị có bị ảnh hưởng bởi tiêu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ: Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H: Xin chị cho biết hoạt động mua bán đất ở địa phương mình như thế nào?

Đ: Trong thôn thì giao dịch không nhiều, có mấy hộ ở mặt đường 359 thì có mua bán.

Đ: Mua bán các loại đất nông nghiệp thì ở đây diễn ra cũng không nhiều.

H: Giá giao dịch của người dân là bao nhiêu?

Đ: Tôi cũng không nắm chắc, hình như khoảng 8 triệu thì phải.

H: Thế giá đất lúa ở địa phương mình như thế nào?

Đ: Giá đất lúa thì vào khoảng 200.000-300.000 đồng/m² cho từng vị trí đẹp hay không đẹp khác nhau.

H: Giá xây dựng một mét vuông các loại nhà ở địa phương hiện nay là bao nhiêu?

Đ: Cũng tùy từng nhà, như nhà tôi vừa xây thì khoán gọn cho thợ là 4 triệu/m² xây dựng. Mình chỉ trông coi thôi, chứ mình có chuyên môn đâu anh.

H: Chị có biết giá thành xây mô mã ở địa phương mình như thế nào không?

Đ: Cũng tùy từng loại, mộ đất thì khoảng 3-4 triệu, mộ xây thì cũng tùy có nhà xây hết 6-7 triệu, có nhà thì 9-10 triệu cũng có.

H Giá công lao động một ngày ở địa phương mình hiện nay là bao nhiêu?

Đ Như tôi thấy thì giá thuê công nhật ở đây vào khoảng 200.000 – 300.000 đồng/ngày tùy vào loại công việc.

H Giá vật liệu xây dựng ở địa phương hiện nay?

Đ Giá cát như nhà tôi mua là 380.000 đồng/m³, xi măng 1.450.000 đồng/tấn. Sắt 6, sắt 8 thì 13.000 đồng/kg còn các loại khác thì tôi cũng không nhớ rõ lắm vì có báo giá của cửa hàng vật liệu xây dựng mà anh.

H Vâng, cảm ơn chị!

Bà Đinh Thị Vĩnh, xã Ngũ Lão huyện Thủy Nguyên (chủ cửa hàng VLXD)

H Hộ gia đình chị có bị ảnh hưởng bởi tiêu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H: Xin anh cho biết hoạt động mua bán đất ở địa phương mình như thế nào?

Đ: Tôi cũng không để ý lắm

H: Giá xây dựng một mét vuông các loại nhà ở địa phương hiện nay là bao nhiêu?

Đ: Theo tôi để xây được một ngôi nhà như kiểu mà người dân ở đây xây dựng thì nó vào khoảng 3.500.000 – 5.000.000 đồng/m². Thậm chí có nhà lên đến 5,5 – 6 triệu/m². Mà cũng có nhà chỉ 3 triệu thôi, tùy điều kiện gia đình.

H: Giá công trình phụ như thế nào?

Đ: Thường giờ đây bà con xây luôn cùng với nhà như là thành phố anh ạ, giờ cũng khác ngày xưa rồi.

H: Giá công lao động một ngày ở địa phương mình hiện nay là bao nhiêu?

Đ: Như tôi thấy thì giá thuê công nhật ở đây vào khoảng 250.000 – 300.000 đồng/ngày tùy vào loại công việc.

H: Giá vật liệu xây dựng ở địa phương hiện nay, ví dụ như giá cát, xi măng, sắt thép...?

Đ: Giờ có đơn giá của các nhà cung cấp anh ạ. Nó cũng thay đổi tùy thuộc vào thị trường.

H: Theo như chị kinh doanh vật liệu xây dựng thì bảng giá mà thành phố đưa ra có hợp lý với thực tế mà bên chị đang kinh doanh không.

Đ: Theo như bảng giá anh cho xem thì cũng thấy hợp lý anh ạ. Chứ nhiều loại như thế thì cũng khó mà chính xác tuyệt đối.

H: Vâng, cảm ơn chị!

Bà Đinh Thị Nhàn, xã Phả Lễ huyện Thủy Nguyên

H Hộ gia đình chị có bị ảnh hưởng bởi tiêu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H Xin chị cho biết hoạt động mua bán đất nông nghiệp ở địa phương mình như thế nào?

Đ Hiện tại không có giao dịch nào cả.

H: Thế còn giá đất ở thì bao nhiêu?

Đ: Tùy từng vị trí, đất trục xã khoảng 2 triệu, nếu bán cả đất và nhà thì khoảng 2,5 triệu

H Giá xây dựng một mét vuông các loại nhà ở địa phương hiện nay là bao nhiêu?

Đ Cái này thì tôi không rõ lắm. Anh hỏi người khác thì sẽ rõ hơn.

H Chị có biết giá thành xây mồ mả ở địa phương mình như thế nào không?

Đ Cũng tùy từng loại, mộ đất thì khoảng 3-4 triệu, mộ xây thì cũng tùy có nhà xây hết 6-7 triệu, có nhà thì 9-10 triệu cũng có.

H Giá công lao động một ngày ở địa phương mình hiện nay là bao nhiêu?

Đ Như tôi thấy thì giá thuê công nhật ở đây vào khoảng 200.000 – 300.000 đồng/ngày tùy vào loại công việc.

H Giá công lao động đối với từng loại nhà và các công trình khác chị có biết không?

Đ Giá lao động xây nhà ở đây vào khoảng 250.000 – 300.000 đồng/ngày

H Còn giá công lao động đối với các công trình xây dựng khác?

Đ Cái này tôi không nắm rõ lắm.

H Giá vật liệu xây dựng ở địa phương hiện nay, ví dụ như giá cát, xi măng, sắt thép...?

Đ Tôi chỉ biết giá cát là khoảng 300.000, còn giá xi măng, và giá sắt thì tôi không nắm rõ lắm.

H Vâng, cảm ơn chị!

Bà Vũ Thị Ngọt, xã Lập Lễ huyện Thủy Nguyên

H Hộ gia đình chị có bị ảnh hưởng bởi tiêu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H: Chị có biết tình hình mua bán đất đai ở địa phương không?

Đ: Ở đây giao dịch cũng ít thôi, giá đất ở đường trục xã khoảng 4-4,5 triệu/m², đường trong thôn thì khoảng 3tr.

H: Thế còn tình hình mua bán đất nông nghiệp thì như thế nào?

Đ: Thì cũng như các nơi khác trong vùng thôi, khoảng 300.000 đồng/m².

H: Ở đây cây trái, hoa màu thì có giao dịch gì ko?

Đ: Từ trước đến giờ cũng không thấy có giao dịch gì cả?

H: Như nhà chị có trồng nhiều cây không?

Đ: Cũng có trồng, mỗi loại một ít chủ yếu là để gia đình sử dụng, có buôn bán gì đâu

H: Ở đây việc xây dựng mồ mã thì hết khoảng bao nhiêu?

Đ: Cũng tùy từng loại mộ, nhưng ít nhất thì cũng khoảng 3 triệu, nhiều thì cũng khó nói lắm.

H: Đơn giá xây dựng nhà cửa ở đây khoảng bao nhiêu 1 m²?

Đ: Cũng tùy loại nhà, nhưng giờ xây dựng nhà cũng tốn lắm, chắc phải 4-5 triệu/m² mới xây dựng được

H: Vâng cảm ơn chị

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Vân, phường Máy Tơ quận Ngô Quyền

H Hộ gia đình chị có bị ảnh hưởng bởi tiêu dự án “Đường trục chính đô thị thành phố Hải Phòng” không?

Đ Không, nhà tôi không bị ảnh hưởng.

H: Tình hình giao dịch đất ở địa phương mình như thế nào?

Đ: Nếu ở phường thì lớn lắm, không biết rõ đâu anh

H: Thế chị có biết việc giao dịch đất ở đường Nguyễn Trãi không?

Đ: Gần đây mua bán ở đường Nguyễn Trãi hầu như không có vì người dân đã nghe thông tin có dự án làm cầu từ lâu nên không có giao dịch gì cả. Như nhà số 43 Nguyễn Trãi đã có nhu cầu bán đã lâu nhưng có ai mua đâu.

H: Thế nhà 43 Nguyễn Trãi người ta đòi giá bao nhiêu?

Đ: Người ta đòi cả nhà cả đất là khoảng 4 tỷ đồng. Nhà 2 tầng anh ạ. Diện tích đất khoảng 50m².

H: Tính ra thì cũng phải khoảng 40 triệu/m²

Đ: Vâng cũng phải tầm đó

H: Thế còn trường hợp nào giao dịch thành công gần đây không chị?

Đ: Hình như chỉ có 1 trường hợp, đó là số nhà 20 Nguyễn Trãi.

H: Thế giá giao dịch là bao nhiêu chị có biết không?

Đ: Trường hợp này là gia đình thế chấp Ngân hàng nhưng không có khả năng để trả nợ nên ngân hàng đem đấu giá. Giá đấu giá là 4,4 tỷ đồng.

H: Thế 4,4 tỷ đồng là nhà và đất đúng không?

Đ: Vâng diện tích đất hình như khoảng 80m², nhà 3 tầng anh ạ

H: Thế tính ra thì tiền đất là bao nhiêu 1m²?

Đ: Cụ thể thì tôi không biết người ta tính như thế nào, hình như là bao gồm cả thuế và tiền xây dựng nhà. Nhưng chắc cũng phải tầm 40 triệu/m².

H: Chị có biết giá xây nhà ở địa phương không?

Đ: Cụ thể thì tôi cũng không rõ lắm, cần chính xác thì anh hỏi thêm bên cán bộ phụ trách xây dựng. Nhưng chắc cũng khoảng 5triệu/m².

H: Thế ở đường Nguyễn Trãi các hộ dân có trồng cây cối gì không?

Đ: Không có đâu anh, nếu có thì có vài chậu cây cảnh thôi. Làm gì có đất mà trồng.

H: Thế cây xanh ngoài đường chắc của của bên công ty cây xanh đô thị quản lý

Đ: Vâng anh ạ

H: Vâng cảm ơn chị

PHỤ LỤC 4: HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH ĐẤT ĐAI

A8.2 Bản nháp Biểu mẫu quan trắc (Thu hồi đất / tái định cư không tự nguyện)

Tên người chịu trách nhiệm và điền biểu mẫu này:

Ngày điền biểu mẫu: _____

A. Chuẩn bị khu vực tái định cư

Số.	Miêu tả khu vực	Trạng thái	Thông tin cụ thể: (1) Quy trình lựa chọn khu vực và xác định các khu vực đề xuất (2) Trao đổi báo cáo với PAPs (3) Phát triển của khu vực bao gồm cơ sở hạ tầng (4) Lý do chính của việc chậm trễ (nếu có) (5) Thông tin bổ sung (nếu có)	Ngày hoàn thành hoặc ngày kì vọng hoàn thành
1	Địa điểm: Khu vực: Số lượng hộ gia đình:		(1) (2) (3) (4) (5)	
2	Địa điểm: Khu vực: Số lượng hộ gia đình:		(1) (2) (3) (4) (5)	
3	Địa điểm: Khu vực: Số lượng hộ gia đình:		(1) (2) (3) (4) (5)	
4	Địa điểm: Khu vực: Số lượng hộ gia đình:		(1) (2) (3) (4) (5)	

B. Tham vấn cộng đồng

Số.	Ngày	Địa điểm	Nội dung tham vấn/các góp ý và trả lời chính
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
8			
9			
10			

*Thêm dòng nếu cần thiết.

B. Hoạt động Tái định cư

Hoạt động	Kế hoạch tổng	Đơn vị	Tiến trình theo khối lượng			Tiến trình theo %		Ngày dự kiến hoàn thành	Đơn vị chịu trách nhiệm
			Trong Quý	Tới quý trước	Đến hết quý	Tới quý trước	Đến hết quý		
Chuẩn bị Tái định cư									
Phê duyệt RAP									
Công bố RAP trên JICA									JICA

Hoạt động	Kế hoạch tổng	Đơn vị	Tiến trình theo khối lượng			Tiến trình theo %		Ngày dự kiến hoàn thành	Đơn vị chịu trách nhiệm
			Trong Quý	Tới quý trước	Đến hết quý	Tới quý trước	Đến hết quý		
Website									
Phê duyệt khung chính sách đền bù, hỗ trợ và tái định cư*									
Công bố khung chính sách đền bù, hỗ trợ và tái định cư*									
Phê duyệt chính sách đầu tư									
Đảm bảo ngân quỹ cho hoạt động tái định cư									
Phê duyệt quyết định đầu tư dự án									
Công bố thu hồi đất bởi UBND HP									
Kí hợp đồng với nhà thầu độc lập Khảo sát giá thay thế		MM							
Kí hợp đồng với đơn vị giám sát bên ngoài		MM							
Thành lập các tổ chức cần thiết		Số lượng tổ chức							
Chuẩn bị Chương trình phục hồi thu nhập (IRP)									
Khảo sát biện pháp cụ thể (DMS)		Số lượng PAPs							
Hoàn thiện danh sách PÁP dựa theo DMS		Số lượng PAPs							
Trình nộp báo cáo Khảo sát giá thay thế									
Tính toán khối lượng đền bù trả cho PAPs									
Phê duyệt kế hoạch đền bù, hỗ trợ và tái định cư									
Công bố kế hoạch đền bù, hỗ trợ và tái định cư									
Trình nộp báo cáo giám sát bên ngoài									
Thực hiện tái định cư									
Đàm phán		Số lượng PAPs							
Khu 1 (Cầu Nguyên Trãi)		Số lượng PAPs							
Khu 2		Số lượng							

Hoạt động	Kế hoạch tổng	Đơn vị	Tiến trình theo khối lượng			Tiến trình theo %		Ngày dự kiến hoàn thành	Đơn vị chịu trách nhiệm
			Trong Quý	Tới quý trước	Đến hết quý	Tới quý trước	Đến hết quý		
(Cầu Vũ Yên)		PAPs							
Khu 3 (Vành đai 3)		Số lượng PAPs							
Thanh toán đền bù		Số lượng PAPs							
Khu 1 (Cầu Nguyễn Trãi)		Số lượng PAPs							
Khu 2 (Cầu Vũ Yên)		Số lượng PAPs							
Khu 3 (Vành đai 3)		Số lượng PAPs							
Đất dự phòng		Số lượng PAPs							
Khu 1 (Cầu Nguyễn Trãi)		Số lượng PAPs							
Khu 2 (Cầu Vũ Yên)		Số lượng PAPs							
Khu 3 (Vành đai 3)		Số lượng PAPs							
Dự phòng căn hộ tại khu vực tái định cư		Số lượng PAPs							
Khu 1 (Cầu Nguyễn Trãi)		Số lượng PAPs							
Khu 2 (Cầu Vũ Yên)		Số lượng PAPs							
Khu 3 (Vành đai 3)		Số lượng PAPs							
Dự phòng hỗ trợ cho PÁP bị ảnh hưởng		Số lượng PAPs							
Khu 1 (Cầu Nguyễn Trãi)		Số lượng PAPs							
Khu 2 (Cầu Vũ Yên)		Số lượng PAPs							
Khu 3 (Vành đai 3)		Số lượng PAPs							
Dự phòng hỗ trợ kinh doanh		Số lượng kinh doanh bị ảnh hưởng							
Khu 1 (Cầu Nguyễn Trãi)		Số lượng kinh doanh bị ảnh hưởng							
Khu 2 (Cầu Vũ Yên)		Số lượng kinh doanh bị ảnh hưởng							
Khu 3 (Vành đai 3)		Số lượng kinh doanh bị ảnh hưởng							
Giải phóng mặt bằng		Số lượng PAPs							
Khu 1 (Cầu Nguyễn Trãi)		Số lượng PAPs							
Khu 2 (Cầu Vũ Yên)		Số lượng PAPs							
Khu 3		Số lượng							

Hoạt động	Kế hoạch tổng	Đơn vị	Tiến trình theo khối lượng			Tiến trình theo %		Ngày dự kiến hoàn thành	Đơn vị chịu trách nhiệm
			Trong Quý	Tới quý trước	Đến hết quý	Tới quý trước	Đến hết quý		
(Vành đai 3)		PAPs							
Thực hiện chương trình phục hồi thu nhập (IRP)		Số lượng PAPs							
Khu 1 (Cầu Nguyễn Trãi)		Số lượng PAPs							
Khu 2 (Cầu Vũ Yên)		Số lượng PAPs							
Khu 3 (Vành đai 3)		Số lượng PAPs							
Giải quyết khiếu nại	-	Số vụ							
Khu 1 (Cầu Nguyễn Trãi)	-	Số vụ							
Khu 2 (Cầu Vũ Yên)	-	Số vụ							
Khu 3 (Vành đai 3)	-	Số vụ							

*Theo điều 17 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, tài liệu này phải được trình nộp cho Bộ Tài nguyên Môi trường và được phê duyệt bởi Thủ tướng Chính phủ.

D. Hồ sơ khiếu nại

Số.	Ngày	Địa điểm	Tình trạng (Đã nhận/Đang giải quyết/Đã giải quyết)	Nội dung khiếu nại	Hồi đáp khiếu nại	Đơn vị chịu trách nhiệm
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						

*Thêm dòng nếu cần thiết.